



HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM  
FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0635  
TELEPHONE: \_\_\_\_\_

IV# \_\_\_\_\_

WEWL# \_\_\_\_\_

I-171 Y NO \_\_\_\_\_

EXIT VISA # \_\_\_\_\_

POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM  
(Two Copies)

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

1. APPLICANT IN VIETNAM NGUYEN THUONG CHI  
Last Middle First

Current Address: 153/84 Ky-dong P9. Q3. Ho Chi Minh City

Date of Birth: 07-25-1920 Place of Birth: My Tho

Previous Occupation (before 1975) Civil Service  
(Rank & Position)

2. TIME SPENT IN RE-EDUCATION CAMP Dates: From 06-17-75 To 01-14-1982  
Years: 06 Months: 06 Days: \_\_\_\_\_

3. SPONSOR'S NAME: \_\_\_\_\_  
Name **FAMILIES OF VIETNAMESE  
POLITICAL PRISONERS ASSOC.  
P.O. BOX 5435  
ARLINGTON, VA 22205-0635**

Address and Telephone Number \_\_\_\_\_

4. NAMES OF RELATIVES/ACQUAINTANCES IN THE U.S.

| <u>Name, Address &amp; Telephone Number</u> | <u>Relationship</u> |
|---------------------------------------------|---------------------|
| _____                                       | _____               |
| _____                                       | _____               |
| _____                                       | _____               |
| _____                                       | _____               |

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.

DATE PREPARED: \_\_\_\_\_

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : \_\_\_\_\_  
 (Listed on page 1)

| NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES | DATE OF BIRTH | RELATIONSHIP TO PA. |
|------------------------------------------|---------------|---------------------|
| VUONG CAM VAN                            | 1922          | wife                |
| NGUYEN NGOC CO                           | 1949          | daughter            |
| NGUYEN NGOC TUYET                        | 1952          | "                   |
| NGUYEN THUONG TIEN                       | 1956          | son                 |
| TRAN THI KIM CHI                         | 1959          | daughter in law     |
|                                          |               |                     |
|                                          |               |                     |
|                                          |               |                     |
|                                          |               |                     |
|                                          |               |                     |

DEPENDENT'S ADDRESS :(if different from above)

\_\_\_\_\_  
 \_\_\_\_\_

6. ADDITIONAL INFORMATION :

TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 10, 1989

Hình thư Bà,

Cách đây 2 tuần, gia đình-chúng  
tôi có nhận được bức thư Bà có  
nhạc ý cho hay đã nhận được hồ sơ  
của chúng tôi (đợt I) - liền do tôi có  
hồ âm - không biết thư ấy có đến Bà  
chưa, nên hôm nay, tôi xin phép gửi 1  
bản sao thư ấy đến Bà được rõ.

Chúng tôi xin thành thật cảm ơn  
Bà rất nhiều vì các cố gắng của  
Bà giúp lo giùm gia đình-chúng tôi.

Hôm nay, tôi gửi tiếp theo 2 phong  
bì gồm các giấy tờ giống như kỳ  
trước - Như vậy khi các giấy tờ tới  
đủ - thì các giấy tờ sẽ có đều đủ  
mỗi thứ 2 bản - như qui định.

Thỉnh mong Bà tiếp tục giúp đỡ - đề nghị gia đình chúng tôi sớm được kết quả - Thật là một ơn lớn đối với chúng tôi.

Một lần nữa xin chào thành cảm ơn Bà rất nhiều và kính chúc Bà và quý quyến được mạnh khỏe và nhiều hạnh phúc -

Nay kính,



Nguyễn Thường Chí

153/8-9 Kỵ đồng

Phường 9 Quận 3

TP. Hồ Chí Minh

VIỆT NAM

PACKING LIST

ENVELOP I :

- 1-Release certificate NGUYEN-THUONG-CHI
  - 2-List of required ODP documents
  - 3-Drafts of letter to ODP San Francisco . BANGKOK  
IRS Washington D.C.
  - 4-Photocopies of photographs (Training in USA and other  
Countries ) : .. 18 pieces
  - 5-photograph of the family : 6
- 

ENVELOP II :

- 1- Receipt of file sent to ODP BANGKOK 1983, 1988  
IRS Washington D.C. 1983
- 2-Certificate of Birth : ..... 7  
HAP-NGOC-VUONG, Spenser and 6 members of family .
- 3-Certificate of death of TRINH-THI-NHU  
(Previous marriage )
- 4 Certificates of Marriage : .....2  
a/Nguyen-thuong-CHI-Vuong-Cam -VAN  
b/Nguyen-thuong-T ien -Trang-thi-Kim-CHI
- 5 Household Books ..... 2  
a/HO-CHI-MINH City ,  
b/TRA-VINH TOWN (CUU-LONG)
- 6- Prior 1975 ID Cards ..... 4  
(CO, TUYET, TIEN, KIM-CHI)
- 7- NEW ID CARDS (Chung minh nhan dan)..... 6  
(whole family)  
HO-CHI-MINH City , 30 October 1989

8. photographs : 6

9- Release certificate 1

*Nguyen Thuong Chi*

RELEASE CERTIFICATE

Referring to the Circular No. 966-BCA/TT dated on May 31, 1961 of the Ministry of the Interior.

Executing the Judgment act, decision of release No. 133 dated December 12, 81 of the Ministry of the Interior.

Is hereby delivered to the person whose name as follows :

Full name NGUYEN THUONG CHI :-----: :  
Used other names : : HO CHI MINH CITY :  
Alias : : Administration section of :  
Born in : 1920 at My Tho : persons back from reeducation :  
Place of permanent residence : reported on Jan. 20, 1982 :  
before arrested : 153/8/9 Ky Dong street, quarter 17, street ward 4,  
District 3, Ho Chi Minh City

Guilty of : Director of Directorate of Taxes.

Arrested on June 17, 75 sentenced to be concentrated for reeducation Pursuant to Judgment act No. 30 on June 30, 1976 of the Ministry of the Interior.

Sentence mitigated :

Authorized to reside at : 153/8/9 Ky Dong street, quarter 17,  
Street ward 4, District 3, Ho Chi Minh City

Observations on Reeducation process :

- Has found himself to be guilty. Therefore in reeducation process, the person concerned has shown his belief in the Party and State policy.
- Political study : regular attendance
- Manual labor : Has completed all the required number of workdays.
- Compliance with camp regulations : good.

|                     |                      |                     |
|---------------------|----------------------|---------------------|
| Fingerprint of      | Full name, signature | January 14, 1982    |
| NGUYEN THUONG CHI   | of the holder        | The camp supervisor |
| right index         | (signed)             | Lt. Col. TRAN MANH  |
| No. 1700            | NGUYEN THUONG CHI    | XUYEN               |
| Established at NV15 |                      | (signed and sealed) |

-----  
(VERSO)

This is to certify that the person concerned has reported himself at the Administration section of persons back from reeducation.

Feb. 20, 1982

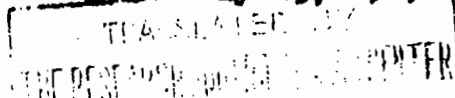
The Deputy chief of standing sub-section  
(signed and sealed)

The person concerned has reported himself at the Quarter 17, District 3 on February 09, 82  
Quarter 17, District 3, on Feb. 09, 82  
HOANG VAN CU  
(signed and sealed)

-----  
Translated from the original written in Vietnamese

File No. 855/89

Date : May 23, 1989



BỘ NỘI VỤ  
TRAI NAM HÀ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - tự do - Hạnh phúc

Số 481  
(34)

GIẤY RA TRAI

Theo thông tư số 966-HCA/TT ngày 31-5-1961 của Bộ Nội vụ  
Thi hành án văn, quyết định tha số 133 ngày 19 tháng 12 năm 81  
của Bộ Nội vụ

Nay cấp giấy tha cho anh có tên sau đây  
tên khai sinh: Nguyễn Văn Văn  
tên thường gọi: Văn Văn  
tên bí danh: Văn Văn

sinh ngày 20 tháng 10 năm 1920 Nơi sinh: Mỹ Tho  
mới ĐKK thường trú trước khi bị bắt

Can tội: 153/8/9 quy định phạm 17. số 4 Q.3 TP HCM  
bị bắt ngày 17.6.75 án phạt: 11T  
theo QĐ ân văn số 30 ngày 30 tháng 6 năm 1978  
của Bộ Nội vụ

đã bị tước quyền  
đã được thả tại: 153/8/9 quy định phạm 17. số 4 Q.3 TP HCM  
nhận xét và trình cấp tạo

QĐ Xóa án tử do: Bản thân gây ra. Nhận bằng học tập  
Cải tạo. đi 10 năm không tái phạm. Chết. Sạch cho đồng  
Đ. Văn Văn

theo quy định của pháp luật: Theo quy định  
theo quy định của pháp luật: Theo quy định  
Chấp hành Nội quy của trại  
tên người trả: Họ tên cũ ký: Ngày 14 tháng 1 năm 82  
được cấp giấy: GIẤY THẢ  
Can số: 1170  
lập tại: NV 15

Ng. thường. Chi

Nguyễn Văn Văn Văn Văn

OFF 1703 year 19-2-82

Hoang Van Lin

Phổ tuấn bạn thơng thư

1/11/20

6. . . . 1937



L. H. H.



NGUYỄN-THƯỜNG-CHÍ



VUÔNG CẨM-VÂN



NGUYỄN-NGỌC-CỎ



NGUYỄN-NGỌC-TUYẾT



NGUYỄN-THƯỜNG-TIẾN



TRẦN-THỊ-KIM-CHÌ

# LIST OF DOCUMENTS SENT TO ODP OFFICE

ODP - D  
DOCUMENTS REQUEST.

## I-VITAL STATISTIC RECORDS :

CAT 2/3

1-Birth certificate : -HAP-NGOC-VUONG (VUONG-NGOC-HAP), Sponsor, No. 05/XN.TP

|                     |                                                           |              |
|---------------------|-----------------------------------------------------------|--------------|
| -VUONG-CAM-VAN      | 27 March 1922 Da-Phuoc ,Chaudoc,                          | No. 08/XN.TP |
| -NGUYEN-THUONG-CHI  | 25 July 1920 Phu-Long Mytho                               | No. 89 Vol.1 |
| -NGUYEN-NGOC-CO     | 20 Nov. 1949 Saigon                                       | No. 9024 bis |
| -NGUYEN-NGOC-TUYET  | 28 Jan. 1952 Saigon                                       | No. 1040A    |
| -NGUYEN-THUONG-TIEN | 4 April 1956 Saigon                                       | No. 3277     |
| -TRANG-THI-KIM-CHI  | 2 March 1959 Nguyệt-Hóa,Travinh,<br>(Vinh Binh)(Cuu-Long) | No. 12       |

Total : 7

## 2-Marriage certificate :

|                                       |                 |
|---------------------------------------|-----------------|
| -VUONG-CAM-VAN-NGUYEN-THUONG-CHI      | No. 34 Volume 1 |
| -TRANG-THI-KIM-CHI-NGUYEN-THUONG-TIEN | No. 138 Vol. 1  |

Total : 2

Death Certificate TRINH-THI-NHUY )Previous marriage

No 22.....

Total : 1

## 3 Pre-1975 Government ID cards :

|                                                          |         |
|----------------------------------------------------------|---------|
| -VUONG CAM VAN ID card:lost, No 00905762 District 3      |         |
| SAIGON issued 10 March 1969                              | ..... 0 |
| -NGUYEN-THUONG-CHI IDC kept by Reeducation camp          |         |
| No 00905769 SAIGON D.3 iss.10 March 1969                 | ..... 0 |
| -NGUYEN-NGOC-CO IDC No 00853876 SAIGON D.3 26-March 1969 | ..... 1 |
| -NGUYEN-NGOC-TUYET No 00853360 SAIGON D.3 20 March 1969  | ..... 1 |
| -NGUYEN-THUONG-TIEN No 07469376 SAIGON D.3 09 Jan. 1971  | ..... 1 |
| -TRANG-THI-KIM-CHI No 11008059 VINH BINH 18 Feb. 1974    | ..... 1 |

Total: 4

## 4-Post-1975 Government ID Cards (giấy CMND)

|                     |                   |   |
|---------------------|-------------------|---|
| -VUONG -CAM VAN     | No 020604608..... | 1 |
| -NGUYEN-THUONG-CHI  | - 022241745.....  | 1 |
| -NGUYEN-NGOC-CO     | - 020240902 ..... | 1 |
| -NGUYEN-NGOC-TUYET  | - 020342131 ..... | 1 |
| -NGUYEN-THUONG-TIEN | - 022595196 ..... | 1 |
| -TRANG-THI-KIM-CHI  | - 360031993 ..... | 1 |

Total 6

## 5-Household Census books (Hộ-Khẩu) :

|                                                           |              |   |
|-----------------------------------------------------------|--------------|---|
| -VUONG CAM VAN 153/8-9 KY-DONG Q.3 HO-CHI-MINH City       | No 301140 CN | 1 |
| -TRANG-VAN-LIU 22 Dien Bien Phu ,Thị-Xã TRAVINH (CuuLong) | No 749       | 1 |

6-Original of individual photograph : (one for each relatives) Total: 2

|                                                                |
|----------------------------------------------------------------|
| -VUONG -CAM-VAN, NGUYEN-THUONG-CHI, NGUYEN-NGOC-CO,            |
| -NGUYEN-NGOC-TUYET, NGUYEN-THUONG-TIEN and TRANG-THI-KIM-CHI . |

Total 6

## II-EMPLOYMENT IN US GOVERNMENT AGENCIES OR IN PRIVATE COMPANIES

- 7- Copies of papers showing that he or other family members ~~xxxx~~ worked for the US Government or for a private US Company :...NONE

## III- : STUDY OR TRAINING :

- 8-Copies of papers showing that he or other <sup>family</sup> members studied or were trained in The US or in VIETNAM Or in other country under US sponsorship .

### PHOTOCOPIES :

- 1-Official meeting at The IRS ,Washington D.C in 1958 before starting the Training Program in Tax Administration .
- 2-Professors at GEORGE WASHINGTON UNIVERSITY . 1959
- 3-Field trip to Allentown P.A. to study "How to finance education" (Newspaper clipping) -1959
- 4-Field trip to Manila Brewery 1962 ..... Total: 4 .
- 5 One son of Nguyen-thuong-CHI, Mr. NGUYEN-THUONG-CHANH born in 1943 was trained in Veterinarian Science et graduate from CHULALONGKORN UNIVERSITY BANGKOK THAILAND about (1969-1972) as Doctor in Veterinarian Science . His picture in front of the University.

Three others of his children : NGUYEN-NGOC-CO, NGUYEN-NGOC-TUYET and NGUYEN-THUONG-TIEN studied English at The Vietnamese - American Association . (Registration booklets) .

Total : 5...

## IV-WORKING CLOSELY WITH US OFFICIALS OR US PROGRAMS while working for the Vietnamese Government.

- Worked with Mr. Ray E. DAVIS , tax Advisor at The Directorate General of taxation from 1961 to 1965.
- Worked with 3 US Tax Teams from 1966 to 1975 under US Programs aiming at ameliorating Vietnamese Tax Administration .
  - Picture of one of many in service training classes in Tax field.
  - meeting with US research group conducted by Mr. FOLEY from (BUFFALO before sending 3 US Tax Teams .
  - Reception of the third US Tax Team Leader at the Directorate General of Taxation .
  - Certificate of success in BASIC ADMINISTRATIVE MANAGEMENT COURSE
  - HSAID NEWS LETTERS Clipping about B A M classes of which M. NGUYEN-THUONG-CHI was coordinator .
- Training in BAM course, closing ceremony organized at the Directorate General of Taxation .

Total ...5....

10. Certificate or award received:

From the US Government: none.

**Y. POSITION, RANK OR FUNCTION IN THE VIETNAMESE CIVIL SERVICE:**

11. COMMUNIQUE OF SUCCESS IN ONE EXAM ORGANIZED BY THE MINISTRY OF FINANCE in 1966, showing that:

Mr. NGUYEN THUONG CHI was promoted to the Position of TAX INSPECTOR from 1966.

Other slips showing his employment in the Vietnamese Government:

- Certificate of employment by the Directorate of Registration 1951.
- Registration member in the Civil Service of Vietnamese Government - 1971.
- Receipts of rent of his house paid to the Vietnamese Government:

- . No. 528/TH2/CS 5th September 1970
- . No. 203/80 16th September 1973

( plus translations) T o t a l : 0 5

**VI. NAMES OF SUPERVISORS/ADVISORS - LETTERS RECEIVED**

12. a) Names of American Supervisors:

1st US Tax Team: Mr. Mc.Key, US Tax Team Leader:  
1966-1968.

2nd US Tax Team: - Mr. Maginnis, US Tax Team Leader  
- Mr. John Mangan, Tax Advisor in the  
field of In Service Training 1968-1972

3rd US Tax Team: - Mr. W.W. Newnam, US Tax Team Leader  
1972-1975  
- Mr. Terry Coyne, Tax Advisor 1972-1974  
- Mr. Prichard, Tax Advisor 1974-1975

both in the field of In Service Training.

T o t a l 0 6 Supervisors

12. b) American Advisors

1. Mr. David JICKLING, Training Program Sponsor and Advisor in Washington D.C., 1958-1959, on Tax Administrations in U.S.A. and CANADA.

2. Mr. Ray E. DAVIS, Tax Advisor at the Directorate General of Taxation in Saigon VIETNAM, Advisor in Tax System improvement with stress in training in all Tax Agencies (throughout the Country 1961-1965)

T o t a l 0 2 US Advisors.

12. c) Copies of Letters from Tax Advisors

1. One letter (June 26, 1982) from Mr. R?E? DAVIS.
2. One Greeting Card from Mr. David JICKLING on the occasion of the New-Year 1973.

T o t a l    0 2

III. Time in Reeducation Camp:

13. Certificate of Release from Reeducation Camp No. 48/(34) of 14 January 1982.

Time from 17 June 1975 to 13 January 1982 (6 years and 7 months)

( plus 1 trans-  
lation )

T o t a l    02

VIII. A Questionnaire

T o t a l    0 1

\*\*\*\*\*

QUESTIONNAIRE FOR ODP APPLICANTS  
CÂU HỎI CHO NGƯỜI NỘP ĐƠN

ODP IV # \_\_\_\_\_

Date: \_\_\_\_\_  
Ngày: \_\_\_\_\_

Fill out this questionnaire in English as completely as possible. If you cannot read or write in English, fill it out in Vietnamese.

Xin Điền vào số câu hỏi sau đây bằng tiếng Anh càng nhiều càng tốt. Nếu bạn không đọc hoặc viết rành Anh-ngữ thì bằng tiếng Việt.

Mail or send the completed questionnaire to:

Gửi số câu hỏi này tới:

127/ Panjabhuk Building  
Sathorn Tai Road  
Bangkok 10120 / 2  
Thailand

TỔ CÔNG-TÁC VIỆT-NAM

A. Basic Identification Data/Lý Lịch căn-bản

6 CHU-VAN-AN

1. Name  
Họ, tên

: NGUYỄN-THƯỜNG-CHÍ

HÀ-NỘI  
Sex: \_\_\_\_\_  
Phái: Male

2. Other Names  
Họ, tên khác

: SIÊU

3. Date/Place of Birth  
Ngày/Nơi Sinh

: 25 July 1920 at Phú Long, Mytho, Việt-NAM

4. Residence Address  
Địa-chỉ thường-trú

: 153/8-9 KỶ ĐÔNG P.9 Q.3 HỒ-CHÍ-MINH CITY

5. Mailing Address  
Địa-chỉ thư-tử

: 153/8-9 KỶ ĐÔNG P.9 Q.3 HỒ-CHÍ-MINH CITY

6. Current Occupation  
Nghề-nghiep hiện tại

: Accounting

B. Relatives To Accompany Me/Bà con cùng đi với tôi

(NOTE: Your spouse and unmarried children are the only relatives eligible to accompany you. List marital status (MS) as follows: Married (M), Divorced (D), Widowed (W), or Single (S).)

(Chú-Ý: Vợ/chồng và con cái có thể cùng đi với bạn mà thôi. Kể khai tình trạng gia-đình như sau: Đã lập gia đình (M), đã ly dị (D), góa phụ/góa thê (W), hoặc độc thân (S))

| Name<br>Họ, Tên       | Date of Birth<br>Ngày/Tháng/Năm sinh | Place of Birth<br>Nơi sinh | Sex<br>Phái | MS<br>Tình trạng gia đình | Relationship<br>Liên-hệ gia-đình |
|-----------------------|--------------------------------------|----------------------------|-------------|---------------------------|----------------------------------|
| 1. VƯƠNG CẨM-VÂN (F)  | 27 Mar. 1922                         | Đà-phước (F)               |             | M                         | My wife                          |
| 2. NGUYỄN-NGỌC-CỎ     | 20 NOV 1949                          | SAIGON VIETNAM (F)         |             | S                         | My daughter                      |
| 3. NGUYỄN-NGỌC-TUYẾT  | 28 Jan. 1952                         | SAIGON VN (F)              |             | S                         | My daughter                      |
| 4. NGUYỄN-THƯỜNG-TIẾN | 4 Apr. 1956                          | SAIGON VN                  | Male        | M                         | My son                           |
| 5. TRẦN-THỊ-KIM-CHÍ   | 2 Mar. 1959                          | Nguyệt Hoá (F)             |             | M                         | My daughter-in-law               |
| 6. (1)                |                                      | Vĩnh Bình Trại Vinh        |             |                           |                                  |
| 7.                    |                                      | Củ Long                    |             |                           |                                  |
| 8.                    |                                      |                            |             |                           |                                  |
| 9.                    |                                      |                            |             |                           |                                  |
| 10.                   |                                      |                            |             |                           |                                  |
| 11.                   |                                      |                            |             |                           |                                  |
| 12.                   |                                      |                            |             |                           |                                  |

(NOTE: For the persons listed above, we will need legible copies of birth certificates, marriage certificates (if married), divorce decrees (if divorced) spouse's death certificate (if widowed), identification cards (if available), and photos. If any of the above accompanying relatives do not live with you, please note their addresses in Section I below.)

(Chú-Ý: Cho mỗi người có tên trên danh sách trên, chúng tôi cần một bản khai-sinh, giá-thú (nếu lập gia-đình rồi), giấy ly hôn (nếu đã ly dị), giấy khai-tử của vợ/chồng (nếu góa phụ/góa thê), thẻ căn cước (nếu có), và hình. Nếu bà con sẽ cùng đi với bạn không chung-ngủ với bạn hiện tại, xin viết địa-chỉ của họ trong phần I.)

## C. Relatives Outside Vietnam/Họ Hàng Ở Ngoại Quốc

Of Myself/của tôi

Of My Spouse/của vợ/chồng

## 1. Closest Relative In the U.S.

Bà con thân thuộc nhất ở Hoa-Kỳ

a. Name

Họ, Tên

Mr. HAP. NGOC. VUONG

b. Relationship

Liên-hệ gia-đình

Brother-in-law

c. Address

Địa-chỉ

BRIDGEPORT CONNECTICUT

D. Date of Relatives Arrival

in the U.S.

Ngày bà con đến Mỹ

about 1980 U.S.A

## 2. Closest Relative In Other Foreign Countries

Bà con Thân-thuộc nhất ở các nước khác

a. Name

Họ, tên

Mr. NGUYEN. THUONG-CHANH

New Address:

NG. THUONG-CHANH  
480 DES ALOUETTES  
LONGUEUIL  
QUE. J4G-9Z7  
CANADA

My eldest son

DE LYON #5  
15111 QUE. J4G-9Z7  
CANADA

## D. Complete Family Listing (Living/Dead)/Danh Sách Toàn-Thể Gia-Đình (Sống/Chết)

1. Father

Cha

NGUYEN-VAN-KHON (Dead)

2. Mother

Mẹ

TRIEU-THI-DAO (Dead)

3. Spouse

Vợ/Chồng:

VUONG-CAM-VAN (Living)

4. Former Spouse (if any)

Vợ/Chồng trước (nếu có):

TRINH-THI-NHU? (Dead in 1944)

5. Children

Con cái:

- (1) NGUYEN-THUONG-CHANH (Living) in CANADA
- (2) NGUYEN NGOC CO (Living) in Ho Chi Minh City, VIETNAM
- (3) NGUYEN NGOC TUYET (Living) in Ho Chi Minh City VIETNAM
- (4) NGUYEN-THUONG-TIEN (Living) in Ho Chi Minh City VIETNAM
- (5) TRANG-THI KIM CHI (Living) 22 Điện Biên Phủ St. Tr Vinh
- (6) (1) Cuu Long Vietnam -
- (7)
- (8)
- (9)

## 6. Siblings

Anh chị em:

- (1) VUONG CAM NHUNG (Living) (F), Springfield Mass. 01104 USA
- (2) BUI HAU (Living) Male old address
- (3) VUONG BUI LAN (Living) HOE Chester on Dr. Nepean, Ontario K2E 5B9 CANADA USA
- (4) VUONG NGOC DIED (DIEN NGHIEU) Male, HOUSTON TX; USA
- (5) HAP NGOC VUONG (Male) BRIDGEPORT CT USA
- (6) VUONG BUI (Living) ĐÁP HƯC CHAU ĐOC VIETNAM
- (7) VUONG CAM TU (F) 233/25 Hẻm 12 Lũ GIÁ Ho Chi Minh City VIETNAM.
- (8)
- (9)

New address: (not known yet)

+ Thi

C. Relatives Outside Vietnam/Họ Hàng Ở Ngoại Quốc

Of Myself/của tôi

Of My Spouse/của vợ/chồng

1. Closest Relative In the U.S.

Bà con thân thuộc nhất ở Hoa-Kỳ

a. Name

Họ, Tên

Mr. HAP. NGOC. VUONG

b. Relationship

Liên-hệ gia-đình

Brother-in-Law

c. Address

Địa-chỉ

BRIDGEPORT CONNECTICUT

D. Date of Relatives Arrival

in the U.S.

Ngày bà con đến Mỹ

about 1980 U.S.A

2. Closest Relative in Other Foreign Countries

Bà con Thân-thuộc nhất ở các nước khác

a. Name

Họ, tên

Mr. NGUYEN. THUONG-CHANH

Relationship

Liên-hệ gia-đình

My eldest son

Address

Địa-chỉ

Longueuil, QUEBEC J4G 0G2 CANADA 32950 DE LYON #5 LONGUEUIL QUEBEC J4G 3R4 CANADA

D. Complete Family Listing (Living/Dead)/Danh Sách Toàn-Thể Gia-Đình (Sống/Chết)

1. Father

Cha

NGUYEN-VAN-KHON (Dead)

2. Mother

Mẹ

TRIEU-THI-DAO (Dead)

3. Spouse

Vợ/Chồng:

VUONG-CAM-VAN (Living)

4. Former Spouse (if any)

Vợ/Chồng trước (nếu có):

TRINH-THI-NHU (Dead in 1944)

5. Children

Con cái:

- (1) NGUYEN-THUONG-CHANH (Living) in CANADA
- (2) NGUYEN-NGOC-CO (Living) in Ho Chi Minh City, Viet Nam
- (3) NGUYEN-NGOC-TUYET (Living) in Ho Chi Minh City VIETNAM
- (4) NGUYEN-THUONG-TIEN (Living) in Ho Chi Minh City VIETNAM
- (5) TRANG-THI-KIM-CHI (Living) 22 Điện Biên Phủ St. Tr Vinh
- (6) (1) Cuu Long Vietnam -
- (7)
- (8)
- (9)

6. Siblings

Anh chị em:

- New address: (not known yet) →
- (1) VUONG CAM NHUNG (Living) (F) 10000 Mass. USA
  - (2) BUI HAU (Living) Male old address: 877 Box 504 TX 75704 USA
  - (3) VUONG BUI LAN (Living) HOE Chesterton Dr. Nepean Ontario K2E 5B9 CANADA USA
  - (4) VUONG-NGOC-DIEP (DIEP NGUYEN) (Living) Male BRIDGEPORT CT. USA
  - (5) HAP NGOC VUONG (Male) HOUSTON TX USA
  - (6) VUONG BUI BANG (Male) (Living) ĐÀ PHUỐC CHAU ĐỐC VIETNAM USA
  - (7) VUONG CAM-TU (F) 233/25 Hẻm 12 Lũ GIÁ Ho Chi Minh City VIETNAM
  - (8)
  - (9)

Employment by U.S. Government Agencies or Other U.S. Organization of you or your Spouse/Bạn hoặc vợ/chồng đã có làm việc cho công-sở của chính-phủ Mỹ hoặc hãng Mỹ

1. Employee Name  
Tên họ nhân-viên : NONE

Position title  
Chức-vụ : /

Agency/Company/Office  
Số/Hang/Văn-Phòng : /

Length of Employment From: / To: /  
Thời-gian làm-việc Từ / Đến /

Name of American Supervisor  
Tên họ giám-thị Mỹ: /

Reason for Separation  
Lý do nghỉ việc : /

2. Employee Name  
Tên họ nhân-viên : NONE

Position title  
Chức-vụ : /

Agency/Company/Office  
Số/Hang/Văn-Phòng : /

Length of Employment From: / To: /  
Thời-gian làm-việc Từ / Đến /

Name of American Supervisor  
Tên họ giám-Thị Mỹ: /

Reason for Separation  
Lý-do nghỉ-việc : /

3. Employee Name  
Tên Họ nhân-viên : None

Position title  
Chức-vụ : /

Agency/Company/Office  
Số/Hang/Văn-Phòng : /

Length of Employment From: / To: /  
Thời-gian làm-việc Từ / Đến /

Name of American Supervisor  
Tên họ giám-thị Mỹ: /

Reason for Separation  
Lý do nghỉ việc : /

F. Service with GVN or RVNAF By You Or Your Spouse/Ban-Hoac Vo/Chồng Da Cong-vu voi Chính-phu Việt-Nam

1. Name of Person Serving  
Họ tên người tham-gia: NGUYỄN-THƯỜNG-CHI

2. Dates: From: 1949 and continued To: /  
Ngày, tháng, năm Từ 7 July 1954 Đến 30 April 1975

3. Last Rank  
Cấp-bậc cuối-cùng: Tax Inspector Serial Number: 20. 217.09.001

4. Ministry/Office/Military Unit  
Bộ/số/Đoàn-Vị Binh-Chúng: Ministry of Finance (Sở Quốc Gia Danh Bô)  
Directorate General of Taxation

5. Name of Supervisor/C.O.  
Họ tên người giám-thị/sĩ-quan chỉ-huy: Mr. PHAM-NHẬT-HOC  
(Director General of Taxation)

6. Reason for Separation : The events of 30 April 1975  
Lý do nghỉ việc :
7. Names of American Advisor(s): a) American Supervisors (1966-1975): 3 US Tax Teams  
Họ tên cố-vấn Mỹ : 1st US Tax Team = Mr. McKEY, US Tax Team leader  
2nd US Tax Team = Mr. MAGINNIS, US Tax Team leader  
Mr. JOHN MANGAN, Tax Advisor  
8. U.S. Training Courses in Vietnam: 3rd US Tax Team = Mr. W.W. NEWNAM (Training)  
Chương-Trình huấn-luyện Hoa-Kỹ : BASIC Administrative Management Mr. Terry Coyne (Tax Advisors)  
tại Viet-Nam : (with Dr. Hugh Wood, and Dr. Jack W. Dornum and Richard Rucchi - Mr. Prichard) (Training)  
9. U.S. Awards or Certificates  
Name of award: b) Other US Advisors: Date received: 1) Mr. David Jickling  
Phân-thưởng hoặc giấy khen: CERTIFICATE Ngày nhận: 1958-1959 Training  
3 June 1968 2) Mr. Ray E. Davis  
(NOTE: Please attach any copies of diplomas, awards or certificates, if available. 1961-1965  
Available? Yes ☒ No ☐ Tax Administration  
(CHÚ-Y: Xin bạn kèm theo bất cứ văn-bằng, giấy ban-khen, hoặc chứng-thủ nêu có. and training  
Đừng sợ có không? Có ☒ Không ☐.)

G. Training Outside Vietnam of You or Your Spouse/Bạn hoặc Vợ/chồng đã huấn-luyện ở  
ngoại quốc

- |                                                                        | A. MYSELF                                                                                                                                           | B. MY ELDEST SON                                                                                                                                                              |
|------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1. Name of Student/Trainee:<br>Họ tên Sinh-viên/người được huấn-luyện: | NGUYỄN-THƯỜNG-CHÍ                                                                                                                                   | NGUYỄN-THƯỜNG-CHÁNH                                                                                                                                                           |
| 2. School and School Address -<br>Trường và địa-chỉ nhà trường:        | 1) American University, Washington D.C.<br>2) GEORGE WASHINGTON University, Washington D.C.<br>3) Southern California University, Los Angeles       | Veterinarian,<br>Teacher at the University of Cantho (VN),<br>- Studied and was trained at CHULA-<br>LONGKORN UNIVERSITY, BANGKOK THAILAND<br>1969-1972 in VETERINARY SCIENCE |
| 3. Dates:<br>Ngày, tháng, năm                                          | Respectively From To: 1) NOV-Dec 1958<br>2) FEB-May 1959<br>3) February 1971                                                                        | Graduate: DOCTOR Degree<br>U.S.A.I.D. paid                                                                                                                                    |
| 4. Description of Courses<br>Mô-tả ngành học                           | 1) American History and Civilization<br>2) TAX ADMINISTRATION -<br>work analysis, w. control and w. simplification<br>3) New techniques in training |                                                                                                                                                                               |
| 5. Who paid for training?<br>Ai đài-tho chương-trình huấn-luyện?       | USAID paid and Basic Administrative Management                                                                                                      |                                                                                                                                                                               |
- (NOTE: Please attach copies of diplomas or orders, if available. Available? Yes ☐ No ☐.)  
(CHÚ-Y: Xin bạn kèm theo văn-bằng, hoặc chỉ thị nếu có. Bạn có hay không? Có ☐ Không ☐  
+ Photographs, Newspaper and News letter clippings and letters.

H. Re-education of You or Your Spouse/Bạn hoặc vợ/chồng đã học-tập cải-tạo

1. Name of Person in Reeducation:  
Họ tên người đi học-tập cải-tạo : NGUYỄN-THƯỜNG-CHÍ
2. Time in Reeducation: From: To:  
Thời gian học-tập Từ: 17 June 1975 Đến: 13 January 1982
3. Still in Reeducation? \* Yes No  
Vẫn còn học-tập cải-tạo? \* Có Không NO

\*(If released, we must have a copy of your release certificate.)  
\*(Nếu được thả, chúng tôi cần một bản sao giấy ra trại.)

- I. Any Additional Remarks?/Cúcc chú phụ-thuộc (1) TRANG-THI-KIM-CHI lives at 22  
ĐIÊN BIÊN PHÚ Street, Trại Vinh, Qui Long  
As a School Teacher, She has to wait for an authorization to move  
to her husband's house located in Ho Chi Minh City. Formalities are in progress.  
(2) We will highly appreciate your assistance, if you take into  
consideration our petition in the humanitarian side, and allow  
all my children to join to us to resettle in the USA. Due to our  
old age, we depend on them, and mostly depend on our Son, TIEN and  
his wife, our main supports.  
Signature: [Signature] Date: 5th June 1989  
Ký tên: NGUYỄN-THƯỜNG-CHÍ Ngày:

J. Please List Here All Documents Attached to This Questionnaire  
Xin nêu ra tất-cả giấy-tờ kèm theo với số câu hỏi này

A list of documents is attached with 4 pages.  
It will respond to this questionnaire and, also, to  
ODP-D Documents Request - Cat 2/3.

Bridgeport, \_\_\_\_\_

TO: AMERIC. EMBASSY  
ORDERLY DEPARTURE PROGRAM  
Box 58  
APO San Francisco 96346

RE: VUONG CAM VAN  
NGUYEN THUONG CHI, \_\_\_\_\_ IV No. \_\_\_\_\_ (1983).

Dear Sirs,

This is to apply for immigrant visas for reunification of family for my relatives still in Vietnam to settle in the USA. I think they are eligible to immigrant visas. As US citizen, I would like to sponsor them. They are namely as follows:

| NAME                  | D.O.B.       | C.O.B.  | ID Card   | RELATIONSHIP                                       |
|-----------------------|--------------|---------|-----------|----------------------------------------------------|
| 1. VUONG CAM VAN      | 27 Mar. 1922 | VIETNAM | 060604608 | my sister-in-                                      |
| 2. NGUYEN THUONG CHI  | 25 July 1920 | VIETNAM | 022241745 | my brother-in-la                                   |
| 3. NGUYEN NGOC CO     | 20 Nov. 1949 | VIETNAM | 020240902 | my niece                                           |
| 4. NGUYEN NGOC TUYET  | 28 Jan 1952  | VIETNAM | 020342131 | my niece                                           |
| 5. NGUYEN THUONG TIEN | 4 Apr 1956   | VIETNAM | 022595196 | my nephew                                          |
| 6. TRANG THI KIM CHI  | 2 Mar 1959   | VIETNAM | 360031993 | my niece-in-law<br>(wife of NGUYEN<br>THUONG TIEN) |

In compliance with instruction of ODP Office, please find attached herewith all the documents requested such as:

I. Vital statistics records: (from No. 1 to No. 6 of the list).

Birth Certificates - Certificate of death of the wife of previous marriage - Certificates of marriage pre 1975 Government ID Cards - and ID Card member Post 1975 Government ID Cards (giấy CMND) - Household census books (Hộ khẩu) and original of individual photographs.

2. Other documents (from No. 7-14)

Employment, training - working closely with US program - rank positions - American supervisors/Advisors list - Letter from US Advisor, certificate of release from reeducation Camp and questionnaire (attached herewith) sent his file to ODP Bangkok in 1983 and completed again his file in 1988 (Registration Receipt No. 0387/198 and No. /1988). He don't receive yet his IV number.

In case my file is complete and the ODP Office does not require any additional documents, I would like very much appreciate your assistance if your office could expedite the processing of the file and issue the much needed "Letter of Introduction (L.O.I.)" or Tho' giời thiệu to my relatives:

|                       |                 |           |                                                     |
|-----------------------|-----------------|-----------|-----------------------------------------------------|
| 1 VUONG CAM VAN       | 27 Mar. 1922/VN | 020604608 | my sister                                           |
| 2. NGUYEN THUONG CHI  | 25 July 1920/VN | 022241745 | my brother-in-law                                   |
| 3. NGUYEN NGOC CO     | 20 Nov. 1949/VN | 020240902 | my niece                                            |
| 4. NGUYEN NGOC TUYET  | 28 Jan. 1952/VN | 020342131 | my niece                                            |
| 5. NGUYEN THUONG TIEN | 04 Apr 1956/VN  | 022595196 | my nephew                                           |
| 6. TRANG THI KIM CHI  | 02 Mar. 1959/VN | 350031993 | my niece-in-law<br>(wife of NGUYEN<br>THUONG TIEN). |

\* Current address in Vietnam:

Mr. NGUYEN THUONG CHI  
153/8-9 Ky Dong  
P.9, Q.3.  
TP. HO CHI MINH.

VIETNAM

\* Address in the U.S.A.

Mr. HAP NGOC VUONG

Bridgeport Connecticut

U.S.A.

While waiting for your reply, please accept my deepest regards and thank you very much for your assistance in this reunification process.

With best wishes, I remain.

Very truly yours,

HAP NGOC VUONG

Bridgeport, \_\_\_\_\_

TO: AMERICAN EMBASSY  
ORDERLY DEPARTURE PROGRAM  
BANGKOK THAILAND  
127 Panjabum Building  
Sathorn Tai Road  
Bangkok 10.120 THAILAND

RE: VUONG CAM VAN  
NGUYEN THUONG CHI, \_\_\_\_\_ IV No. \_\_\_\_\_ (1983)

Dear Sirs,

This is to apply for immigrant visas for reunification of family for my relatives still in Vietnam to settle in the USA. I think they are eligible to immigrant visas. As US citizen, I would like to sponsor them. They are namely as follows:

| NAME                  | D.O.B/P.O.B.    | ID Card   | RELATIONSHIP                                       |
|-----------------------|-----------------|-----------|----------------------------------------------------|
| 1. VUONG CAM VAN      | 27 Mar. 1922/VN | 060604608 | my sister                                          |
| 2. NGUYEN THUONG CHI  | 25 July 1920/VN | 022241745 | my brother-in-law                                  |
| 3. NGUYEN NGOC CO     | 20 Nov. 1949/VN | 020240902 | my niece                                           |
| 4. NGUYEN NGOC TUYET  | 28 Jan. 1952/VN | 020342131 | my niece                                           |
| 5. NGUYEN THUONG TIEN | 04 Apr. 1956/VN | 022595196 | my nephew                                          |
| 6. TRANG THI KIM CHI  | 02 Mar. 1959/VN | 360031993 | my niece-in-law<br>(wife of NGUYEN<br>THUONG TIEN) |

In compliance with instruction of ODP Office, please find attached herewith all the documents requested such as:

1. Vital statistics records: (from No. 1 to No. 6 of the list)

Birth certificates - certificate of death of the wife of previous marriage - certificates of marriage pre 1975 Government ID Cards and ID Card member Post, 1975 Government ID Cards (giấy CMND) - Household census books (Hộ khẩu) and original of individual photographs.

2. Other documents (from No 7 - 14)

Employment, training - working closely with US program - rank positions - American supervisors/Advisors list - Letter from US Advisor, certificate of release from reeducation camp and questionnaire (attached herewith) sent his file to ODP Bangkok in 1983 and completed again his file in 1988 (Registration Receipt No. 0387/1983 and No. /1988). He don't receive yet his IV number.

In case my file is complete and the ODP Office does not require any additional documents, I would like very much appreciate your assistance if your office could expedite the processing of the file and issue the much needed "Letter of Introduction (L.O.I.)" or Thư giới thiệu to my relatives:

|                       |                 |           |                                                    |
|-----------------------|-----------------|-----------|----------------------------------------------------|
| 1. VUONG CAM VAN      | 27 Mar. 1922/VN | 020604608 | my sister                                          |
| 2. NGUYEN THUONG CHI  | 25 July 1920/VN | 022241745 | my brother-in-law                                  |
| 3. NGUYEN NGOC CO     | 20 Nov. 1949/VN | 020240902 | my niece                                           |
| 4. NGUYEN NGOC TUYET  | 28 Jan. 1952/VN | 020342131 | my niece                                           |
| 5. NGUYEN THUONG TIEN | 04 Apr. 1956/VN | 022595196 | my nephew                                          |
| 6. TRANG THI KIM CHI  | 02 Mar. 1959/VN | 360031993 | my niece-in-law<br>(wife of NGUYEN<br>THUONG TIEN) |

\* Current address in Vietnam

Mr. NGUYEN THUONG CHI  
153/8-9 Ky Dong  
P.9, Q.3  
TP. HO CHI MINH

VIETNAM

\* Address in the U.S.A.

Mr. HAP NGOC VUONG

Bridgeport Connecticut

U.S.A.

While waiting for your reply, please accept my deepest regards and thank you very much for your assistance in this reunification process.

With best wishes, I remain.

Very truly yours,

HAP-NGOC-VUONG

ORDERLY DEPARTURE PROGRAM (VIET-NAM)

Date filed . . . . .

Diocese of . . . . .

Our name : Mr/Mrs.

HAP-NGOC-VUONG .

Phone (home) . . . . .

(work) . . . . .

Our address : . . . . .

number

Street

City/Country/State

Zip Code

The following are persons in VIETNAM known to me and who may be eligible to enter the US as former US Government employee or close associate to the US.

| <u>Name of principal emigrant</u> | <u>Date/Place of Birth</u> | <u>Relation to you</u> | <u>Address in Viet-Nam</u>                            |
|-----------------------------------|----------------------------|------------------------|-------------------------------------------------------|
| 1. VUONG CAM VAN<br>his wife.     | 27 March 1922              | F M My sister          | 153/8-9 Ky Dong, P.9,Q3<br>Hochiminh City<br>VIETNAM. |

Names of close relatives accompanying principal emigrant :

| <u>Names of close relatives</u>                                                                                                                     | <u>Date/Place of birth</u>                                                    | <u>Sex</u> | <u>MS</u> | <u>Relation to you</u> | <u>Address in Vietnam</u>                                       |
|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------|------------|-----------|------------------------|-----------------------------------------------------------------|
| 1. NGUYEN THUONG CHI<br>(Husband of my sister Vương Cam Vân)                                                                                        | 25 July 1920<br>Phu Long (Mỹ Tho) Định Tường Province of Tiền Giang, VIETNAM. | M          | M         | My brother-in-law.     | 153/8-9 Ky dong St P9/Q3.<br>HCM City.<br>Viet Nam.             |
| 2. NGUYEN NGOC CO<br>her daughter                                                                                                                   | 20 Nov.1949                                                                   | F          | S         | My niece               | --                                                              |
| 3. NGUYEN NGOC TUYET<br>her daughter                                                                                                                | 28 Jan.1952                                                                   | F          | S         | My niece               | --                                                              |
| 4. NGUYEN THUONG TIEN<br>her son                                                                                                                    | 4 Apr.1956                                                                    | M          | M         | My nephew              | --                                                              |
| 5. TRANG THI KIM CHI (1)<br>her daughter-in-law<br>wife of NG. THUONG TIEN<br>(1) She will move to her husband's household (formalities in process) | 02 Mar.1959                                                                   | F          | M         | My niece in law.       | 22 Dien-Bien Phu.<br>Tra Vinh Town<br>Cuu Long,<br>VIETNAM. (1) |

US. Government employee

Description of past association (of emigrant)

US Government Agency : . . . . .

Last title/grade. . . . .

Name/Position of Supervisor . . . . .

/ . . . . .

Employee of American Company or Organisation  
US. Company, Contractor, Agency, Organization or Foundation :  
Last title/Grade . . . . . Name/Position of Supervisor. . . .  
- Mr. NGUYEN THUONG CHI is an employee  
of Vietnamese Government (prior to 1975).  
Ministry ? Ministry of Finance  
Directorate General of Taxation  
Tax Training Division

Last title/Grade : Tax Inspector, upper class Grade 3  
Director of Training  
(In service training in Tax Administration)

Name/Position of Supervisor : Mr. PHAM NHUT HOC,  
Director General of Taxation.

Was time spent in Re-education camp ? Yes ☒

How long ? - 7 months and 6 years (officially from 17 June 1975  
to 13 Jan. 1982)

Former trainee in the US and abroad under the US Government sponsorship :

School : Location :

1. Training project on Tax Administration No. 30-79-081-1-80 242  
Year : 1958 - 1959 PIO/P No 730-80303

a/ In USA.

- American University : American History and Civilization  
WASHINGTON DC.
- GEORGE WASHINGTON UNIVERSITY WASHINGTON DC.
- Tax administration
- Introduction to Public administration
- Work analysis, Work simplification and work control
- Conference on Public administration (ASPA)
- Conference on Tax administration (NATA) BUFFALO N.Y.
- Conference with Western Tax Administrators SANTA-FE New M.
- Taxes financing Education (Public schools) ALLENTOWN PA.

b/ Canada : (1959)

- SEMINAR OF TAX FOUNDATION TORONTO CANADA
- SEMINAR ON TAX ADMINISTRATION MINISTRY OF  
FINANCE CANADA OTTAWA -

2. Training in the Philippines (May 1962)

TRAINING CENTER (BUREAU OF INTERNAL REVENUE) MANILA

- Field trip at the University of the Philippines -
- Training on Tax administration The PHILIPPINES

3. Training on New techniques of training (BAM course) in USA (1971)  
and TAIWAN (1973)

SOUTHERN CALIFORNIA UNIVERSITY LOS ANGELES CAL.

New techniques of training  
(with Dr. Jack Von DORNUM as leader)

- and JITAC TAIPEH (TAIWAN)

4. Training in Vietnam under USA's sponsorship :

BASIC ADMINISTRATIVE COURSE (29 Apr.68 to 1 Jun.68) at the  
National Institute of administration  
in Saigon.

Type of degree or Certificate : CERTIFICATE.

Dates of Training :

- 1- in The US : One year from Nov. 2, 1958 to 31 October 1959
- 2- in the US : Three weeks from Feb.8, 1971 to Feb.25, 1971  
(includeing TAIPEH) 1 week Feb. 1971 to March, 1971
- 3- In Manila : One month  
(Philippines) From May 1, 1962 to May 31, 1962
- 4- In Saigon, VN under USAID sponsorship : One month, 3 days :  
BASIC ADMINISTRATIVE MANAGEMENT COURSE  
at the National Institute of Administration in Saigon  
from April 29, 1969 to June 1st, 1968.

I sear that the above information is true to the best  
of my knowledge.

Signature . . . . . Date . . . . .

Subscribed and sworn to before me . . . . .  
this . . . . . (date).

Signature of Notary Public . . . . . at the country of  
. . . . . My commission expires on . . . . .

USCC FORM B.

## AFFIDAVIT OF RELATIONSHIP

YOUR NAME ..... HAP NGOC VUONG ..... DATE ..... , 1988.....

DATE OF BIRTH ..... 20 April 1942 ..... US CITIZEN .....

PLACE OF BIRTH ..... DAPHUOC (CHAUDOC) ..... PERMANENT RESIDENT ALIEN.....  
VIETNAM

ADDRESS IN U.S.A..... PAROLEE .....

..... DATE OF ENTRY TO U.S.....

Tel.(...) --- or (---) ---

List below the persons to be considered for admission to the United States. In the column MS (marital status) indicate whether married, divorced, widowed, or never married, with the letters M, D, W, or NM. For all married relatives that you list, include the names of their spouses and children.

| Name (in natural order)                              | Date of Birth | Place of Birth                                            | Sex | MS | Relationship To You |
|------------------------------------------------------|---------------|-----------------------------------------------------------|-----|----|---------------------|
| 1. NGUYEN-THUONG-CHI                                 | 07-25-1920    | Phulong (Mytho) Dinh-Tuong, Tien-Giang province, VIETNAM  | M   | M  | Brother-in-law      |
| 2. VUONG-CAM-VAN                                     | 03-27-1922    | Da-Phuoc, Chaudoc, An-Giang province, VIETNAM             | F   | M  | Blood Sister        |
| 3. NGUYEN-NGOC-CO                                    | 11-20-1949    | Saigon, VIETNAM                                           | F   | NM | Niece               |
| 4. NGUYEN-NGOC-TUYET                                 | 01-28-1952    | Saigon, VIETNAM                                           | F   | NM | Niece               |
| 5. NGUYEN-THUONG-TIEN                                | 04-04-1956    | Saigon, VIETNAM                                           | M   | M  | Nephew              |
| 6. TRANG-THI-KIM-CHI<br>(Wife of Nguyen-thuong-Tien) | 03-02-1959    | Nguyet-Hoa (Vinh-Binh, Travin) Cuu-Long province VIET-NAM | F   | M  | Niece-in-law        |

Present address(es) of the persons : 153/8-9 Đường KỶ-DÔNG  
Phường 17 Quận 3  
THÀNH-PHỐ HỒ-CHÍ-MINH  
VIET-NAM

As to TRANG-THI-KIM-CHI, the formalities are in processing for authorization to move from her household (22 DIEN-BIEN-PHU, TRAVINH TOWN, CUU-LONG Province) to her husband's household (153/8-9 KỶ-DÔNG, P.17 Q.3 HO-CHI-MINH City). Her address will be : 153/8-9 Đường KỶ-DÔNG, Phường 17 Quận 3  
THÀNH PHỐ HỒ-CHÍ-MINH VIET-NAM

I swear that the above information is true. I understand that any false statement could jeopardize my immigration status in the United States.

.....  
Signature

Subscribed and sworn to before me

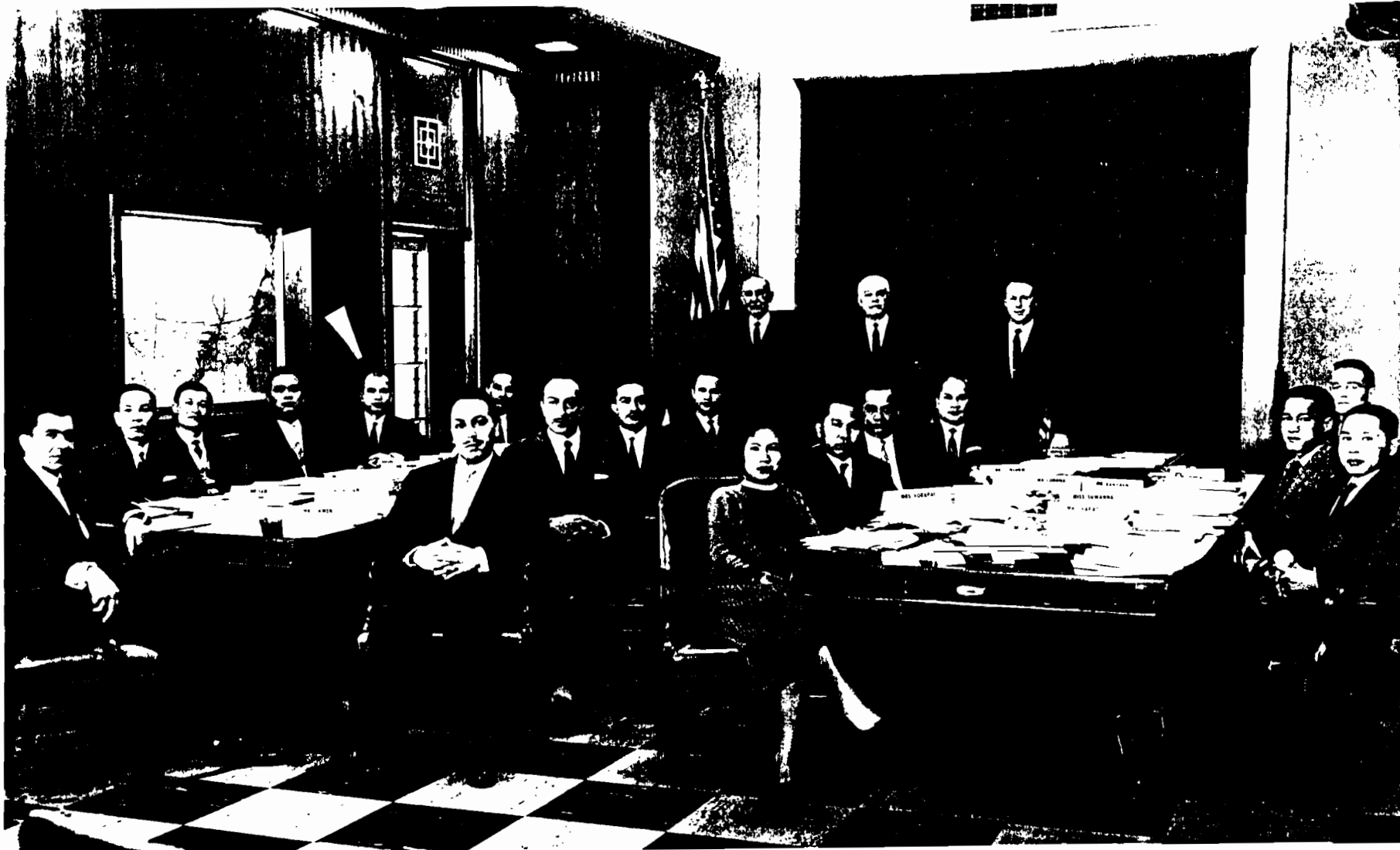
this ..... day of ..... A.D. , 1988

.....  
Signature of Notary

My commission expires : .../.../.....

If you are a parolee or permanent Resident Alien, please attach a copy of your I-94 (parolee) or I-151-551 (Permanent Resident Alien) Green card to the completed affidavit you return to us.

(see attached)



Mr.  
David  
Jick-  
ling

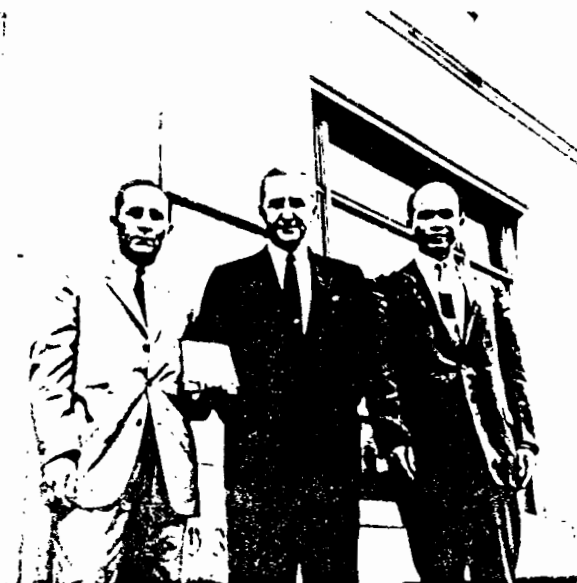
Speaker's table left to right: Mr. Eldon P. King, Director, International Tax Relations Division; Mr. Dana Latham, Commissioner of Internal Revenue; Mr. Stanley D. Stockman, Technical Advisor, International Tax Relations Division; Upper left: Mr. Phan Quan Phat, Viet Nam; Mr. Nguyen thuong Chi, Viet Nam; Mr. Quach van Thinh, Viet Nam; Mr. Nguyen van Tuan, Viet Nam; Mr. Nguyen sanh Sam, Viet Nam; Mr. Ilham Gener, Turkey; Mr. Ismail Ilkmen, Turkey; Mr. Sushil Jaygun, Turkey; Mr. Ilham Ozer, Turkey; Mr. Numan Ozsoy, Turkey; Center: Mrs. Worapal Raksavanichapongse, Thailand; Mr. Wichai Ek-une, Thailand; Mr. Juan M. Corona, Philippines; Mr. Jose E. Consurji, Philippines; Upper right: Mr. David Jickling, International Cooperation Administration; Mr. Barnham Banchukul, Thailand; Mr. Prabat Kamman, Thailand  
Training Project No 30-79-081-1-80-242, Nov. 4 1958 - Nov. 3 1959. PIO/P N: 730-80303  
on Tax Administration.

Photo - 17 December 1958 -

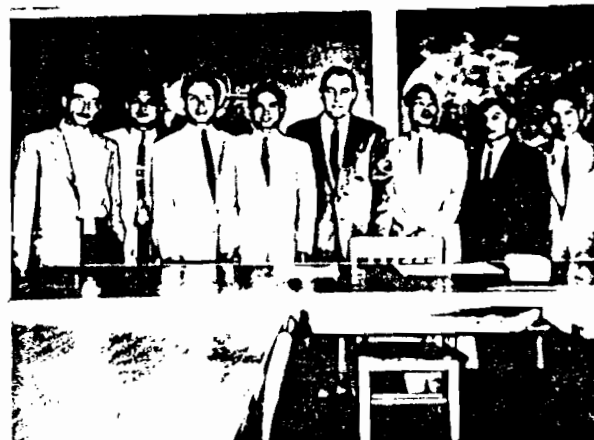
AT THE GEORGE WASHINGTON UNIVERSITY

( 3 Professors ) 1959

CHIM. K. BACK

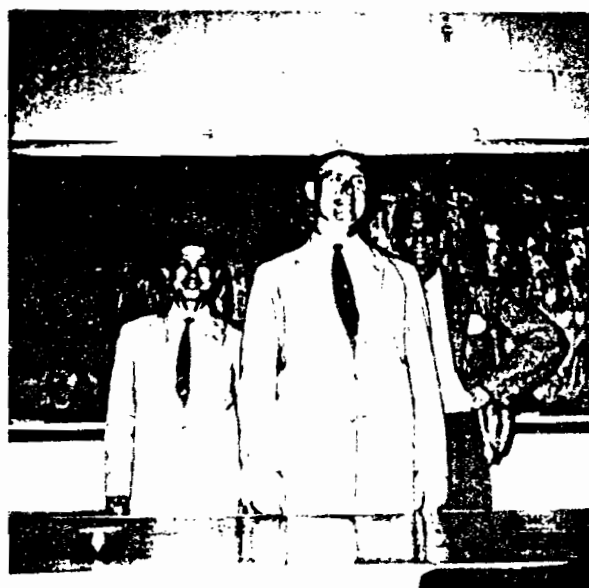


3- Mr. MURPHY P. C. H.



1- Mr. K. BACK

Tax Administration  
course



2- Dr. OBERN

Introduction to Public  
Administration course

# Vietnamese Delegate in Allentown To Study Financing of Education

From Allentown  
Newspaper

1959

(PENNSYLVANIA)

USA

1959

39

## Training projects

1) ON TAX ADMINISTRATION

Nº 30-79-081.1-80 242

NOV 8, 1958 - NOV 3, 1959

PIO/P Nº 730-80303

2) ON NEW TECHNIQUE OF  
TRAINING - 1971

3) 1968-69

USAID PROJECT

Training on BASIC ADMINISTRATIVE  
MANAGEMENT COURSE  
(BAM)



a visit  
to SAINT MIGUEL  
BREWERY  
1962.

TRAINING IN TAX ADMINISTRATION - THE PHILIPPINES



My Son, NGUYỄN-THƯỜNG-CHÁNH  
Doctor in Veterinary Sciences  
graduate from Chulalong Korn University  
BANGKOK, THAILAND  
1972 - USAID Program.



CHULALONG KORN  
UNIVERSITY  
BANGKOK, THAILAND

# EXAMINATIONS TAKEN AT THE VAA

TYPE OF EXAM :      DATE :      RESULT :

|   |  |  |
|---|--|--|
| 1 |  |  |
| 2 |  |  |
| 3 |  |  |

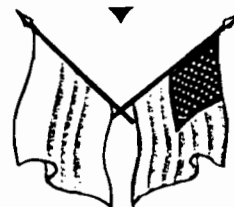
## CHÚ Ý :

1. Sổ Ghi Điểm này được cấp cho học viên khi ghi học lần đầu tiên tại Hội Việt Mỹ. Nếu làm mất phải đóng 50đ để được cấp quyền sổ khác.
2. Muốn tiếp tục học tại Hội Việt Mỹ, học viên phải xuất trình sổ này để ghi học vào thời gian ghi tên mỗi đầu khóa mới.
3. Xin xuất trình sổ này mỗi khi nhà trường hỏi đến.
4. Cuối mỗi khóa học xin nộp sổ này cho Giáo-sư để được phê điểm.



# HỘI VIỆT - MỸ

VIETNAMESE - AMERICAN ASSOCIATION



## SỔ GHI ĐIỂM

STUDENT RECORD BOOKLET



Mr.

Mrs.

Miss

*Nguyễn Ngọc Cờ*  
 Ngày sinh: *20-11-49* Số học bạ: *34976*  
 Date of birth:      Student No  
 Địa Chỉ: *153/8 and 9 Đoàn THỊ ĐIỂM SÀI GÒN*  
 Home address

My daughter, now teacher  
 of English and French.

[illegible]

# EXAMINATIONS TAKEN AT THE VAA

| <u>TYPE OF EXAM:</u> | <u>DATE:</u> | <u>RESULT:</u> |
|----------------------|--------------|----------------|
| 1 _____              | _____        | _____          |
| 2 _____              | _____        | _____          |
| 3 _____              | _____        | _____          |

## CHÚ Ý:

- Sổ Ghi Điểm này được cấp cho học viên khi ghi học lần đầu tiên tại Hội Việt Mỹ. Nếu làm mất phải đóng 50đ để được cấp quyền sổ khác.
- Muốn tiếp tục học tại Hội Việt Mỹ, học viên phải xuất trình sổ này để ghi học vào thời gian ghi tên mỗi đầu khóa mới.
- Xin xuất trình sổ này mỗi khi nhớ trường hỏi đến.
- Cuối mỗi khóa học xin nộp sổ này cho Giáo sư để được phê điểm.



## HỘI VIỆT - MỸ

VIETNAMESE - AMERICAN ASSOCIATION

53-55, đường Mạc Đĩnh Chi - SAIGON

TELEPHONE: 83.774 - 83.772



## SỔ GHI ĐIỂM

## STUDENT RECORD BOOKLET



Mr.  
Mrs.  
Miss

Nguyễn Ngọc Cỏ

Ngày sinh: 20-11-1949

Số học bạ: 34976

Date of birth

Student No

Địa chỉ: 153/8 and 9 Kị Đồng Saigon

Home address

My daughter, now teacher  
of English and French -

Miss NGUYEN-NGOC-CO, 20 NOV. 1949 identification card No 00853876 of 26-3-69-

STUDENT RECORD BOOKLET No 34.976

ENGLISH CLASSES at The Vietnamese American Association

1970 & 1971

53-55 MAC DINH CHI, SAIGON

| Course No | TEACHER'S NAME (print) | TERM Period  | Class Work | No hours Absent | Written Exam | Oral Eval | Final Grade | REMARKS    | Teacher's Signature |
|-----------|------------------------|--------------|------------|-----------------|--------------|-----------|-------------|------------|---------------------|
| Three     | Mrs. E. S. Baling      | 1-3/70       |            | 1               |              |           | Pass        | Good       | E.S.B.              |
| Four      | G. J. Huot             | 4-6/70       | c          | -               |              | Good      | Pass        | REGISTERED | huot                |
| Five      | Hu Do Thi              | july sept 70 |            | 7               |              |           | Pass        | irregular  | huot                |
| Six       | Daing Chanh Chuig      | Oct Dec 70   |            | 4 1/2           |              |           | Fail        | REGISTERED | huot                |
| Six       | T T K huc              | Jan - March  |            | 1 1/2           |              |           | Pass        | REGISTERED | huot                |
| Seven     | Mrs Anh C.             | April June   |            |                 |              |           | Fail        | Repeat     | Mrs Anh C.          |
| Seven     | Nguyen G. Mo           | Sept 71      |            | 4 1/2           |              |           | PASS        |            | N.O.Mo              |
| Eight     | D.T. NHAN              | Oct Dec 71   |            | 0               |              |           | PASS        |            |                     |
| Nine      | Nguyen Van Loe         | 1-3-72       |            |                 |              |           | Fail        |            |                     |

# EXAMINATIONS TAKEN AT THE VAA

**HỘI VIỆT-MỸ**  
 VIETNAMESE - AMERICAN ASSOCIATION  
 53-55, đường Mạc Đĩnh Chi - SAIGON  
 TELEPHONE: 92.771 - 92.772



## SỔ GHI ĐIỂM TEST RECORD BOOKLET



Đã thi xong các môn thi học viên khi  
 thi xong các môn thi của Hội Việt-Mỹ. Nếu làm  
 tốt các môn thi này thì sẽ được cấp bằng  
 cấp của Hội Việt-Mỹ. Các học viên  
 phải nộp tiền thi phí cho Hội Việt-Mỹ  
 phí này được dùng để mua sách và  
 các tài liệu khác.  
 Xin nhớ đến các học viên đang học  
 để.  
 Các học viên học xong các môn thi cho Giáo  
 sư để được phát bằng.

Mr. Miss  
 Name: Nguyễn Văn Đức  
 Ngày sinh: 20 / 1 / 1952 Số học bạ: 100000000  
 Date of birth: 20 / 1 / 1952 Student No.: 100000000  
 Địa chỉ: 153/89 Kỳ Đồng Saigon  
 Home address:

My daughter, now teacher  
 in English and French

NGUYEN-NGOC-TUYET, 28-1-1952. Identification Card 00853380 of 20-3-1969

STUDENT RECORD BOOKLET No 45.760  
ENGLISH CLASSES at the Vietnamese American Association  
53-55 MAC DINH CHI, SAIGON

1971 & 1973

| Course No          | TEACHER'S NAME (print) | TERM Period       | Class Work | No hours Absent | Written Exam | Oral Eval | Final Grade | REMARKS   | Teacher's Signature |
|--------------------|------------------------|-------------------|------------|-----------------|--------------|-----------|-------------|-----------|---------------------|
| ONE                | Ms. XUAN DINH          | Jan. - March 1971 |            | 1 1/2           |              |           | Honors      | Attentive | Sh                  |
| TWO                | Vũ Thị Hồng Sinh       | April - June 1971 |            | 0               | 4            |           | Honors      | Good      | tr                  |
| THREE              | ĐC T. H. HUNG          | 7-9/71            |            | 1 1/4           |              |           | Pass        |           | nhung               |
| FOUR               | MR. ĐUỐC LAM           | Oct. - Dec 71     |            | 1 1/2           | P            |           | Pass        |           | notable             |
| Five               | Trần Văn Hiến          | 1-3/72            |            | 1               |              |           | Pass        |           | Tran                |
|                    | Trần Văn Hiến          | April - June 72   |            | 4               |              |           | Pass        |           | Tran                |
| Six                | Trần Văn Hiến          | July - Sept 72    |            | 4 1/2           |              |           | Pass        |           | Tran                |
|                    | Trần Văn Hiến          | Oct. - Dec 72     |            | 4               | 17           |           | Pass        |           | Tran                |
| NINE               | Mrs. Tran              | Jan - Mar 73      |            | 1 1/2           | 23           | 42        | FAIL        |           | Tran                |
| Ten                | H. Hoa                 | 4-6/73            | S          | 4 1/2           | -31          | 75        | Pass        |           | Tran                |
| Eleven             | Ng. HCP                | July - Sept 73    | S          | 3               | -13          | 75        | Pass        |           | Tran                |
| Eleven             | Mr. Abraham            | Oct - Dec 73      |            | 1 1/2           |              |           | Pass        |           | Tran                |
| Twelve             | TRẦN-THI-KHUE          | 1-3/74            |            | 3               | 152          |           | FAILED      |           | Tran                |
| R. III             | Mrs. Vasiliani         | April 74          |            | 3               | 81           |           | FAILED      | B         | Tran                |
| R 12 <sup>th</sup> | PHAM THI MAY           | July - Sept 74    | S          | 02              | 113          | 80        | FAILED      |           | Tran                |
| R XII              | Mrs. KIM LAN           | Oct - Dec 74      |            | 4               | 119          |           | FAILED      |           | Tran                |

# EXAMINATIONS TAKEN AT THE VAA

| <u>TYPE OF EXAM :</u> | <u>DATE :</u> | <u>RESULT :</u> |
|-----------------------|---------------|-----------------|
| 1 _____               | _____         | _____           |
| 2 _____               | _____         | _____           |
| 3 _____               | _____         | _____           |

## CHÚ Ý :

1. Sổ Ghi Điểm này được cấp cho học viên khi ghi học lần đầu tiên tại Hội Việt Mỹ. Nếu làm mất phải đóng 50đ để được cấp quyền sổ khác.
2. Muốn tiếp tục học tại Hội Việt Mỹ, học viên phải xuất trình sổ này để ghi học vào thời gian ghi tên mỗi đầu khóa mới.
3. Xin xuất trình sổ này mỗi khi nhà trường hỏi đến.
4. Cuối mỗi khóa học xin nộp sổ này cho Giáo sư để được phê điểm.



# HỘI VIỆT - MỸ

VIETNAMESE - AMERICAN ASSOCIATION



## SỔ GHI ĐIỂM STUDENT RECORD BOOKLET



Mr.  
Mrs  
Miss

Ngày sinh: 4-4-1956 Số học bạ: CP 402  
Date of birth: \_\_\_\_\_ Student No: \_\_\_\_\_  
Địa Chỉ: 153/849 Đoàn-thị-Điểm Saigon.  
Home address: \_\_\_\_\_

My Son, now Electrician Technician  
(Industrial Electricity)

NGUYỄN-THƯỜNG-TIEN 4-4-1956. Identification Card No 07469376 of 9-01-1971

STUDENT RECORD BOOKLET No 67-402

ENGLISH CLASSES at The Vietnamese American Association

53-55 MAC-DINH-CHI SAIGON

1972 & 1973

[illegible]

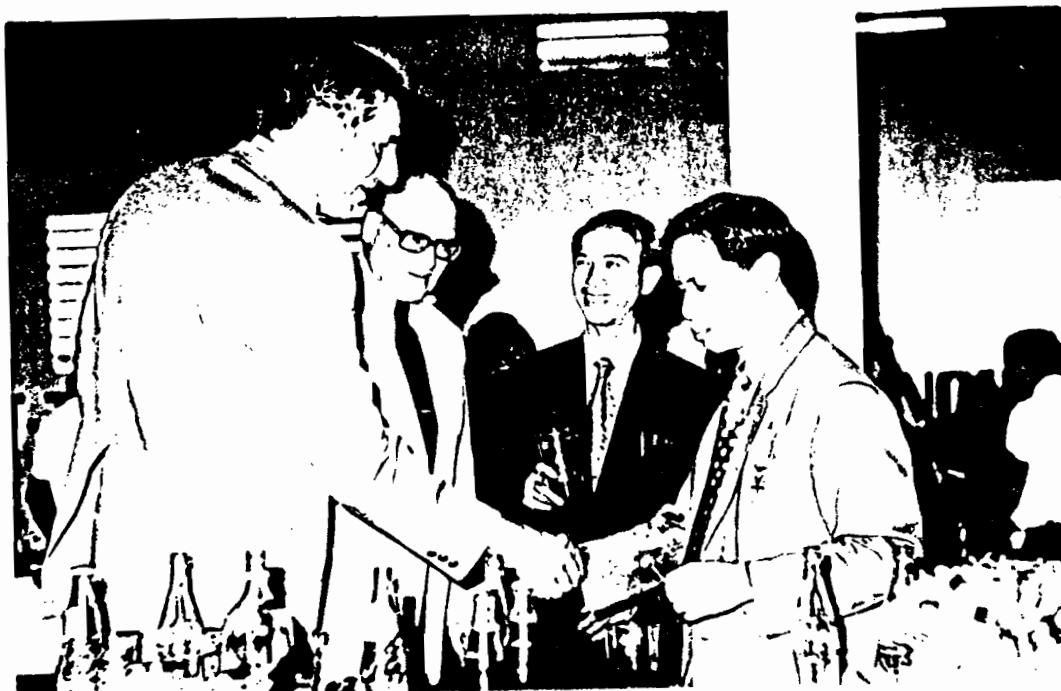


11) CHI

one of many Training classes of Tax Administration (this one: <sup>audit</sup>cl)



1. A SURVEY TEAM in TAX ADMINISTRATION prior to the establishment of the U.S. TAX TEAMS. 1966. Mr. FOLEY



2. RECEPTION OF THE U.S. TAX TEAM  
at The Directorate General  
of Taxation  
1972

1-Mr. FOLEY , US Tax Team Leader, came first for a survey (1966).

2-Three regular U.S. Tax Teams functioned from September 1966 to April 1975 . Mr. W.W. NENNAM was the Leader of The Third U.S. TAX TEAM .

REPUBLIC OF VIET NAM  
PRIME MINISTER'S MINISTRY  
COORDINATING COMMITTEE FOR  
TRAINING PROGRAMME

No. 31 HVHC - TN

(  ) C E R T I F I C A T E

This is to certify that : Mr. NGUYEN THUONG CHI  
Born on July 25, 1920 in My Tho  
Has completed a training course for  
INSTRUCTOR IN BASIC ADMINISTRATIVE <sup>MANAGEMENT</sup> ~~BUSINESS~~  
Session From April 29, 68 to June 1, 68

MEMBERS

DAO XUAN DUNG  
(signed)

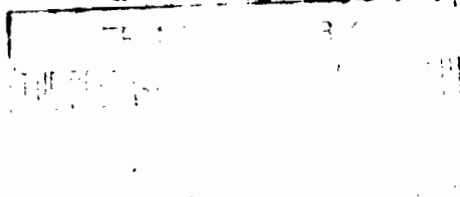
HUYNH VAN SANG  
(signed)

Saigon, June 3, 1968  
The Coordinating committee  
The Chairman NGUYEN-VAN-BONG  
(signed and sealed)

-----  
Translated from the original written in Vietnamese

File No. 855/89

Date : May 23, 1989



VIỆT-NAM CỘNG-HÒA  
PHỦ THỦ-TƯỚNG  
Ủy-Ban Phối-Trí Chương-Trình Tu-Nghiep

SỐ 31 HVHC - TN

## CHỨNG - CHỈ

Nay chúng nhận *Nguyễn Thượng Chí*  
sinh ngày 25-7-1920 tại *Nội Chi*  
đã tốt-nghiep lớp đào-tạo GIẢNG-VIÊN về môn  
QUẢN-TRỊ HÀNH-CHÁNH CĂN-BẢN, khóa...  
từ 29-4-68 đến 1-6-68.

Sơn gôn, ngày 3 tháng 6 năm 1968

ỦY-BAN PHỐI-TRÍ

*Khôi Lịch*

*Hồi Viên*

*Vorunk*

*manf*

*1. Mi*

ĐẠC HUÂN

ĐẠC HUÂN



Nguyen Thuong Chi (left)





(BASIC ADMINISTRATION MANAGEMENT) 1969 . 1969  
COURSE )  
(B.A.M)

TRAINING COURSE  
of  
TAX EXECUTIVES  
DIRECTORATE GENERAL OF TAXATION  
class room

REPUBLIC OF VIET NAM  
MINISTRY OF FINANCE

OFFICE CHIEF OF REGISTRATION 2  
SAIGON

GENERAL DEPARTMENT OF TAXES  
DIRECTORATE OF REGISTRATION  
AND FISCAL STAMPS.

Certifies that :

No. 328/TB2/CS

Mr. NGUYEN THUONG CHI, Chief service  
at the General Directorate of Taxes Saigon,  
has paid the rent of the two apartments No.  
8 and 9 at Ky Dong Residential Compound in  
the year of 1970 with a sum of money of one  
thousand two hundred and twelve piasters  
(2,212\$).

Saigon, September 5, 1970

NGO THANH SAU

(signed and sealed)

-----  
REPUBLIC OF VIET NAM  
DIRECTORATE OF REGISTRATION AND  
FISCAL STAMPS

No. 203/80

Department office :  
On September 16, 73  
Received from Mr. NGUYEN THUONG CHI,  
Chief Service of the Training service at  
the General Directorate of Taxes a sum of  
money : One thousand six hundred and sixty-  
two piasters (dong)(1,662\$) for the rent of  
the apartment No. 9 at Ky Dong Residential  
Compound Saigon in the whole years of 1972  
and 1973.

Acting The Chief of office  
(signed and sealed)

Translated from the original  
written in Vietnamese  
File No. 855/89  
Date : May 23, 1989

REPUBLIC OF VIET NAM  
MINISTRY OF FINANCE

GENERAL DIRECTORATE OF TAXES  
NATIONAL ROLL OFFICE

Full name NGUYEN THƯƠNG CHI  
Date and place of birth : July 25, 1920  
at Phu Long, My Tho  
Occupation Government employee  
Address 8 Ky Dong street, Saigon

NATIONAL NOMINAL ROLL

/ 20 / 211 / 09 / 001 /

Saigon, February 3, 1971  
Bureau Chief of National  
Nominal Roll Office  
NGUYEN VAN KY  
(signed and sealed)

-----  
Translated from the original written in Vietnamese

File No. 885/89

Date : May 23, 1989

[illegible]

No. 39

**PHOTO**

## LANDED PROPERTY

1- EMPLOYEE CARD

This card must be given back at resignation or at the demand of the authorities.

Saigon, September 25, 1951

The Director of Registration and  
Landed property  
(signed and sealed)

File No. 855/89

Date : May 23, 1989

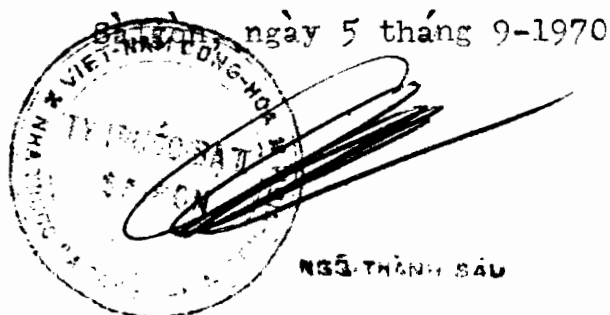
VIỆT-NAM CỘNG-HÒA  
BỘ TÀI-CHÍNH  
NHA TÔNG GIÁM-ĐỐC THUẾ-VỤ  
NHA TRƯỚC-BẠ VÀ CON NIÊM

TRƯỜNG-TY TRƯỚC-BẠ 2 SỞ

Số 323/TB2/CS

Chứng nhận:

Ông Nguyễn-Thương-Chí, Chánh-  
Sứ-Vụ tại Tổng-Nha Thuế-Vụ Sài Gòn,  
có trả đủ số tiền thuê 2 căn phố số  
8 và 9 tại Cư xá Kỳ-Đồng trong năm  
1970 với số tiền là Một ngàn hai  
trăm mười hai đồng ( 1212\$ ) /.



NSĐ-THÀNH SÀI

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA  
Nha Trước-Bạ và Con-Niêm

Số 203/82

Ty

Ngày

16.9.73

Nhận của Ông Nguyễn-Thương-Chí  
Chánh-Sứ-Vụ Tổng-Nha Thuế-Vụ  
Số tiền một ngàn hai trăm mười hai  
đồng ( 1212\$ ) - Tiền thuê Căn  
số 8 và 9 tại Cư xá Kỳ-Đồng Saigon trong năm  
1972 và 1973

Trưởng-Ty

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA

NHA TÔNG GIÁM-ĐỐC THUẾ-VỤ

BỘ TÀI-CHÍNH

PHÒNG QUỐC-GIA DANH-BỘ

Tên họ:

NGUYỄN THƯƠNG CHÍ

Ngày và nơi sinh:

25.7.1920 tại Phú Long Mỹ Tho

Nghề-nghiệp:

Công chức

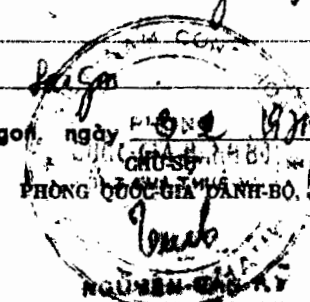
Địa-chỉ:

1 Hùng Vương Quận 1 Saigon

Saigon, ngày 09.9.73

SỐ QUỐC-GIA DANH-BỘ

20/211/09/001



Recevé le 17.9.51 à Saigon (8e) Carte n° 322.454 CA

ÉTAT DU VIET-NAM

MINISTÈRE DES FINANCES

DIRECTION DE L'ENREGISTREMENT ET DE LA PROPRIÉTÉ FONCIÈRE

CARTE DE SERVICE

Nom et prénoms:

Nguyễn Thương

Lieu et date de naissance:

(Mỹ Tho) le 25 juillet 1920

Domicile déclaré: Cité d'Enregistrement

Filiation: Nguyễn Văn Khương

et f. Trần Thị Đào

Pièces d'identité: 6.I.2.C.93.827 B.

de Châudoc, du 27-9-51

Fonctions: Secrétaire de 2e classe

d'Enregistrement

N° 39



Cette carte doit être restituée à la cessation de service

ou à la première réquisition de l'Administration

le 25 Septembre 1951

Service de l'Enregistrement

et de la Propriété Foncière,



MINISTRY OF FINANCE

(COMMUNIQUE)

On the result of the professional exam for grades of Taxation Inspectors, <sup>TREASURY</sup> ~~Banking~~ administrators and Customs and <sup>EXCISE TAX</sup> ~~Administration~~ Inspectors.

The candidates whose names are hereunder listed have passed the Professional Exam held on November 19, 1966 in Saigon for the following grades of civil servants.

-----  
 Order: : Inscription: : Office employeeed  
 No. : Full name : No. :  
 -----

I. TAXATION INSPECTOR

|   |                         |    |                                      |
|---|-------------------------|----|--------------------------------------|
| 1 | : Mr. NGUYEN THUONG CHI | 50 | : Training service General Direc-    |
|   | :                       | :  | : torate of Taxation.                |
| 2 | : - TRUONG NGOC NHA     | 19 | : Licence and Landed property        |
|   | :                       | :  | : service, saigon                    |
| 3 | : - NGUYEN VAN DU       | 53 | : The office of General directorate  |
|   | :                       | :  | : of taxation.                       |
| 4 | : - DO VAN PHUC         | 23 | : Taxation service of District 3     |
| 5 | : - DANG TRUNG MAN      | 51 | : Directorate of indirect taxes      |
| 6 | : - VO HONG XINH alias: | 44 | : Long Khanh Taxation service,       |
|   | : BAY NHO               | :  | : Xuan Loc                           |
| 7 | : - NGUYEN VAN BANG     | 52 | : Property sequestration and confis- |
|   | :                       | :  | : cation service, Directorate of     |
|   | :                       | :  | : Registration and fiscal stamps.    |
| 8 | : - DOAN HUU LAP        | 11 | : General Directorate of Taxation.   |

II. <sup>TREASURY</sup> ~~BANKING~~ ADMINISTRATOR

|   |                    |    |                                    |
|---|--------------------|----|------------------------------------|
| 1 | : Mr. LE VAN TRI   | 37 | : Central directorate, General     |
|   | :                  | :  | : Directorate of Treasury.         |
| 2 | : - PHAN DINH NGOC | 20 | : Research service for legislation |
|   | :                  | :  | : and legal procedures.            |
| 3 | : - NGUYEN VAN THE | 33 | : General Directorate of Treasury  |
| 4 | : - TRAN VAN MINH  | 16 | : -id-                             |
| 5 | : - DO KHAC BINH   | 1  | : -id-                             |
| 6 | : - LUU VAN TUONG  | 41 | : Central directorate, General     |
|   | :                  | :  | : Directorate of Treasury.         |
| 7 | : - NGUYEN RO      | 27 | : Thua Thien Administrative office |

III. <sup>EXCISE TAX</sup> ~~INSPECTORS FOR CUSTOMS AND ADMINISTRATION~~

|   |                  |    |                                      |
|---|------------------|----|--------------------------------------|
| 1 | : Mr. LE VAN PHU | 21 | : Checking-up service zone 1, Saigon |
| 2 | : - HOANG DUY TU | 39 | : Customs zone 6, Da Nang            |
| 3 | : - CAL VAN NAM  | 18 | : Principal office for Customs       |
|   | :                | :  | : service, Saigon.                   |

Established in Saigon, December 2, 1966

The President of Examining board

The Director of Cabinet in the Ministry of Finance

CHAU KIM NHAN

(signed and sealed)

Translated from the original written in Vietnamese

File No. 855/89

Date : May 23, 1989

TRANSLATED BY

THE RESEARCH CENTER

kết-quả kỳ thi chuyên-nghiệp nhập ngạch  
Thanh-Tra Thuế-Vụ, Giám-Sự Ngân-Kho,  
Thanh-Tra Quan-Thuế và Công-Quản

-----

Các thí-sinh có tên dưới đây được tuyên-bổ trúng  
tuyển kỳ thi chuyên-nghiệp tổ-chức ngày 19-11-1966 tại  
Saigon để nhập các ngạch kê sau :

| Số      | Họ và Tên | Số      | Cơ-quan phục-vụ |
|---------|-----------|---------|-----------------|
| Chức vụ |           | Ký danh |                 |

### I- THANH-TRA THUẾ-VỤ

- |                               |                                                                   |
|-------------------------------|-------------------------------------------------------------------|
| 1 : O. NGUYỄN-THƯƠNG-CHÍ      | : 50 : Sở Huấn-Luyện Nha Tổng Giám-Đốc Thuế-Vụ                    |
| 2 : - TRƯƠNG-NGỌC-NHÀ         | : 19 : Sở Môn-Bài và Điền-Thổ Saigon                              |
| 3 : - NGUYỄN-VAN-DU           | : 53 : Văn-Phòng Tổng Nha Thuế-Vụ                                 |
| 4 : - ĐO-VAN-PHÚC             | : 23 : Ty Thuế-Vụ Quận 3                                          |
| 5 : - ĐANG-TRUNG-MÂN          | : 51 : Nha Thuế Giám-Thầu                                         |
| 6 : - VÕ-HỒNG-XINH tự BẦY NHỎ | : 44 : Ty Thuế-Vụ Long-Khánh, Xuân-Lộc                            |
| 7 : - NGUYỄN-VAN-BÀNG         | : 52 : Sở Công-Thác và Tích-Thầu,<br>: : Nha Truớc-Bà và Côn Niêm |
| 8 : - ĐOÀN-HỮU-LẬP            | : 11 : Nha Tổng Giám-Đốc Thuế-Vụ                                  |

### II- GIÁM-SỰ NGÂN-KHO

- |                      |                                                                 |
|----------------------|-----------------------------------------------------------------|
| 1 : O. LÊ-VAN-TRÍ    | : 37 : Nha Trung-Uơng, Tổng Nha Ngân-Kho                        |
| 2 : - PHAN-ĐÌNH-NGỌC | : 20 : Sở Nghiên-Cứu Pháp-Chế Tô-Tụng,<br>: : Tổng Nha Ngân-Kho |
| 3 : - NGUYỄN-VAN-THÊ | : 33 : Tổng Nha Ngân-Kho                                        |
| 4 : - TRẦN-VAN-MINH  | : 16 : Tổng Nha Ngân-Kho                                        |
| 5 : - ĐO-KHÁC-BÌNH   | : 1 : Tổng Nha Ngân-Kho                                         |
| 6 : - LƯU-VAN-TUÔNG  | : 41 : Nha Trung-Uơng, Tổng Nha Ngân-Kho                        |
| 7 : - NGUYỄN-RƠ      | : 27 : Tòa Hành-Chánh Thừa-Thiên                                |

|       |             |        |                    |
|-------|-------------|--------|--------------------|
| Số :  | Họ và Tên : | Số :   | Cơ-quan, chức-vụ : |
| thứ : |             | ký :   |                    |
| ty :  |             | danh : |                    |

### III- THANH-TRA QUAN-THUẾ VÀ CÔNG-

- |                    |                                      |
|--------------------|--------------------------------------|
| 1 : O. LÊ-VAN-PHÚ  | : 21 : Ty Kiểm-Điểm Khu I Saigon     |
| 2 : - HOÀNG-DUY-TU | : 39 : Khu Quan-Thuế 6, Đà-Nẵng      |
| 3 : - CAO-VAN-NAM  | : 18 : Ty Chánh-Thu Quan-Thuế Saigon |

Làm tại Saigon, ngày 2 tháng 12 năm 1966

CHỦ-TỊCH HỘI-ĐỒNG GIÁM-KHẢO  
ĐỒNG-LÝ VĂN-PHÒNG BỘ TÀI-CHÍNH,



CHÂU-KIM-NHAN

A LETTER FROM Mr. R.E.DAVIS  
(Tax Advisor (1961-1965))

Santa Rosa, California

June 26, 1982

Dear Mr. Soa:

It was certainly a pleasure to receive your ever welcome letter and to know that you are getting along.

We were extremely happy to hear that Mr. Chi is not dead. I consider Mr. Chi to be one of the finest gentlemen that I have ever been associated with. He was always the perfect gentleman, and I shall always remember the happy times we spent with you, and with Mr. Chi and with Mr. Vinh. Although we made many friends in Vietnam, it seems that you three are the ones that bring back my happy memories.

I regret missing a meeting with Mr. Chi, when he was in San Francisco. It just happened that the time he was there, my automobile was in the shop being repaired and I could not get to San Francisco to meet with him.

I still have the address of your family in Colton, California, and in the event we get to southern California, we will look them up.

I certainly hope that you and your family will soon be together, and the same wishes for Mr. Chi and his family.

I would appreciate any news about any of them and where is Mr. Vinh and his family?

Mrs. Davis and I are both reasonably well and getting along reasonably well. Our health is fair, and perhaps better than average for people about 75 years of age. We still play golf a few days a week. I take care of our lawn and Mrs Davis takes care of the house without any help,

I did have a cancer on my prostate, but after radiation treatment, it seems to be cured. At least the semi-annual examinations show that it is getting along O.K.

Mrs. Davis gets around O.K., although she has some arthritis in her shoulders. It bothers her some, but she still can take care of the house and play some golf. So I guess we are both lucky to be as healthful as we are, when we will be 75 years of age within a few weeks.

As for finances, we were lucky to have bought our home when we did, for since then the prices have gone up so much that we could not buy it now. The cost of living has gone up nearly 300% since I retired. We still get along, but naturally we must watch our "Pennies". I guess we are lucky, compared with many people in many lands.

Our community of Oakmont is growing some. It is still an adult community. No one under 18 years of age allowed to live here.

Please write when you can, as I always am glad to hear from you and to receive any news of my friends there. Please give my highest regards to Mr. Chi, and we wish him all the happiness he deserves.

Thanks again for your letter and write when you can.

Sincerely,

Ray E Davis  
Ray ' Viola

Tell Mr Chi that I have the plaque he sent me. It is on the wall of my room.

cl never heard from Bao (our servant)  
The last address we had was his son, Nguyen Thanh Can  
96 C H/1111 B/1111

MR AND MRS RAY E DAVIS

SANTA ROSA, CA

USA

*Air mail*

*18/8/82*

Mr. Truong Kim Soa  
207/7 Tu Duc St.  
Saigon, Vietnam



**AIR MAIL**





Mr. D. JICKLING  
+ family

**HOLIDAY JOY** 1973

to Mr. Cui  
+ family

Greetings from the Jicklings

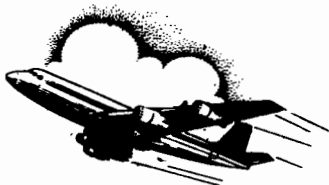
Mr. Pritchard sent me the article about you and the news about your new training center. I am very proud and pleased for you.

We are beginning our fourth year in Bolivia. Three of our children are here. The two oldest are in U.S. universities.

PHOTOCOPIES

FROM:

Nguyễn Thường Chi  
153/8-9 Kỵ Đoàn P.9 Q.3  
TP. Hồ Chí Minh



Hình gửi  
TO: Đã KHÚC-MINH-THO

VIRGINIA

**PAR AVION VIA AIR MAIL**

TP. Hồ Chí Minh, ngày 30- tháng 10, 1989

Thỉnh thưa Bà,

Cách đây 2 tuần, gia đình chúng tôi có nhận được bức thư Bà có nhà ý - cho hay đã nhận được hồ sơ của chúng tôi (đợt I). Trên đó tôi có hôn âm - không bết thờ ải - có đến Bà chùa, nên hôm nay, tôi xin phép gọi 1 bạn sao nhờ ải đến Bà được rõ -

Chúng tôi xin thưa thật cảm ơn Bà rất nhiều về các cố gắng của Bà giúp lo giùm - gia đình chúng tôi -

Hôm nay, tôi gọi tiếp theo 2 phong bì gồm các giấy tờ - giống như Kỳ trước. Như vậy, khi các giấy tờ tờ đủ - thì các giấy tờ sẽ có đều - đủ mỗi thứ 2 bản như qui - định.

Thỉnh mong Bà tiếp-tục giúp đỡ  
để gia đình chúng tôi sớm được kết-  
quả - thật là một ơn lớn đối với  
chúng tôi -

Một lần nữa Xin - chào thành  
cần ơn Bà rất nhiều và kính  
chúc Bà và quý quyền được mạnh  
khỏe và nhiều hạnh phúc -

Nay kính ,



Nguyễn Thường Chí

153/8-9 Thới-dông  
Phường 7 Quận 3  
TP. Hồ Chí Minh

VIỆT NAM



Canada Post  
Canada

(4)

No.

690

Registration R         de  
Receipt recommandation

To  
A

American Embassy  
Bangkok, Thailand

Postal regulations require that all items sent by registered mail must be insured for a minimum of \$100.00. The insured value of the contents of the package must be stated on the registration slip. A receipt will be issued to the sender.

| Destination                                    | Item Paid (Postage) | Date (Month/Day/Year) | Initials |
|------------------------------------------------|---------------------|-----------------------|----------|
| Canada                                         |                     |                       |          |
| United States, its Territories and Possessions |                     |                       |          |
| Other Countries                                |                     |                       |          |

1

452

331414  
STAL-SUCC  
7 X 1988  
DOWNSVIEW ON  
M3M 2G0

0307

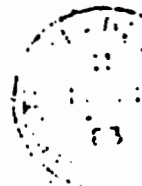
**Registration      Récépissé de**  
**Receipt        recommandation**

To: Dr. L. Sefarian Professor  
Post Office Box B-100 Postal Code postal  
City Albuquerque State NM

Special regulations provide that indemnity will not be paid for damage to articles of a frag to or perishable nature  
This except is necessary if enquiry is desired.

Le règlement des Postes prévoit que l'indemnité ne sera pas payée pour l'avarie d'un objet fragile ou périssable.  
À produire en cas de réclamation.

| Date |    | Time |    |
|------|----|------|----|
| 19   | 19 | 10   | 10 |

| Destination                                                                                                                               | Fee Paid<br>Droit payé | Int.                                                                              | Clear Stamp | Timbre<br>& date                                                                  |
|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------|-------------|-----------------------------------------------------------------------------------|
| Canada                                                                                                                                    |                        |                                                                                   |             |  |
| United States, No Territories<br>and Possessions<br>États-Unis, leurs territoires<br>et leurs possessions                                 |                        |                                                                                   |             |                                                                                   |
| Other Countries<br>Les autres pays<br><br>* If not indicated<br>at 30 Dollars)<br>* maximum 1 page @<br>30 dollars)<br>max 1 page 110 gms |                        |  |             |                                                                                   |

No. 24

038

**Registration Receipt**      **Récépissé de recommandation**

To: Agustina Rojas Lina

Postal regulations provide that indemnity will not be paid for damage to articles of a fragile or perishable nature. This except is necessary if company is to

La région des Postes prévient que l'indemnité ne sera pas payée pour l'absence d'un agent fragile au poste.

À produire en cas de réclamation.

This receipt is necessary if enquiry is desired

• A produire en cas de réclamation .

| Destination                                                                             | Pas Paid<br>Grant payé | Ind. | Date<br>Stamp |
|-----------------------------------------------------------------------------------------|------------------------|------|---------------|
| Canada                                                                                  |                        |      |               |
| United States, its Territories<br>Etats-Unis, leurs territoires<br>et leurs possessions |                        |      |               |
| Other Countries<br>Les autres pays                                                      |                        |      |               |

\* Paid indirectly  
at 30 Dollars)  
\* payé indirectement  
à 30 dollars)

no 010 020 110 010

BỘ NỘI VỤ  
TRAI NAM HẠ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số 481  
(34)

GIẤY RA TRAI

Theo thông tư số 966-BCA/TP ngày 31-5-1961 của Bộ Nội vụ  
Thi hành án văn, quyết định tha số 133 ngày 10 tháng 12 năm 81  
của Bộ Nội vụ

Nay cấp giấy tha cho anh có tên sau đây:  
Họ tên khai sinh: *Nguyễn Hồng Văn*  
Họ tên thường gọi: *Th*  
Họ tên bí danh:

Sinh ngày 20 tháng năm 1920, tại *Số 8 Ngõ 10*  
nơi HKK thường trú trước khi bị bắt

Can tội: *153/8/9 kháng cự đồng phạm 17. số 4 Q. 3 TP HCM*  
bị bắt ngày *17.6.75* án phạt: *11A*  
theo QĐ án văn số 30 ngày 30 tháng 6 năm 1976  
của Bộ Nội vụ

đã bị tước án  
đã được *thả ra* tại: *153/8/9 kháng cự đồng phạm 17 số 4 Q. 3 TP HCM*  
nhận xét và trình cải tạo

*Đã xem xét điều chỉnh lại do bản thân gây ra. Nên được tước án  
Cải tạo và thả ra làm công nhân đồng chí. Sách cho đồng*



*Tham gia đội  
Đeo đồng: *Đoàn Nguyến giờ Công lao đồng*  
Chấp hành Nội quy của Đại đội.*

Họ tên chữ ký: Ngày 14 tháng 1 năm 82  
N. được cấp giấy - GIAM THỊ

Cán số 1100  
lập tại *15.15*

*Ng. thông. Chi*

*Trưởng ban Maf Xuyên*

Kính thưa có đến buổi diễn tấu  
ngày 10 tháng 02 năm 1982  
08/12/82 ngày 09-2-1982

  
Hàng

Kính văn lư

S/S có đến buổi diễn tấu  
tiểu ban ALNHTCTDV An ninh 3  
Ngày 20 tháng 02 năm 1982  
Đb tiểu ban Thống Đốc



KẾT  
THÀNH QUẢ  
CỦA CÔNG TÁC  
3 6 1984



  
\_\_\_\_\_

AN GIANG PEOPLE'S COMMITTEE  
JUDICIARY SERVICE

No. 05/XN.TP

SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM  
Independence - Liberty - Happiness

Long Xuyen, January 07, 1989

**E** XTRACT OF CONFIRMATION ACT AFFIDAVIT USED IN LIEU  
OF BIRTH CERTIFICATE

- Referring to petition of Mr, Mrs. **VUONG CAM VAN**, born in 1922, residing at No. 153/8-9 Ky Dong street, Quarter 9, District 3, Ho Chi Minh City, requesting the Judiciary service to issue extract of Birth certificate or Affidavit used in lieu of Birth certificate for **VUONG NGOC HAP**.

An Giang Judiciary service has proceeded to extract civil status documents which The Service has kept on file. Here is the result :

Full name : **VUONG NGOC HAP** Sex : Male  
Born on : April 20, 1942 (The twentieth day of April nineteen hundred and forty-two) at Da Phuoc village, Chau Doc Province.  
Father's full name : **VUONG BUU DIEN**  
Occupation : // Residence : //  
Mother's full name : **TRAN THI CHON**  
Occupation : // Residence : //  
Has established the Affidavit used in lieu of birth certificate on July 30, 1952 at the Peace court with extended competence Chau Doc under No. 198, volume : signed by Mr. **DOAN BA LOC**, function : Presiding Judge

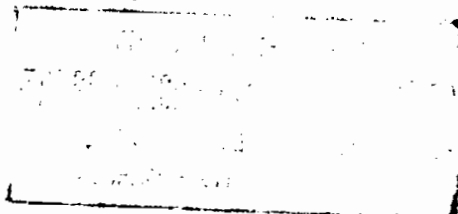
Now An Giang Judiciary Service confirms the foregoing for the person concerned as a proof so that he can obtain copies of it at his locality if necessary.

Judiciary Service An Giang  
The Director  
**PHAM VAN NGHIA**  
(signed and sealed)

-----  
Translated from the original written in Vietnamese

File No. 855/89

Date : May 23, 1989



Số 05 /XN.TP

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Long xuyên, ngày 07 tháng 01 năm 1989

TRICH LUC ~~KHAI/SINH/DO~~~~EC/AN~~ THE VI KHAI SINH

- Căn cứ vào đơn xin trích lục khai sinh hoặc án thế vì khai sinh của ông, bà. Vương Cẩm Vân Sinh 1922  
Hiện thường trú. 153/B-9 đường Kỳ Đồng, P.9, Q.3.

thành phố Hồ Chí Minh.

Làm đơn xin trích lục cho em 'Tên Vương Ngọc H. ơp  
Sở tư pháp An giang đã tiến hành trích lục hồ sơ hộ tịch,  
mà Sở tư pháp đang quản lý. Kết quả như sau:

Họ và tên. VƯƠNG NGỌC HẠP Nam-Nữ nam nhi  
 Sinh ngày 20 tháng 04 năm 1942 (ngày hai mươi, tháng tư,  
 năm một chín bốn hai) Tại làng Đa Phước, tỉnh Châu Đốc

Chưa Vương Bửu Diên Sinh năm 1941  
 Nghề nghiệp //////////////// Cư trú tại ////////////////  
////////////////////////

Họ Trần Thị Chấn Sinh năm 19  
 Nghề nghiệp //////////////// Cư trú tại ////////////////

Đã lập ~~khai sinh, hoặc~~ ón thế vì khai sinh ngày 30  
tháng 07 năm 1953 Tại Tòa HGR! Châu Đốc Số hiệu 198  
quyển số Do ông Đoàn Bá Lộc Chúc vụ Chánh án KM

Nay Sở tư pháp An giang xác nhận cho đương sự làm cơ sở về nơi thường trú, để lập bản sao giấy khai sinh khi cần thiết

SO TU PHAP AN GIANG  
Giám đốc





NGUYEN THƯỜNG CHI



VUONG CAM-VAN



NGUYEN-NGOC-CO



NGUYEN NGOC TUYET



NGUYEN HONG TIEN



TRANG THI-KIM-CHI

PEOPLE'S COMMITTEE  
QUARTER : 9  
DISTRICT : 3  
CITY : HO CHI MINH

SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM  
Independence - Liberty - Happiness TP/MT  
No. 89  
Volume No. 01  
( ) COPY OF BIRTH CERTIFICATE

Full name NGUYEN THUONG CHI Sex : Male  
Date of birth July 25, 1920  
Place of birth Phu Long village, My Tho  
Ethnic group : Kinh Nationality: Viet Nam

-----  
: Declarations about : MOTHER : FATHER :  
: parents. : : :  
-----  
: Full name : TRIEU THI DAO : NGUYEN VAN KHOON :  
: Age : : :  
: Ethnic group : Kinh : Kinh :  
: Nationality : Vietnamese : Vietnamese :  
: Occupation : Cultivator : Cultivator :  
: Permanent residence : deceased : deceased :  
-----

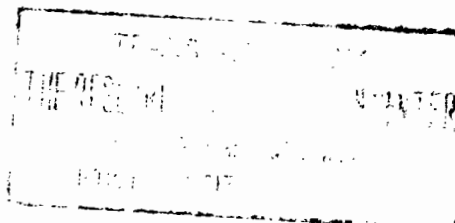
Full name, age, permanent residence, ID card No. of the declarant:  
NGUYEN THUONG CHI

Registered on March 25, 1989  
The declarant For the People's committee of Quarter 9  
District 3

CERTIFIED TRUE COPY  
March 25, 1989  
For the People's committee of Quarter 9, District 3  
DINH THI PHI  
(FISCAL STAMP) (signed and sealed)

-----  
Translated from the original written in Vietnamese

File No. 855/89  
Date : May 23, 1989



ỦY BAN NHÂN DÂN  
Xã, phường 9  
Huyện, Quận 3  
Tỉnh, Thành phố HCM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc Lập — Tự Do — Hạnh Phúc

TP/HT  
Số 89  
Quyển CR



# GIẤY KHAI SINH

(BẢN SAO)

Họ và tên NGUYỄN THƯỢNG CHÍ Nam hay nữ nam  
Ngày, tháng, năm, sinh 25 - 7 - 1989

Nơi sinh Làng Phú Long, Mỹ Tho  
Dân tộc kinh Quốc tịch Việt Nam

| Phần khai về cha, mẹ | Người mẹ             | Người cha               |
|----------------------|----------------------|-------------------------|
| Họ và tên            | <u>TRIỆU THỊ ĐẠO</u> | <u>NGUYỄN VĂN KHUÔN</u> |
| Tuổi                 |                      |                         |
| Dân tộc              | <u>kinh</u>          | <u>kinh</u>             |
| Quốc tịch            | <u>Việt Nam</u>      | <u>Việt Nam</u>         |
| Nghề nghiệp          | <u>làm ruộng</u>     | <u>làm ruộng</u>        |
| Nơi thường trú       | <u>chết</u>          | <u>chết</u>             |

Họ tên, tuổi, nơi thường trú, số giấy chứng minh thư của người đứng khai

Nguyễn Thượng Chí

Đăng ký ngày 25 tháng 3 năm 19 89  
T/M ỦY BAN NHÂN DÂN P9/43

Người đứng khai

NHẬN THỰC SAO Y BẢN CHÍNH

Ngày 25 tháng 3 năm 1989

T/M ỦY BAN P9/43



*Đinh Thị Phú*

**E** XTRACT OF DEATH CERTIFICATE

No. 22

Year : 1944

: Full name of the deceased : TRINH THI NHU  
: Sex : Female  
: Date of birth : 1924  
: Place of birth : Tan An Phong Dinh  
: Permanent residence : Tan An, Phong Dinh  
: Date of death : September 10, 1944  
: Place of death : Thanh Xương, Tan an, Phong Dinh  
: Cause of death : died of disease  
: Full name, age of the :  
: declarant. : NGUYEN THUNG CHI  
: Permanent residence : Tan An, Phong Dinh  
: relationship to the deceased: Husband

Registered on September 10, 1944

Hau Giang, February 15, 1989

For the People's committee of Hau Giang Province

The Civil status official

HUYNH THUNG

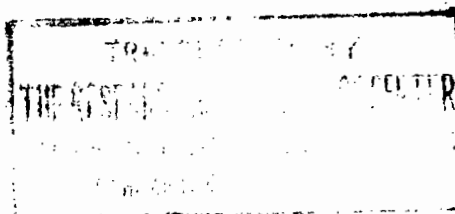
(signed and sealed)

(FISCAL STAMP)

Translated from the original written in Vietnamese

File No. 855/89

Date : May 23, 1989



# TRÍCH LỤC KHAI TỬ

số 22

Năm 1944

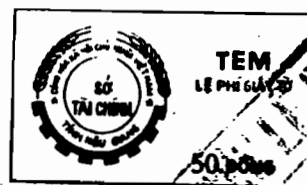
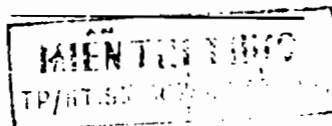
|                                                   |                                                          |
|---------------------------------------------------|----------------------------------------------------------|
| Họ và tên người chết<br>Nam hay nữ                | TRINH THỊ NHỰ<br>NỮ                                      |
| Sinh ngày, tháng, năm                             | Năm 1924                                                 |
| Nơi sinh                                          | Tên xã Phong đình                                        |
| Nơi ĐKNK thường trú                               | Tên xã Phong đình                                        |
| Ngày, tháng, năm chết<br>Nơi chết                 | Ngày 10 tháng 9 năm 1944<br>Thị trấn, Tên xã, Phong đình |
| Nguyên nhân chết                                  | Bệnh chết                                                |
| Họ, tên, tuổi người báo tử<br>Nơi ĐKNK thường trú | Nguyễn Thượng Chí<br>Tên xã, Phong đình                  |
| Quan hệ với người chết                            | Chồng                                                    |

Hậu Giang, ngày 15 tháng 02 năm 1989

TM / UBND TỈNH HẬU GIANG  
ỦY VIÊN HỘ TỊCH

  
Nguyễn Chí Long

Đăng ký, ngày 10 tháng 9 năm 1944



PEOPLE'S COMMITTEE

SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM

QUARTER : 9

Independence - Liberty - Happiness

DISTRICT : 3

No. 34

CITY : HO CHI MINH

( ) COPY OF MARRIAGE CERTIFICATE

Volume No.01

|                     | HUSBAND           | WIFE            |
|---------------------|-------------------|-----------------|
| Full name           | NGUYEN THUONG CHI | VUONG CAM VAN   |
| alias               |                   |                 |
| Date of birth       | July 25, 1920     | March 27, 1922  |
| Ethnic group        | Kinh              | Kinh            |
| Nationality         | Vietnamese        | Vietnamese      |
| Occupation          | Secretary         | Housewife       |
| Permanent residence | 153/8-9 Ky Dong   | 153/8-9 Ky Dong |
| ID card No or       | 022241745         | 020604608       |
| Passport No.        |                   |                 |

The husband  
(signed)

The wife  
(signed)

Registered on March 25, 1989  
For the People's committee of  
Quarter 9, District 3.

CERTIFIED TRUE COPY

March 25, 1989

For the People's committee of Quarter 9, District 3

DINH THI PHI

(FISCAL STAMP)

(signed and sealed)

Translated from the original written in Vietnamese

File No. 955/89

Date : May 23, 1989

TRANSLATE

Xã, Thị trấn PC

BẢN SAO

Thị xã, Quận 3

Thành phố, Tỉnh HCM

# GIẤY CÔNG NHẬN KẾT HÔN

Số 34

Quyển số 01

|                                        | CHỒNG              | VỢ                 |
|----------------------------------------|--------------------|--------------------|
| HỌ VÀ TÊN<br>Bí danh                   | NGUYỄN THƯỢNG CHÍ  | VƯƠNG CẨM VÂN      |
| Sinh ngày,<br>tháng năm<br>hay tuổi    | 25-7-1920          | 27-3-1922          |
| Dân tộc<br>Quốc tịch                   | kinh<br>Việt Nam   | kinh<br>Việt Nam   |
| Nghề nghiệp                            | thư ký             | nội trợ            |
| Nơi đăng ký<br>nhân khẩu<br>thường trú | 153/8-9<br>Kỳ đông | 153/8-9<br>Kỳ đông |
| Số giấy CM, CNCC<br>hoặc hộ chiếu      | 022241745          | 020604608          |

Người chồng ký

Người vợ ký

Đăng ký ngày 25 tháng 3 năm 1989

TM/UBND P9/Q3

Ký tên, đóng dấu (ghi rõ họ tên, chức vụ)

## NHẬN THỰC SAO Y BẢN CHÍNH

Ngày 25 tháng 3 năm 1989

TM. UBND



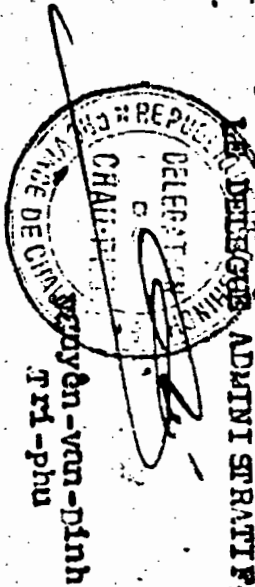
Ký tên, đóng dấu (ghi rõ họ tên, chức vụ)

*Đinh Thị Phi*

# MARIAGE DU 1<sup>er</sup> DEGRÉ

Hôn thú bậc nhất

Số hiện 141  
(1)



vu pour l'inscription des signatures  
des notables du village de Châuphu  
apposées d'autre part.

Châuphu, le 11 Décembre 1948

Le Délégué ADMINISTRATIF,

|                                                                                                                    |                              |
|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------|
| Nom et prénoms de l'époux<br>Tên, họ người chồng                                                                   | Nguyễn - thường - Chi'       |
| Sa profession<br>Làm nghề gì                                                                                       | Pho. Ký Sở sách phân Saigon  |
| Lieu de sa naissance<br>Sanh tại chỗ nào                                                                           | Phước Long (Châu Đức)        |
| Date de sa naissance<br>Sanh ngày nào                                                                              | Le 25 Juillet 1920           |
| Son domicile<br>Nhà cửa ở đâu                                                                                      | Saigon                       |
| Nom et prénom du père de l'époux<br>(indiquer s'il est vivant ou décédé)<br>Tên, họ cha chồng (sống chết phải nói) | Nguyễn Văn Khuôn (sống)      |
| Son âge<br>Mấy tuổi                                                                                                | 64 tuổi                      |
| Sa profession<br>Làm nghề gì                                                                                       | Điền - chủ                   |
| Son domicile<br>Nhà cửa ở đâu                                                                                      | Saigon                       |
| Nom et prénom de sa mère (indiquer s'elle est vivante ou décédée)<br>Tên họ mẹ chồng (sống chết phải nói)          | Buôn Thị Đạo (chết)          |
| Son âge<br>Mấy tuổi                                                                                                |                              |
| Sa profession<br>Làm nghề gì                                                                                       |                              |
| Son domicile<br>Nhà cửa ở đâu                                                                                      |                              |
| Nom et prénoms de la personne qui procède au mariage de côté de l'époux<br>Tên, họ chủ hôn bên trai                | Nguyễn Văn Khuôn             |
| Son âge<br>Mấy tuổi                                                                                                | 64 tuổi                      |
| Sa profession<br>Làm nghề gì                                                                                       | Điền - chủ                   |
| Son domicile<br>Nhà cửa ở đâu                                                                                      | Saigon                       |
| Nom et prénoms de l'épouse<br>Tên, họ người vợ                                                                     | Trương Cẩm Tân               |
| Son rang de femme mariée<br>Vợ cũ hay là vợ thứ                                                                    | Vợ chánh                     |
| Sa profession<br>Làm nghề gì                                                                                       | Nội trợ                      |
| Lieu de sa naissance<br>Sanh tại chỗ nào                                                                           | Đa Phước (Châu Đức)          |
| Date de sa naissance<br>Sanh ngày nào                                                                              | ngày 24 Mars 1922            |
| Son domicile<br>Nhà cửa ở đâu                                                                                      | Châu Đức (Châu Đức)          |
| Nom et prénom du père de l'épouse<br>(indiquer s'il est vivant ou décédé)<br>Tên, họ cha vợ (sống chết phải nói)   | Trương Văn Trăn (sống)       |
| Son âge<br>Mấy tuổi                                                                                                | 46 tuổi                      |
| Sa profession<br>Làm nghề gì                                                                                       | Cai tổng Châu Đức (Châu Đức) |
| Son domicile<br>Nhà cửa ở đâu                                                                                      | Châu Đức (Châu Đức)          |

(1) Marge réservée pour la mention en résumé, des jugements rectificatifs des actes de l'état-civil.

(1) Lễ chưa đi trình diện án tòa cấp giấy hôn thú.

Chứng Kiến

Họ thân Ông Nguyễn

Họ bà *Nguyễn Thị*

PHU NAM  
Khai tường LANG  
CHAU DOC

Con rể tại conforme  
Châu phié le 10-12-48  
L'officier de l'état civil

*Nguyễn Thị*

|                                                                                                              |                              |
|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------|
| Nom et prénom de sa mère (indiquer si elle est vivante ou décédée)<br>Tên, họ mẹ vợ (sống chết phải nói)     | Trần - thị - Chôn            |
| Son âge. — Mấy tuổi . . . . .                                                                                | 45 - tuổi                    |
| Sa profession. — Làm nghề gì .                                                                               | nội trợ                      |
| Son domicile. — Nhà cửa ở đâu.                                                                               | Châu phié (Chau Doc)         |
| Nom et prénom de la personne qui procède au mariage du côté de l'épouse.<br>Tên, họ chủ hôn bên gái. . . . . | Nguyễn - Bửu - Diên          |
| Son âge. — Mấy tuổi. . . . .                                                                                 | 46 tuổi                      |
| Sa profession. — Làm nghề gì .                                                                               | Bà tông Châu phié (Chau Doc) |
| Son domicile. — Nhà cửa ở đâu .                                                                              | Châu phié (Chau Doc)         |
| Nom et prénom de l'entremetteur du mariage<br>Tên, họ người làm mai . . . . .                                |                              |
| Son âge. — Mấy tuổi. . . . .                                                                                 |                              |
| Sa profession. — Làm nghề gì .                                                                               |                              |
| Son domicile. — Nhà cửa ở đâu .                                                                              |                              |
| Nom et prénom du 1 <sup>er</sup> témoin<br>Tên, họ người chứng thứ nhất . . . . .                            | Nguyễn - Văn - Kỳ            |
| Son âge. — Mấy tuổi. . . . .                                                                                 | 48 tuổi                      |
| Sa profession. — Làm nghề gì .                                                                               | Cánh nông viên               |
| Son domicile. — Nhà cửa ở đâu.                                                                               | Châu phié (Chau Doc)         |
| Nom et prénom du 2 <sup>e</sup> témoin<br>Tên, họ người chứng thứ nhì . . . . .                              | Nguyễn - Quang - Bửu         |
| Son âge. — Mấy tuổi . . . . .                                                                                | 39 tuổi                      |
| Sa profession. — Làm nghề gì .                                                                               | Quáo Viên (Chau Doc)         |
| Son domicile. — Nhà cửa ở đâu.                                                                               | Châu phié (Chau Doc)         |

A *Chau Doc*, le 10 Décembre 1948  
 Tại *Châu phié*, ngày 10 thg 12 năm 1948

Les époux,  
Vợ chồng,

L'Entremetteur,  
Mai nhơn,

Les pères et mères,  
Cha mẹ hai bên,

Ký tên *Nguyễn - Văn - Kỳ*  
*Nguyễn - Văn - Kỳ*

Ký tên *Nguyễn Văn Khuôn*  
*Nguyễn Văn Khuôn*  
*Nguyễn Bửu Diên*  
*Trần thị Chôn*

L'Officier de l'Etat-Civil, Les personnes qui ont procédé au mariage,  
 Chức việc cai bộ đời, Các người chủ hôn,

Les Témoins,  
Các người chứng,

Ký tên *Hà - Văn - Tông*

*Nguyễn Văn Khuôn*  
*Nguyễn Bửu Diên*

*Nguyễn Văn Kỳ*  
*Nguyễn Quang Bửu*

NOTA. Les blancs non utilisés devront être remplis par un trait.  
 Phải nhớ. - Chỗ trắng không dùng tới thì phải kéo một nét.

No. 07/XN.TP

Long Xuyen, January 07, 1989

**E XTRACT OF CONFIRMATION ACT AFFIDAVIT SUEED IN LIEU  
OF BIRTH CERTIFICATE**

- Referring to petition of Mr, Mrs. VUONG CAM VAN, born in 1922, residing at No. 153/8<sub>9</sub> Ky Dong street, Quarter 9, District 3, Ho Chi Minh City, requesting the Judiciary service to issue extract of Birth certificate or Affidavit used in lieu of Birth certificate for herself, named VUONG CAM VAN.

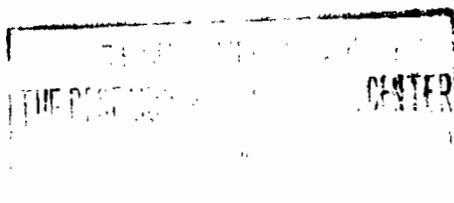
An Giang Judiciary service has proceeded to extract civil status documents which The Service has kept on file. Here is the result :

Full name : VUONG CAM VAN Sex : Female  
Born on : March 27, 1922 (The twenty-seventh day of March nineteen hundred and twenty-two) at Da Phao village, Chau Doc Province.  
Father's full name : VUONG BUU DIEN , born in  
Occupation : // Residence : //  
Mother's full name : TRAN CHI THON , born in  
Occupation : // Residence : //  
Has established the Affidavit used in lieu of birth certificate on July 30, 1952 at the Peace court with extended competence Chau Doc, under No. 198, volume : signed by Mr. DOAN BA LOC, function : Presiding Judge.

Now An Giang Judiciary Service confirms the foregoing for the person concerned as a proof so that she can obtain copies of it at her locality if necessary.

Judiciary Service An Giang  
The Director  
PHAM VAN NGHIA  
(signed and sealed)

-----  
Translated from the original written in Vietnamese  
File No. 855/89  
Date : May 23, 1989



ỦY BAN AN GIANG

SỞ TƯ PHÁP

Số 07 /XN.TP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Long Xuyên, ngày 07 tháng 01 năm 1989

BẢN XÁC NHẬN

TRÍCH LỤC ~~KHAI SINH HOẶC~~ AN THE VI KHAI SINH

-----//-----

- Căn cứ vào đơn xin trích lục khai sinh hoặc án thể  
vì khai sinh của ông, bà. Vương Cẩm Vân Sinh 1922  
Hiện thường trú. 153/S-7 đường Kỳ Long, P.9, Q.3,  
thành phố Hồ Chí Minh.

Làm đơn xin trích lục cho \*/s Tên Vương Cẩm Vân  
Sở tư pháp An giang đã tiến hành trích lục hồ sơ hộ tịch,  
mà Sở tư pháp đang quản lý. Kết quả như sau:

Họ và tên. VƯƠNG CẨM VÂN Nam-Nữ nữ lưu  
Sinh ngày 27 tháng 03 năm 1922 (hai mươi bảy, tháng ba  
năm một chín hai hai) Tại làng Đa Phước, tỉnh Châu Đốc

Cha Vương Bửu Điện Sinh năm 1911  
Nghề nghiệp ////////// Cư trú tại //////////  
//////////

Mẹ Trần Thị Chón Sinh năm 1911  
Nghề nghiệp ////////// Cư trú tại //////////  
//////////

Đã lập ~~khai sinh~~, hoặc án thể vì khai sinh ngày 30  
tháng 07 năm 1952 Tại Tòa Ngã, Châu Đốc Số hiệu 198  
quyển số      Do ông Đoàn Bá Lộc Chức vụ Chính án Ký

Nay Sở tư pháp An giang xác nhận cho đương sự làm cơ  
sở về nơi thường trú, để lập bản sao giấy khai sinh khi cần  
thiết

SỞ TƯ PHÁP AN GIANG  
Giám đốc

  
Phạm Văn Tấn

PEOPLE'S COMMITTEE  
QUARTER :  
DISTRICT :  
CITY : SAIGON

SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM  
Independence - Liberty - Happiness

( ) COPY OF BIRTH CERTIFICATE

SR/MT  
No. 9024 bis  
Volume No.

Full name : NGUYEN NGOC OY Sex : Female  
Date of birth : The twentieth of November, nineteen hundred  
and forty-nine (November 20, 1949)  
Place of birth : Saigon, 65 Calmette street  
Ethnic group : Nationality :

-----  
: Declarations about :  
: parents. : MOTHER : FATHER :  
-----  
: Full name : VUONG CAM VAN : NGUYEN THUONG CHI :  
: Age : : :  
: Ethnic group : : :  
: Nationality : : :  
: Occupation : None : Secretary :  
: Permanent residence : Saigon, Redemptoristes street :  
-----

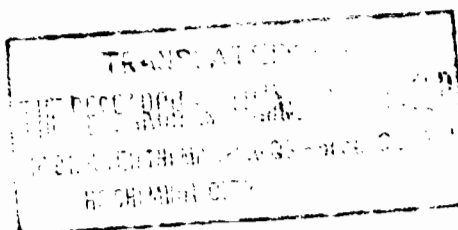
Full name, age, permanent residence, ID card No. of the declarant.  
Her father, 29 years old

The declarant Registered on November 22, 1949  
For the People's committee

CERTIFIED TRUE COPY  
January 9, 1989  
For the People's committee  
The Deputy chief of the secretariat  
PHAN KIM THAO  
(signed and sealed)

(FISCAL STAMP)

-----  
Translated from the original written in Vietnamese  
File No. 855/89  
Date : May 23, 1989



ỦY BAN NHÂN DÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TP/HT

Kā phường.....

Số.....

Huyện, Quận.....

Quyền.....

Tỉnh, Thành phố.....



# GIẤY KHAI SINH

(BẢN SAO)

Họ và tên..... Nam hay Nữ.....

Ngày, tháng, năm sinh.....  
chín trăm bốn mươi chín ( 20.11.1949 )

Nơi sinh.....

Dân tộc..... Quốc tịch.....

| Phân khai về cha, mẹ | Người mẹ | Người cha |
|----------------------|----------|-----------|
| Họ và tên            | .....    | .....     |
| Tuổi                 | .....    | .....     |
| Dân tộc              | .....    | .....     |
| Quốc tịch            | .....    | .....     |
| Nghề nghiệp          | .....    | .....     |
| Nơi thường trú       | .....    | .....     |

Họ tên, tuổi, nơi thường trú, số giấy chứng minh của người đứng khai  
cha khai, 29 tuổi

Người đứng khai ký

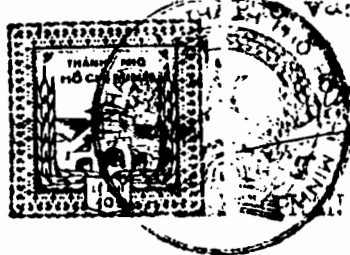
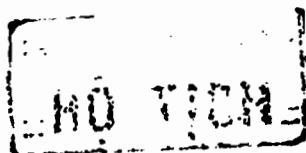
Đăng ký ngày..... tháng..... năm 19.....  
T/M ỦY BAN NHÂN DÂN

CHỨNG NHẬN SAO Y BẢN CHÍNH

Ngày..... tháng..... năm 1989

T/M UBND KÝ TÊN ĐÓNG DẤU

Văn phòng



KIM TỎ

## PEOPLE'S COMMITTEE

## SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM

QUARTER :

Independence - Liberty - Happiness

DISTRICT :

TP/HT

CITY : STSG

No. 1040A

( ) COPY OF BIRTH CERTIFICATE

Volume No.

Full name : NGUYEN NGOC TUYET Sex : Female  
 Date of birth : The twenty-eighth of January, nineteen hundred  
 and fifty-two.  
 Place of birth : Saigon, 65 Calmette street  
 Ethnic group : Nationality :

-----

: Declarations about :  
 : parents. : MOTHER : FATHER :

-----

: Full name : VUONG CAM VAN : NGUYEN THUONG CHI :  
 : Age : : :  
 : Ethnic group : : :  
 : Nationality : : :  
 : Occupation : Housewife : Secretary :  
 : Permanent residence : Saigon, 3 Redemptoristes street :  
 -----

Full name, age, permanent residence, ID card No. of the declarant.

DUONG LIEN MUOI, 31 years old

The declarant

Registered on January 30, 1952

For the People's committee

CERTIFIED TRUE COPY

January 7, 1989

For the People's committee of Ho Chi Minh City

The Deputy chief of the secretariat

PHAN KIM THAO

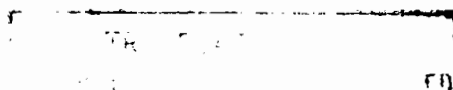
(FISCAL STAMP)

(signed and sealed)

-----  
 Translated from the original written in Vietnamese

File No. 855/89

Date : May 23, 1989



ỦY BAN NHÂN DÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TP/HT

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số.....1040A

Xã phường.....

Quyền.....

Huyện, Quận.....

Tỉnh, Thành phố.....**STSG**

## GIẤY KHAI SINH

(BẢN SAO)

Họ và tên.....**NGUYỄN NGỌC TUYẾT**..... Nam hay Nữ.....**Nữ**.....  
 Ngày, tháng, năm sinh.....**hai mươi tám tháng giêng năm một chín năm**.....  
 .....**ruồi hai**.....  
 Nơi sinh.....**Sài Gòn, 65 đường Calmette**.....  
 Dân tộc.....**Quốc tịch**.....

| Phần khai về cha, mẹ | Người mẹ                             | Người cha                |
|----------------------|--------------------------------------|--------------------------|
| Họ và tên            | <b>VƯƠNG CẨM VÂN</b>                 | <b>NGUYỄN THƯƠNG CHÍ</b> |
| Tuổi                 |                                      |                          |
| Dân tộc              |                                      |                          |
| Quốc tịch            |                                      |                          |
| Nghề nghiệp          | <b>Hội trợ</b>                       | <b>Thợ kỹ</b>            |
| Nơi thường trú       | <b>Sài Gòn, 8 đường Némptoristes</b> |                          |

Họ tên, tuổi, nơi thường trú, số giấy chứng minh của người đứng khai

**Đương Kiên Mười 31t**

Người đứng khai ký

Đăng ký ngày.....**30**..... tháng.....**1**..... năm 19.....**52**

T/M ỦY BAN NHÂN DÂN

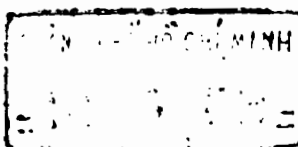
CHỨNG NHẬN SAO Y BẢN CHÍNH

Ngày.....**7**..... tháng.....**1**..... năm 19**69**

T/M UBND KÝ TÊN ĐÓNG DẤU

TP. HCM

Thị trấn phòng



Phan Kim Trảo

PEOPLE'S COMMITTEE  
QUARTER :  
DISTRICT : 3  
CITY : SAIGON

SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM  
Independence - Liberty - Happiness

( ) COPY OF BIRTH CERTIFICATE

TP/HT  
No. 3277  
Volume No.

Full name : NGUYEN THUONG TIEN Sex : Male  
Date of birth : April 04, 1956, at 06:50  
Place of birth : Saigon, 65 Dinh Cong Trang  
Ethnic group : Nationality :

-----  
: Declarations about :  
: parents. : MOTHER : FATHER :  
-----  
: Full name : VUONG CAM VAN : NGUYEN THUONG CHI :  
: Age : 34 years old : 36 years old :  
: Ethnic group : : :  
: Nationality : // :  
: Occupation : Merchant : Indirect tax office at :  
: : : the Ministry of Finance :  
: Permanent residence : Saigon, 08 Ky Dong :  
-----

Full name, age, permanent residence, ID card No. of the declarant:  
NGUYEN THUONG CHI

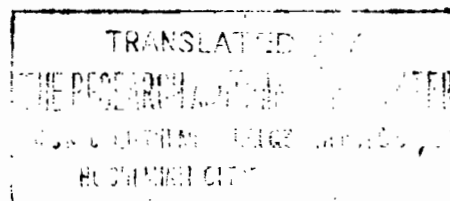
The declarant

Registered on April 06, 1956  
For the People's committee  
(signed)

CERTIFIED TRUE COPY  
December 15, 1988  
For the People's committee  
DANG THI THUY  
(signed and sealed)

(FISCAL STAMP)

-----  
Translated from the original written in Vietnamese  
File No. 855/89  
Date : May 23, 1989



ỦY BAN NHÂN DÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TP/HT

Kê phường.....

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số 1277

Huyện, Quận 3.....

Quyền .....

Tỉnh, Thành phố Saigon



## GIẤY KHAI SINH

(BẢN SAO)

Họ và tên NGUYỄN THƯỢNG TIẾN Nam hay Nữ NAM

Ngày, tháng, năm sinh.....

04 Tháng 04 Năm 1956, 06h50'

Nơi sinh Saigon, 05 Đình Công Trưng

Dân tộc..... Quốc tịch.....

| Phần khai về cha, mẹ | Người mẹ           | Người cha                 |
|----------------------|--------------------|---------------------------|
| Họ và tên            | Vương Cẩm Văn      | Nguyễn Thượng Chí         |
| Tuổi                 | 34T                | 36T                       |
| Dân tộc              | 7                  | 7                         |
| Quốc tịch            |                    |                           |
| Nghề nghiệp          | Đoàn bán           | Giám khu tại Bộ Tài Chính |
| Nơi thường trú       | Saigon, 08 Kỳ Đồng |                           |

Họ tên, tuổi, nơi thường trú, số giấy chứng minh của người đứng khai

Nguyễn Thượng Chí

Người đứng khai ký

Đăng ký ngày 06 tháng 04 năm 1956

T/M ỦY BAN NHÂN DÂN

Đã ký

CHỨNG NHẬN SAO Y BẢN CHÍNH

Ngày 15 tháng 12 năm 1988

T/M UBND KÝ TÊN ĐÓNG DẤU



Nguyễn Thị Thuyết

Tỉnh, Thành phố Cầu Long  
Quận, Huyện Thị xã Trà Vinh  
Xã, Phường Phường 2

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Quyền số 01  
Số 138

## CHỨNG NHẬN KẾT HÔN

Họ và tên người vợ TRANG CHI KIM CHI  
Sinh ngày 02.03.1959  
Quê quán Chi xã Trà Vinh (Cầu Long)  
Nơi đăng ký thường trú Số 22 Điện Biên  
Phường 2 thị xã Trà Vinh  
Nghề nghiệp giáo viên  
Dân tộc Kinh Quốc tịch Việt Nam  
Số CMND hoặc Hộ chiếu 360031993

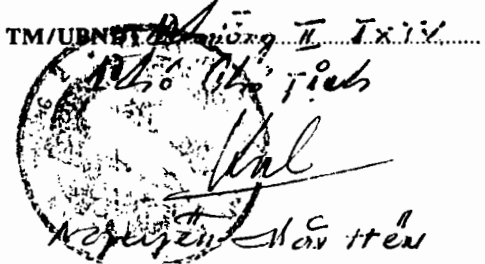
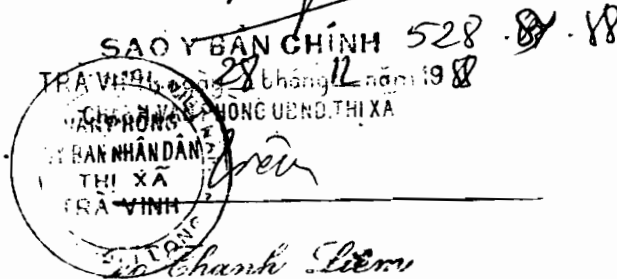
Họ và tên người chồng NGUYỄN THUẬN TIẾN  
Sinh ngày 04.04.1956  
Quê quán xã Long Khánh, Cai Lậy (Tiền Giang)  
Nơi đăng ký thường trú Số 153/8-9 Kỳ Đồng  
Phường 09 Quận 3 thành phố Hồ Chí Minh  
Nghề nghiệp Cán sự kỹ thuật điện  
Dân tộc Kinh Quốc tịch Việt Nam  
Số CMND hoặc Hộ chiếu 022.595.196

Kết hôn ngày 17 tháng 3 năm 19 88

Chữ ký người vợ

Chữ ký người chồng

TM/UBND Phường 2, Thị xã Trà Vinh



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA  
VIỆT NAM



GIẤY CHỨNG NHẬN  
KẾT HÔN

PROVINCE : CUU LONG  
TOWNSHIP : TRA VINH  
QUARTER : 2

SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM  
Independence - Liberty - Happiness

Volume No. 01  
No. 138

/// MARRIAGE CERTIFICATE

Full name of the wife    TRANG THI KIM CHI  
Date of birth            March 02, 1959  
Native place            Tra Vinh township (Cuu Long)

Permanent residence      No. 22 Dien Bien Phu  
                                 Quarter 2, Tra Vinh township

Occupation              Teacher

Ethnic group : Kinh, Nationality : Vietnamese

ID card or passport no.   360031993

Full name of the husband : NGUYEN THUONG TIEN  
Date of birth            April 04, 1956

Native place : Long Khanh village, Cai Lay  
                                 (Tien Giang)

Permanent residence      No. 153/8-9 Ky Dong  
                                 Quarter 9, District 3,  
                                 Ho Chi Minh City

Occupation              Electrical technician

Ethnic group : Kinh, Nationality : Vietnamese

ID card or passport No.   022595196

Married on March 17, 1988

The wife's signature  
(signed)

the Husband's signature  
(signed)

For the People's committee of Quarter II  
Tra Vinh township  
The Deputy Chairman  
NGUYEN VAN HEN  
(signed and sealed)

-----  
Translated from the original written in Vietnamese

File No. 855/89

Date : May 23, 1989

SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM

1

111 ARRIVAL CERTIFICATE

1

JUDICIARY OFFICE

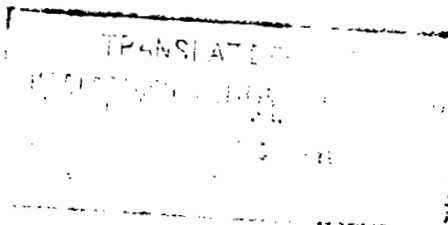
**EXTRACT FROM THE REGISTER OF BIRTHS  
PHU VINH VILLAGE, TRA VINH PROVINCE**

**No. 12**

|                          |  |                                    |
|--------------------------|--|------------------------------------|
| : Full name of the child |  | : TRANG THI KIM CHI                |
| : Sex                    |  | : Female                           |
| : Date of birth          |  | : March 02, 1959                   |
| : Place of birth         |  | : Nguyet Hoa village (Vinh Binh)   |
| : Father's full name     |  | : TRANG VAN LOU                    |
| : Occupation             |  | : Silversmith                      |
| : Residence              |  | : Phuong Thanh village (Vinh Binh) |
| : Mother's full name     |  | : PHAM HUE THANG                   |
| : Occupation             |  | : Housewife                        |
| : Residence              |  | : Phuong Thanh village (Vinh Binh) |
| : Rank of married wife   |  | : Legitimate                       |

(signed and sealed)

Date : May 23, 1989



THÀNH TỰU KINH VIÊN

PHẦN TƯ PHÁP

QUỐC HÂN KINH VIÊN KINH VIÊN

Độc lập - Tự Do - Hạnh Phúc



AN THẠCH LẠC KINH VIÊN KINH VIÊN

PHẦN VIÊN - PHẦN THẠCH VIÊN

THÁNG : 1/1958

THÁNG : 12

|                     |                       |
|---------------------|-----------------------|
| Họ tên của tôi      | THẠCH THẠCH KINH VIÊN |
| Họ tên              | TH                    |
| Ngày sinh           | 2 - 3 - 1957          |
| Nơi sinh            | Kinh Vi ( Vĩnh Bình ) |
| Họ tên cha          | THẠCH VĂN LAM         |
| Nghề nghiệp của cha | Thợ dệt               |
| Nơi cư ngụ của cha  | Kinh Vi ( Vĩnh Bình ) |
| Họ tên mẹ           | THẠCH KINH VIÊN       |
| Nghề nghiệp của mẹ  | Thợ dệt               |
| Nơi cư ngụ của mẹ   | Kinh Vi ( Vĩnh Bình ) |
| Vợ chính hay thứ    | Vợ chính              |

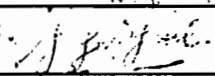
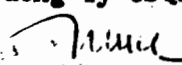
THẠCH KINH VIÊN

Thị trấn , ngày 10 tháng 12 năm 1958



THẠCH KINH VIÊN



|                                                                                                      |  |               |                                                                                     |
|------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|---------------|-------------------------------------------------------------------------------------|
| Dấu vết riêng: Châm sẹo C/1<br>dưới đầu mắt trái.                                                    |  | Cao: 1 th51   |                                                                                     |
| Chữ ký đương sự:  |  | Nặng: 45 Kg   |                                                                                     |
| Saigon, ngày 26-03-1969                                                                              |  | Ngón trỏ mắt  |  |
| TUN.GIAM-ĐOC CẢNH-SẢT NGQĐT                                                                          |  |               |                                                                                     |
| Trưởng Ty CSQG Quan Ba                                                                               |  | Ngón trỏ trái |  |
|                    |  |               |                                                                                     |
| NGUYỄN-VAN-GHI                                                                                       |  |               |                                                                                     |

REPUBLIC OF VIET NAM

Identity card

No. 00853876

:-----: Full name NGUYEN NGOC CO  
 : : Date and November 20, 1949  
 : PHOTO : place of birth Saigon  
 : : Father NGUYEN THONG CHI  
 : : Mother VUONG CAM VAN  
 :-----: Address 153/8 Ky Dong, Saigon

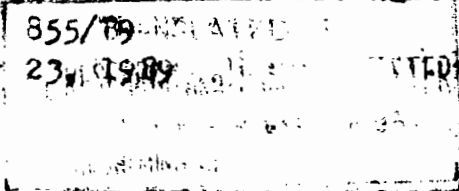
(VERSO)

Special marks : : Height : 1m51  
 Spotted scar at 1 cm below :  
 the left eyehead : Weight : 45 kg  
 :  
 Signature of the bearer : :  
 signed : Right :  
 :--Fore- : Fingerprint  
 Saigon, March 26, 1969 : finger :  
 By delegation of the Director :  
 of National Police :  
 Chief of District 3 National :  
 Police : Left :  
 NGUYEN VAN CHI : Fore- : Fingerprint  
 (signed and sealed) : finger :  
 :

Translated from the original written in Vietnamese

File No. 855/89

Date : May 23, 1989



Số 45/  
CHỨNG NHẬN CÔNG Y BẢN CHÍNH  
Xuất trình tại UBND Phường 3.Q3  
Ngày 17 tháng 4 năm 1977



NGUYỄN THỊ LIÊM

VIỆT-NAM CỘNG HÒA  
THẺ CĂN CƯỚC số 00853380

Họ Tên NGUYỄN VĂN SẮT

Ngày, giờ sinh 28 tháng 1 năm 1954

Cha NGUYỄN VĂN TÀI

Mẹ VƯƠNG CẨM TÚ

Địa chỉ 153/8 Lý Thường Kiệt, Sg

Dấu vết riêng: Tàn nhang C/4  
bên cánh mũi trái.-

Cao: 1 th 48

Nặng 37 Kg

Chữ ký đương sự:

Ngon trở mặt

Saigon, ngày 20.03. 1969  
TUN. GIÁM ĐỐC CẢNH-SÁT QGĐT  
Trưởng Ty CSQG Quận Ba

*Handwritten signature*

NGUYỄN-VAN-GHI

REPUBLIC OF VIET NAM  
IDENTITY CARD

No. 00853360

|       |   |                |                       |
|-------|---|----------------|-----------------------|
| ----- | : | Full name      | NGUYEN NGOC TUYET     |
| :     | : | Date and       | January 28, 1952      |
| :     | : | place of birth | Saigon                |
| PHOTO | : |                |                       |
| :     | : | Father         | NGUYEN THUYONG CHI    |
| :     | : | Mother         | VUONG CAM VAN         |
| ----- | : | Address        | 153/8 Ky Dong, Saigon |

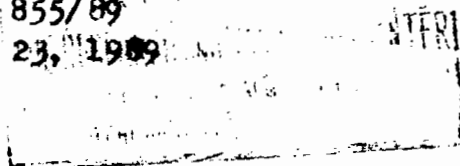
-----  
(VERSO)  
-----

|                               |   |          |             |
|-------------------------------|---|----------|-------------|
| Special marks :               | : | Height : | 1m48        |
| Freckle at 4cm on the left    | : | -----    | -----       |
| nose wing                     | : | Weight : | 37 kg       |
| -----                         | : | -----    | -----       |
| Signature of the bearer :     | : | :        | :           |
| signed                        | : | Right :  | :           |
| -----                         | : | Fore- :  | Fingerprint |
| Saigon, March 20, 1969        | : | finger : | :           |
| By delegation of the Director | : | :        | :           |
| of National Police            | : | -----    | -----       |
| Chief of District 3 National  | : | :        | :           |
| Police                        | : | Left :   | :           |
| NGUYEN VAN GHI                | : | Fore- :  | Fingerprint |
| (signed and sealed)           | : | finger : | :           |
| -----                         | : | :        | :           |

-----  
Translated from the original written in Vietnamese

File No. 855/89

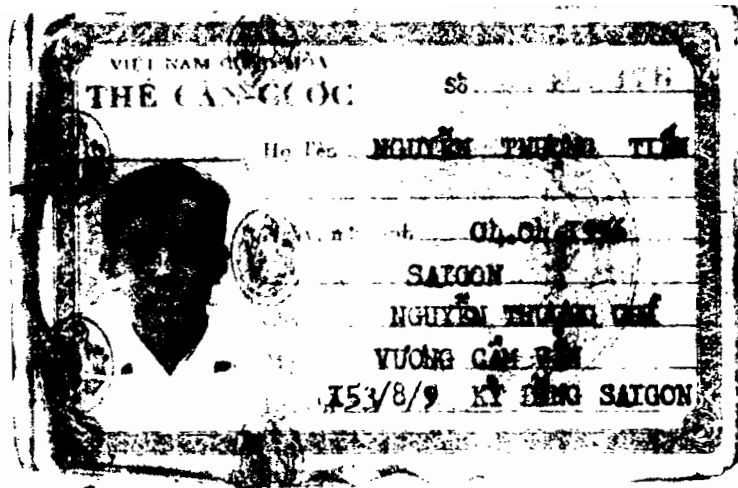
Date : May 23, 1989



Số 491  
CHỨNG NHẬN GIỐNG Y BẢN CHÍNH  
Xuat trình tại UBND Phường 9. Q3  
Ngày 19 tháng 10 năm 1979



NGUYỄN THỊ LIÊM



|                                                                                   |  |               |
|-----------------------------------------------------------------------------------|--|---------------|
| Dầu vôi riàng:                                                                    |  | Cân: 1 Hg     |
| Tên nhang cách 3 chữ sau                                                          |  | Đuôi 59       |
| mắt T.                                                                            |  | Nặng: 10 Kz   |
| Chức vụ được sự:                                                                  |  | Ngôn ngữ mặt  |
| SAIGON ngày 09.01. 1971                                                           |  | Ngôn ngữ trái |
| TUN. CHAM ĐOC CANH SAT QUEN                                                       |  |               |
| PHO TRUONG TY CSQ QUAN 3                                                          |  |               |
|  |  |               |
| PO KIEM NÂU                                                                       |  |               |

REPUBLIC OF VIET NAM

IDENTITY CARD

No. 0769376

|           |                |                         |
|-----------|----------------|-------------------------|
| -----:    | Full name      | NGUYEN THUONG TIEN      |
| :         | Date and       | April 04, 1956          |
| :         | place of birth | Saigon                  |
| : PHOTO : | Father         | NGUYEN THUONG CHI       |
| :         | Mother         | VUONG CAM VAN           |
| -----:    | Address        | 153/8/9 Ky Dong, Saigon |

-----  
(VERSO)  
-----

|                               |   |          |             |
|-------------------------------|---|----------|-------------|
| Special marks :               | : | Height : | 1m59        |
| Freckle at 3cm below the      | : | -----    |             |
| left eyebrow tail             | : | Weight : | 40 kg       |
| -----                         | : | -----    |             |
| Signature of the bearer :     | : | :        | :           |
| signed                        | : | Right :  | :           |
| -----                         | : | Fore- :  | Fingerprint |
| Saigon, January 09, 1971      | : | finger : | :           |
| By delegation of the Director | : | :        | :           |
| of National Police            | : | -----    | -----       |
| Deputy chief of District 3    | : | Left :   | :           |
| National Police               | : | Fore- :  | Fingerprint |
| DO KIEN NAU                   | : | finger : | :           |
| (signed and sealed)           | : | :        | :           |
| -----                         | : | :        | :           |

-----  
Translated from the original written in Vietnamese

File No. 855/89

Date : May 23, 1989

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA  
**THẺ CÁN QUỐC** Số 11008059

Họ Tên **TRANG-THỊ-KIM-CHI**

Ngày, nơi sinh **02-03-1959**  
 Xã **Nguyệt-Hoa, VINH-BÌNH**  
 Cha **Trang-văn-Lưu**  
 Mẹ **Phạm-Huê-Thắng**  
**22 Nguyễn-văn-Thỉnh, VINH-BÌNH**

|                                                          |                     |
|----------------------------------------------------------|---------------------|
| Dấu vết răng:<br><b>Nốt ruồi, bên phải<br/>môi trên.</b> | Cao: 1 th <b>57</b> |
| Chữ ký đương sự: <i>Chi</i>                              | Nặng: <b>40</b> Kg  |
| <b>VINH-BÌNH</b> , ngày <b>18-02-</b> 19 <b>74</b>       | Nghĩa tro mắt       |
| <b>CHỈ-HUY TRƯỞNG C.S.Q.G</b>                            | Nghĩa tro trái      |
| <i>Nguyễn-Ngọc-Phúc</i><br><b>NGUYỄN-NGỌC-PHÚC</b>       |                     |

DZ. ANH

43?  
 CÔNG AN NHÂN DÂN Y BAN CHINA  
 1974 7 năm 13.89.



NGUYỄN THỊ LIÊM

REPUBLIC OF VIET NAM  
IDENTITY CARD

No. 11008059

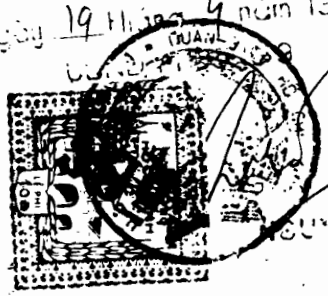
|           |                |                      |
|-----------|----------------|----------------------|
| :-----:   | Full name      | TRANG THI KIM CHI    |
| :         | Date and       | March 02, 1959       |
| :         | place of birth | Nguyet Hoa village,  |
| : PHOTO : |                | Vinh Binh            |
| :         | Father         | TRANG VAN LUU        |
| :         | Mother         | PHAM HUE THANG       |
| :-----:   | Address        | 22 Nguyen van Thinh, |
|           |                | Vinh Binh            |

(VERSO)

|                              |             |             |
|------------------------------|-------------|-------------|
| Special marks :              | : Height :  | 1m57        |
| Mole on the upper lip, at    | : - - - - - |             |
| the right side.              | : Weight :  | 40 kg       |
|                              | : - - - - - |             |
| Signature of the bearer :    | :           | :           |
| signed                       | : Right :   | Fingerprint |
|                              | : Fore- :   |             |
| Vinh Binh, Feb. 13, 1974     | : finger :  |             |
| Chief of the National Police | : - - - - - |             |
| NGUYEN NGOC PHUC             | :           | :           |
| (signed and sealed)          | : Left :    |             |
|                              | : Fore- :   | Fingerprint |
|                              | : finger :  |             |
|                              | :           | :           |

Translated from the original written in Vietnamese  
File No. 855/89  
Date : May 23, 1989

Số 431  
CHỨNG NHẬN GIỐNG Y BẢN CHẾ  
Xuất trình tại UBND Phường 9 Q3  
Ngày 19 tháng 9 năm 13 89



NGUYỄN THỊ LIÊM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN**

Số: 02 224 3 268

Họ tên NGUYỄN THỊ G THỊ

Sinh ngày 25-7-1920

Nguyên quán Đại Lộ, Biên Giang.

Nơi thường trú 153/7-9 Lý-Đông, Q1, TP. Hồ Chí Minh.

Dân tộc:

Kinh

Tôn giáo:

Phật

DẤU VẾT RIÊNG HOẶC DI HÌNH

Tàn nhang cách lem  
dưới sau dùi này  
trại.

Nét 25 tháng 02 năm 1975

HOẶC TRƯỞNG TY CÔNG AN



Trần Văn



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN**

Số: ~~020604008~~

Họ tên **VƯƠNG CẨM VÂN**

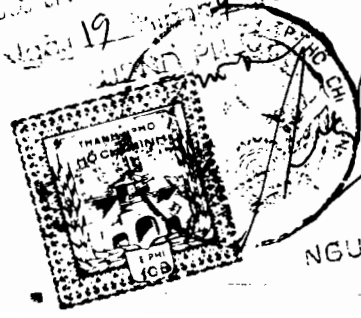


Sinh ngày **27-03-1922**

Nguyên quán **Đa Phước,  
Châu Đức, An Giang.**

Nơi thường trú **153/8/9 Kỳ -  
Đông, Q.3, TP. Hồ Chí Minh.**

03/  
CHỨNG MINH NHÂN DÂN CHỈ  
XUẤT TRÌNH TẠI UBND. VÀNG C. 03/22  
Ngày 19 tháng 4 năm 1989



AN  
NGUYỄN THỊ LIÊM

|                                                                                    |  |                                                                                                                                                  |  |
|------------------------------------------------------------------------------------|--|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|
| Danh sách: Kinh                                                                    |  | Tôn giáo: Phật                                                                                                                                   |  |
|   |  | DẤU VẾT RIÊNG HOẶC DỊ HÌNH                                                                                                                       |  |
|  |  | Nốt ruồi c, 1,5cm dưới<br>sau cu ôi mắt trái.                                                                                                    |  |
| NGƯỜI TRỎ TRÁI                                                                     |  | Ngày 01 tháng 01 năm 1970                                                                                                                        |  |
| NGƯỜI TRỎ PHẢI                                                                     |  | <br>TRƯỞNG TỶ CÔNG AN<br>THÀNH AN QUANG<br><i>Trần Văn...</i> |  |

SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM  
Independence - Liberty - Happiness

IDENTITY CARD

No. 020604608

-----:

: Full name VUONG CAM VAN  
: Date of birth March 27, 1922  
: PHOTO : Native place Da Phuoc, Chau Doc,  
: : An Giang  
:-----: Permanent residence 153/8/9 Ky Dong, District  
3, Ho Chi Minh City

-----  
(VERSO)

-----  
Ethnic group : Kinh

Religion : Buddhist

-----  
: : Special marks or physical defect  
: Left :  
Fingerprint : Fore- : Mole at 1.5cm below after the  
: finger: left eye tail.  
: :  
-----: January 04, 1979  
: : For the Director or Chief of Security  
: Right : Service  
Fingerprint : Fore- : Chief of District 3 Security service  
: finger: NGUYEN TAN GHI  
: : (signed and sealed)  
: :  
-----

Translated from the original written in Vietnamese

File No. 855/89

Date : May 23, 1989



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN**

Số: **020270002**

Họ tên **NGUYỄN NGỌC CƠ**

Sinh ngày **20-11-1949**

Nguyên quán **Cai Lậy,**

**Tiền Giang.**

Nơi thường trú **153/8-9Ký Đồng**

**Q.3. TP. Hồ Chí Minh.**



ST 49/  
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  
Ngày 19 tháng 4 năm 1989



NGUYỄN THỊ LIÊM

Đã đọc: . Kinh . . . . . Tôn giáo: . . . . . Không

ĐẤU VẾT RIÊNG HOẶC DẠ HÌNH

Nốt ruồi C, 1, 5 cm dưới  
trước đuôi mắt phải.

8 năm 1978



NGON TRÓ TRÁI

NGON TRÓ PHẢI

*Nguyễn Văn Thanh Lâm*

**SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM**  
**Independence - Liberty - Happiness**

**IDENTITY CARD**

No. 020240902

-----:  
: : Full name NGUYEN NGOC CO  
: : Date of birth November 20, 1949  
: PHOTO : Native place Cai Lay, Tien Giang  
: : Permanent residence 153/8 Ky Dong, District  
:-----: 3, Ho Chi Minh City

-----  
(VERSO)

-----  
Ethnic group : Kinh Religion : None  
-----

: : Special marks or physical defect :  
: Left :-----  
Fingerprint : Fore- : Mole at 1.5cm below in front of  
: finger: the right eye tail.  
: :-----

----- :----- : August 24, 1978  
: : For the Direct or Chief of Security  
: Right : Service  
Fingerprint : Fore- : The Deputy Director  
: finger: NGUYEN MINH DAM  
: : (signed and sealed)  
: :  
-----

Translated from the original written in Vietnamese

File No. 855/89

Date : May 23, 1989





CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN**

Số: **020342131**

Họ tên: **NGUYỄN NGỌC TUYẾT**

Sinh ngày: **28-01-1952**

Nguyên quán: **Phị Xã Mỹ Tho,  
Tiền Giang.**

Nơi thường trú: **153/8/9 Kỳ-  
Đông, Q3, TP. Hồ Chí Minh.**



Số: **434**  
CHỨNG MINH Y BẢN CHÍNH  
Yacht trên tay ĐOÀN Phương 9.03  
Ngày: **19-01-1994** năm **13**



NGUYỄN THỊ LIÊM

|                                                                                   |  |                                                                                                                              |  |
|-----------------------------------------------------------------------------------|--|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|
| Dân tộc: <b>Kinh</b>                                                              |  | Tôn giáo: <b>Không</b>                                                                                                       |  |
|  |  | DẤU VẾT RIÊNG HOẶC DỊ HÌNH                                                                                                   |  |
|                                                                                   |  | <b>Sọc chấm cách 3,5cm<br/>dưới sau, cạnh mũi<br/>phải</b>                                                                   |  |
| NGƯỜI TRỞ TẠI                                                                     |  | Ngày 27 tháng 09 năm 1978                                                                                                    |  |
| NGƯỜI TRỞ PHẢI                                                                    |  | <br>TRƯỞNG TY CÔNG AN<br>PH. <i>Chinh</i> |  |

SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM  
Independence - Liberty - Happiness

IDENTITY CARD

No. 020342131

-----:  
: : Full name NGUYEN NGOC TUYET  
: : Date of birth January 28, 1952  
: PHOTO : Native place My Tho township,  
: : Tien Giang  
:-----: Permanent residence 153/8/9 Ky Dong  
District 3, Ho Chi Minh  
City

-----  
(VERSO)  
-----

Ethnic group : Kinh Religion : None  
-----

: : Special marks or physical defect :  
: Left :- - - - -  
Fingerprint : Fore- : Spotted scar at 3.5cm below  
: finger: after the right ala.  
: : - - - - -  
- - - - - : - - - : September 27, 1978  
: : For the Director or Chief of Security  
: Right : Service  
Fingerprint : Fore- : The Deputy Director  
: finger: TRAN CHINH  
: : (signed and sealed)  
: :  
-----

Translated from the original written in Vietnamese

File No. 855/89

Date : May 23, 1989



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN**

Số: **022295196**

Họ tên **NGUYỄN THƯỢNG TIẾN**

Sinh ngày **4-4-1956**

Nguyên quán **Cai-Lậy,**

**Tiền-Giang,**

Nơi thường trú **153/8-9Ký-Đông**  
**P17, Q3, Tp. Hồ Chí Minh**



Số **3125**

**CHỨNG NHẬN GIỒNG Y BÀN CHỈNH**

Xuất trình tại UBND Phường **P. 13**

Ngày **12** tháng **12** năm **12**

**UBND PHƯỜNG 13**



**NGUYỄN THỊ LIÊM**

|                                                                                    |  |                                                                                                    |  |
|------------------------------------------------------------------------------------|--|----------------------------------------------------------------------------------------------------|--|
| Dân tộc: Kinh                                                                      |  | Tôn giáo: phật                                                                                     |  |
|  |  | DẤU VẾT RIÊNG HOẶC DI HÌNH                                                                         |  |
|  |  | Sọc chấm cách 0,5cm<br>sau mép phải                                                                |  |
|                                                                                    |  | Ngày 23 tháng 8 năm 1988                                                                           |  |
|                                                                                    |  | THY GIAM ĐỐC HOẶC TRƯỞNG TY CÔNG AN.                                                               |  |
|                                                                                    |  | <br>Lâm Văn Chê |  |

SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM  
Independence - Liberty - Happiness

IDENTITY CARD

No. 022595196

-----  
: :  
: : Full name NGUYEN THUONG TIEN  
: PHOTO : Date of birth April 04, 1956  
: : Native place Cai Lay, Tien Giang  
: : Permanent residence 153/8-9 Ky Dong, Quarter 7,  
: : District 3, Ho Chi Minh  
: : City  
-----

(VERSO)

Ethnic group : Kinh

Religion : Buddhist

-----  
: : Special marks or physical defect :  
: Left : - - - - -  
Fingerprint : Fore- : Spotted scar at 0.5cm after the  
: finger: right mouth edge.  
: : - - - - -  
- - - - - : - - - : August 23, 1988  
: : For the Director or chief of Security  
: Right : Service  
Fingerprint : Fore- : LAM VAN THI  
: finger: (signed and sealed)  
: :  
-----

Translated from the original written in Vietnamese

File No. 855/89

Date : May 23, 1989



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN**

Số: **360031993**

Họ tên: **TRANG THỊ KIM CHI**



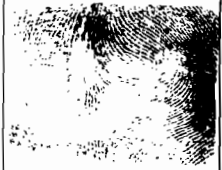
Sinh ngày: **02-03-1959**

Nguyên quán: **22 Điện Biên Phủ**

**Châu Thành, Cửu Long**

Nơi thường trú: **3-2, An Nghiệp**

**Cần Thơ, Hậu Giang**

|                                                                                   |  |                                                                                                                       |  |
|-----------------------------------------------------------------------------------|--|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|
| Dân tộc: Kinh                                                                     |  | Tôn giáo: Không                                                                                                       |  |
| DẤU VẾT RIÊNG HOẶC DI HÌNH                                                        |  |                                                                                                                       |  |
|  |  | Sẹo tròn 0,3cm C 4cm<br>dưới đuôi mắt phải                                                                            |  |
|  |  | Ngày 15 tháng 03 năm 1978<br>KT/GIÁM ĐỐC HOẶC TRƯỞNG TY CÔNG AN<br>TRƯỞNG TY<br><i>(Signature)</i><br>Trần Minh Chiếu |  |

SAO Y BẢN CHÍNH 492 ST-88  
 TRÀ VINH, ngày 8 tháng 12 năm 1988  
 CHÁNH VĂN PHÒNG UBND THỊ XÃ  
  
*(Signature)*  
 Tô Thanh Liêm

**SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM**  
**Independence - Liberty - Happiness**

**IDENTITY CARD**

No. 360031993

-----:  
: :  
: PHOTO : Full name TRANG THI KIM CHI  
: : Date of birth March 02, 1959  
: : Native place 22 Dien Bien Phu, Chau  
: : Thanh, Cuu Long.  
:-----: Permanent residence 3-2 An Nghiep, Can Tho  
Hau Giang

-----  
(VERSO)  
-----

Ethnic group : Kinh

Religion : None

-----  
: : Special marks or physical defect :  
: Left :-----  
Fingerprint : Fore- : Round scar of 0.3cm at 4cm below  
: finger: after the right eye tail.  
: :-----  
-----:-----: March 15, 1978  
: : For the Director or Chief of Security  
: Right : Service  
Fingerprint : Fore- : Chief of Security service  
: finger: HO MINH TIEN  
: : (signed and sealed)  
: :  
-----

Translated from the original written in Vietnamese

File No. 855/89

Date : May 23, 1989

**T-H**

**THAY ĐỔI CHỖ Ở CẢ HỘ**

|                                                      |                                                      |
|------------------------------------------------------|------------------------------------------------------|
| Chứng nhận đã chuyển đến ở : .....                   | Chứng nhận đã chuyển đến ở : .....                   |
| Từ ngày .... tháng .... năm ....<br>Ký tên, đóng dấu | Từ ngày .... tháng .... năm ....<br>Ký tên, đóng dấu |
| Chứng nhận đã chuyển đến ở : .....                   | Chứng nhận đã chuyển đến ở : .....                   |
| Từ ngày .... tháng .... năm ....<br>Ký tên, đóng dấu | Từ ngày .... tháng .... năm ....<br>Ký tên, đóng dấu |

**NHỮNG THAY ĐỔI KHÁC**

|  |  |
|--|--|
|  |  |
|  |  |
|  |  |

NK 4

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập — Tự do — Hạnh phúc**

**GIẤY CHỨNG NHẬN**  
**HỘ KHẨU THƯỜNG TRÚ**

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Số: **301140** CN

Họ và tên chủ hộ: **Vương Cẩm Vân**  
Ấp, ngõ, số nhà: **153/8-9**  
Thị trấn, đường phố: **Kỳ Giang**  
Xã, phường: **Tf**  
Huyện, quận: **Ba**

Ngày **10** tháng **3** năm **1982**  
Trưởng công an: **Quang**  
(Ký tên, đóng dấu và ghi rõ họ tên)



**NGUYỄN-TÂN-CHÍ**

Số NK 3: .....

## NHỮNG NGƯỜI THƯỜNG TRÚ TRONG HỘ

CHANGING OF THE WHOLE FAMILY

SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM  
Independence - Liberty - Happiness

CE CERTIFICATE OF PERMANENT RESIDENTS

HO CHI MINH CITY

No. 302140 CM

Full name of the Householder : VIENG CAM VAN

House number : 153/8 - 9

Street : Ky Dong

Quarter : 17

District : 3

OTHER CHARGES

March 10, 1982

Chief of District 3 Security  
Service

NGUYEN TAN GHI  
(signed and sealed)

Lo. NK 5 .....

.....

.....

1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 11 12 13 14 15 16 17 18 19 20 21 22 23 24 25 26 27 28 29 30 31 32 33 34 35 36 37 38 39 40 41 42 43 44 45 46 47 48 49 50 51 52 53 54 55 56 57 58 59 60 61 62 63 64 65 66 67 68 69 70 71 72 73 74 75 76 77 78 79 80 81 82 83 84 85 86 87 88 89 90 91 92 93 94 95 96 97 98 99 100 101 102 103 104 105 106 107 108 109 110 111 112 113 114 115 116 117 118 119 120 121 122 123 124 125 126 127 128 129 130 131 132 133 134 135 136 137 138 139 140 141 142 143 144 145 146 147 148 149 150 151 152 153 154 155 156 157 158 159 160 161 162 163 164 165 166 167 168 169 170 171 172 173 174 175 176 177 178 179 180 181 182 183 184 185 186 187 188 189 190 191 192 193 194 195 196 197 198 199 200 201 202 203 204 205 206 207 208 209 210 211 212 213 214 215 216 217 218 219 220 221 222 223 224 225 226 227 228 229 230 231 232 233 234 235 236 237 238 239 240 241 242 243 244 245 246 247 248 249 250 251 252 253 254 255 256 257 258 259 260 261 262 263 264 265 266 267 268 269 270 271 272 273 274 275 276 277 278 279 280 281 282 283 284 285 286 287 288 289 290 291 292 293 294 295 296 297 298 299 300 301 302 303 304 305 306 307 308 309 310 311 312 313 314 315 316 317 318 319 320 321 322 323 324 325 326 327 328 329 330 331 332 333 334 335 336 337 338 339 340 341 342 343 344 345 346 347 348 349 350 351 352 353 354 355 356 357 358 359 360 361 362 363 364 365 366 367 368 369 370 371 372 373 374 375 376 377 378 379 380 381 382 383 384 385 386 387 388 389 390 391 392 393 394 395 396 397 398 399 400 401 402 403 404 405 406 407 408 409 410 411 412 413 414 415 416 417 418 419 420 421 422 423 424 425 426 427 428 429 430 431 432 433 434 435 436 437 438 439 440 441 442 443 444 445 446 447 448 449 450 451 452 453 454 455 456 457 458 459 460 461 462 463 464 465 466 467 468 469 470 471 472 473 474 475 476 477 478 479 480 481 482 483 484 485 486 487 488 489 490 491 492 493 494 495 496 497 498 499 500 501 502 503 504 505 506 507 508 509 510 511 512 513 514 515 516 517 518 519 520 521 522 523 524 525 526 527 528 529 530 531 532 533 534 535 536 537 538 539 540 541 542 543 544 545 546 547 548 549 550 551 552 553 554 555 556 557 558 559 560 561 562 563 564 565 566 567 568 569 570 571 572 573 574 575 576 577 578 579 580 581 582 583 584 585 586 587 588 589 590 591 592 593 594 595 596 597 598 599 600 601 602 603 604 605 606 607 608 609 610 611 612 613 614 615 616 617 618 619 620 621 622 623 624 625 626 627 628 629 630 631 632 633 634 635 636 637 638 639 640 641 642 643 644 645 646 647 648 649 650 651 652 653 654 655 656 657 658 659 660 661 662 663 664 665 666 667 668 669 670 671 672 673 674 675 676 677 678 679 680 681 682 683 684 685 686 687 688 689 690 691 692 693 694 695 696 697 698 699 700 701 702 703 704 705 706 707 708 709 710 711 712 713 714 715 716 717 718 719 720 721 722 723 724 725 726 727 728 729 730 731 732 733 734 735 736 737 738 739 740 741 742 743 744 745 746 747 748 749 750 751 752 753 754 755 756 757 758 759 760 761 762 763 764 765 766 767 768 769 770 771 772 773 774 775 776 777 778 779 780 781 782 783 784 785 786 787 788 789 790 791 792 793 794 795 796 797 798 799 800 801 802 803 804 805 806 807 808 809 810 811 812 813 814 815 816 817 818 819 820 821 822 823 824 825 826 827 828 829 830 831 832 833 834 835 836 837 838 839 840 841 842 843 844 845 846 847 848 849 850 851 852 853 854 855 856 857 858 859 860 861 862 863 864 865 866 867 868 869 870 871 872 873 874 875 876 877 878 879 880 881 882 883 884 885 886 887 888 889 890 891 892 893 894 895 896 897 898 899 900 901 902 903 904 905 906 907 908 909 910 911 912 913 914 915 916 917 918 919 920 921 922 923 924 925 926 927 928 929 930 931 932 933 934 935 936 937 938 939 940 941 942 943 944 945 946 947 948 949 950 951 952 953 954 955 956 957 958 959 960 961 962 963 964 965 966 967 968 969 970 971 972 973 974 975 976 977 978 979 980 981 982 983 984 985 986 987 988 989 990 991 992 993 994 995 996 997 998 999 1000 1001 1002 1003 1004 1005 1006 1007 1008 1009 1010 1011 1012 1013 1014 1015 1016 1017 1018 1019 1020 1021 1022 1023 1024 1025 1026 1027 1028 1029 1030 1031 1032 1033 1034 1035 1036 1037 1038 1039 104

File No. 855/89  
Date : May 8, 1989

# THAY ĐỔI CHỖ Ở CẢ HỘ

Chuyển đến \_\_\_\_\_

Chuyển đến \_\_\_\_\_

Từ ngày \_\_\_\_\_ tháng \_\_\_\_\_ năm \_\_\_\_\_  
Ký tên đóng dấu

Từ ngày \_\_\_\_\_ tháng \_\_\_\_\_ năm \_\_\_\_\_  
Ký tên đóng dấu

Chuyển đến \_\_\_\_\_

Chuyển đến \_\_\_\_\_

Từ ngày \_\_\_\_\_ tháng \_\_\_\_\_ năm \_\_\_\_\_

Từ ngày \_\_\_\_\_ tháng \_\_\_\_\_ năm \_\_\_\_\_

## NHỮNG THAY ĐỔI KHÁC

Nội dung \_\_\_\_\_

Nội dung \_\_\_\_\_

Ngày \_\_\_\_\_ tháng \_\_\_\_\_ năm \_\_\_\_\_  
Trưởng công an \_\_\_\_\_

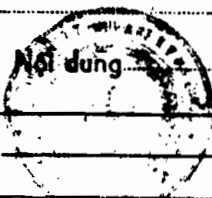
Ngày \_\_\_\_\_ tháng \_\_\_\_\_ năm \_\_\_\_\_  
Trưởng công an \_\_\_\_\_

Nội dung \_\_\_\_\_

Nội dung \_\_\_\_\_

Ngày \_\_\_\_\_ tháng \_\_\_\_\_ năm \_\_\_\_\_  
Trưởng công an \_\_\_\_\_

Ngày \_\_\_\_\_ tháng \_\_\_\_\_ năm \_\_\_\_\_  
Trưởng công an \_\_\_\_\_



Bản Nháp

Mẫu số NK 4

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

# GIẤY CHỨNG NHẬN

ĐĂNG KÝ NHÂN KHẨU THƯỜNG TRÚ TRONG HỘ

SỐ, 769

Họ và tên chủ hộ: Trương Văn Lưu

Số nhà: 22 Ngõ (hẻm): 3

Đường phố: Áo Hồ Chí Minh, Quận CAND, Phường II

Thị xã, quận, thành phố thuộc tỉnh: \_\_\_\_\_

Thị xã Cao Lãnh

Tỉnh, thành phố: Long An

Ngày 28 tháng 10 năm 1988

Trưởng công an T. X. N.

(Ký tên đóng dấu, ghi rõ họ tên)



Đài Truyền Thông

1

SECOND COPY

CHANGING OF THE WHOLE FAMILY

SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM

1

CERTIFICATE OF PERMANENT RESIDENTS  
IN THE HOUSEHOLDER No. 749

Y

Full name of the Householder : TRANG VAN LUY

House number : 12 Agglomeration : 3

Street : Dien Hien Phu, Quarter II

Township : Tra Vinh

Province : Cat Long

OTHER CHANGES

October 24, 1966

Chief of Tra Vinh Township

Security service

BUI THANH LUY

(signed and sealed)

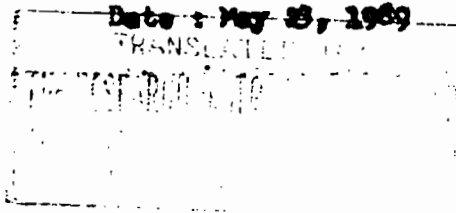
# PERMANENT RESIDENTS IN THE HOUSEHOLD

| Order No. | Full name          | Date of birth | Sex | Relationship to the householder | Occupation and workplace | ID card No. | Registration date | Date and place of transfer                            | Signature and seal of the security service |
|-----------|--------------------|---------------|-----|---------------------------------|--------------------------|-------------|-------------------|-------------------------------------------------------|--------------------------------------------|
| 1         | 2                  | 3             | 4   | 5                               | 6                        | 7           | 8                 | 9                                                     | 10                                         |
| 01        | TRANG VAN LOU      | 1931          | M   | Householder                     | Silversmith              | 330070631   | April 1, 77       |                                                       |                                            |
| 02        | PHAM HUE TRANG     | 1933          | F   | Wife                            | Homemaker                |             | April 1, 77       |                                                       |                                            |
| 03        | TRANG THI KIM CHI  | 1959          | F   | Daughter                        |                          |             | April 1, 77       | Moved to Can Tho University on October 01, 77         |                                            |
| 04        | TRANG KHOA HUE     | 1960          | F   | Daughter                        |                          |             | April 1, 77       | Moved to Teacher's college Can Tho on November 21, 78 |                                            |
| 05        | TRANG THANH THUYEN | 1962          | F   | Daughter                        |                          |             | April 1, 77       | Crossed the sea border in 1981                        |                                            |
| 06        | TRANG THUAN KIEM   | 1965          | M   | Son                             |                          | 330795358   | April 1, 77       |                                                       |                                            |
| 07        | TRANG NGOC GAM     | 1967          | F   | Daughter                        |                          |             | April 1, 77       | Died of illness                                       |                                            |
| 08        | TRANG MINH HUNG    | 1972          | M   | Son                             |                          | 932018968   | April 1, 77       |                                                       |                                            |
| 09        | TRANG BAO TRAY     | 1975          | F   | Daughter                        |                          |             | April 1, 77       |                                                       |                                            |
| 10        | TRANG THI KIM CHI  | 1979          | F   | Daughter                        | School teacher           |             | Nov. 11, 81       | (signed and sealed)                                   |                                            |

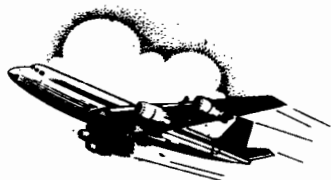
Translated from the original written in Vietnamese

File No. 855/89

Date: May 23, 1989



FROM: Nguyen Thuan Chi  
453/8-9 Kieu Dong P. 3  
TP. Ho Chi Minh



*Thinh gởi*  
TO: Bà KHUOC MINH THO

VIRGINIA

**PAR AVION VIA AIR MAIL**

# Bảo Lãnh Cựu Tù Nhân Cải Tạo Theo Cách Đoàn Tụ



HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM  
FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0635  
TELEPHONE

POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM  
(Two Copies)

IV # \_\_\_\_\_  
VENL # \_\_\_\_\_  
1-171 : Yes No

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

1. APPLICANT IN VIETNAM NGUYỄN THƯỜNG CHÍ  
Last Middle First
- Current Address 153/8-9 KỶ ĐÔNG P. 9 Q. 3 HOCHIMINH CITY
- Date of Birth 25 July 1920 Place of Birth Phulong (Cai Lay District) Mytho
- Previous Occupation (before 1975) TAX INSPECTOR - Director of TRAINING DIVISION  
(Rank & Position) Ministry of Finance - Directorate General of Taxation
2. TIME SPENT IN RE-EDUCATION CAMP Dates: From 17 June 1975 to 13 January 1982  
(6 years / months)
3. SPONSOR'S NAME: Mr. HAP-NGOC-VUONG

Address BRIDGEPORT, CONNECTICUT  
Telephone

He is my BROTHER-IN-LAW (Brother of my wife) USA

4. NAMES OF RELATIVES/ACQUAINTANCES IN THE U.S.

| Name, Address & Telephone                                     | Relationship             |
|---------------------------------------------------------------|--------------------------|
| <u>Mrs. VUONG CAM-NHUNG 703 Springfield Hwy</u>               | <u>My Sister-in-law</u>  |
| <u>Mrs. DIEP NGUYEN (VUONG THI NGOC DIEP) HOUSTON TX</u>      | <u>My Sister in law</u>  |
| <u>Mr. BUI HAU (old address: RT 17 Box 504A Tyler TX USA)</u> | <u>My brother in law</u> |

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.

Date Prepared: June 9, 1989

(Six documents attached)

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) :

NGUYỄN THƯỜNG CHÍ  
(Listed on page 1)

| NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES | DATE OF BIRTH       | RELATIONSHIP TO PA                                     |
|------------------------------------------|---------------------|--------------------------------------------------------|
| <u>VUÔNG CẨM VÂN</u>                     | <u>27 Mar. 1922</u> | <u>My wife</u>                                         |
| <u>NGUYỄN NGỌC CỎ</u>                    | <u>20 Nov 1949</u>  | <u>My DAUGHTER</u>                                     |
| <u>NGUYỄN NGỌC TUYẾT</u>                 | <u>28 Jan. 1952</u> | <u>My DAUGHTER</u>                                     |
| <u>NGUYỄN THƯỜNG TIẾN</u>                | <u>04 Apr. 1956</u> | <u>My SON</u>                                          |
| <u>TRANG-THỊ KIM-CHÍ</u>                 | <u>02 Mar. 1959</u> | <u>My DAUGHTER-IN-LAW</u><br><u>(the wife of TIẾN)</u> |
|                                          |                     |                                                        |
|                                          |                     |                                                        |
|                                          |                     |                                                        |
|                                          |                     |                                                        |
|                                          |                     |                                                        |
|                                          |                     |                                                        |

DEPENDENT'S ADDRESS : (if different from above) only TRANG-THỊ-KIM-CHÍ is  
at No 22 ĐIỆN BIÊN PHÚ St.  
TRAVINH, cũu long new. Formalities are in process to move her to her  
husband's household in Ho Chi Minh City 153/89 Ky Dong as above  
mentioned

## 6. ADDITIONAL INFORMATION :

We are six (6) people in the family. We will be very  
grateful to you for your intervention, to allow all six of us to come  
and resettle in the U.S.A, and get as soon as possible the most  
needed document, a Letter of Introduction (LOI) or a  
permission to come to the U.S.A. We need this document for  
our file in VIETNAM to apply for an EXIT PERMIT.

Nguyệt San Chứng Nhân xin gửi  
 đến quý độc giả muốn bảo lãnh thân nhân Cựu  
 Tù Nhân Cải tạo qua đường ODP, hai mẫu đơn  
 mỗi mẫu in hai mặt, có thể dùng kéo cắt ra, để  
 điền vào, xin bảo lãnh cho thân nhân của mình.  
 - Mẫu thứ nhất là mẫu ghi danh người được bảo  
 lãnh.  
 - Mẫu thứ hai là mẫu hồ sơ lý lịch của người  
 được bảo lãnh.

Hai mẫu đơn này sau khi được hoàn tất, xin gửi  
 chung cả hai mẫu về địa chỉ của:

**HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ  
 VIỆT NAM**

**P.O. BOX 5435**

**Arlington, VA 22205-0635**

Nếu có thắc mắc, xin viết thư về địa chỉ trên hoặc  
 gọi điện thoại số (703) 560-0058 (Bà Thợ)

# Bảo Lãnh Cựu Tù Nhân Cải Tạo Theo Cách Đoàn Tụ



HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM  
FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0635  
TELEPHONE

POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM  
(Two Copies)

IV # \_\_\_\_\_  
VEWL # \_\_\_\_\_  
1-171 : Yes No

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

1. APPLICANT IN VIETNAM NGUYỄN THƯỜNG CHÍ  
Last Middle First
- Current Address 153/8-9 KỶ ĐÔNG P.9 Q.3 HOCHIMINH CITY
- Date of Birth 25 July 1920 Place of Birth PHU LONG (CAILAY District) My Tho
- Previous Occupation (before 1975) TAX INSPECTOR - DIRECTOR OF TRAINING DIVISION  
(Rank & Position) Ministry of Finance (Directorate General of Taxation)
2. TIME SPENT IN RE-EDUCATION CAMP Dates: From 17 June 1975 to 13 January 1982  
(6 years 7 months)
3. SPONSOR'S NAME: MR. HAP - NGOC - VUONG

BRIDGEPORT, CONNECTICUT  
Address Telephone

He is my brother-in-law. (Brother of my wife)

USA

4. NAMES OF RELATIVES/ACQUAINTANCES IN THE U.S.

| Name, Address & Tel.                                            | Relationship      |
|-----------------------------------------------------------------|-------------------|
| Mrs. <u>VUONG-CAM-NHUNG</u> 703 Springfield Man                 | My Sister-in-law  |
| Mrs. <u>DIEP NGUYEN (VUONG NGOC DIEP)</u> WINDFLOWER HOUSTON TX | My Sister-in-law  |
| Mr. <u>BUI HAU</u> (old address: RT17 Box 504A TYLER TX)        | My brother-in-law |

USA

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.

Date Prepared: June 9, 1989

(Six documents attached)

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : NGUYỄN-THƯỜNG-CHÍ  
(Listed on page 1)

| NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES | DATE OF BIRTH | RELATIONSHIP TO PA.                      |
|------------------------------------------|---------------|------------------------------------------|
| VUÔNG-CẨM-VÂN                            | 27 Mar. 1922  | my WIFE                                  |
| NGUYEN-NGOC CỎ                           | 20 Nov 1949   | My daughter                              |
| NGUYEN-NGOC-TUYẾT                        | 28 Jan 1952   | My DAUGHTER                              |
| NGUYEN-THƯỜNG-TIẾN                       | 04 Apr. 1956  | My SON                                   |
| TRANG-THỊ-KIM-CHÍ                        | 02 Mar. 1959  | My DAUGHTER-IN-LAW<br>(THE WIFE OF TIẾN) |
|                                          |               |                                          |
|                                          |               |                                          |
|                                          |               |                                          |
|                                          |               |                                          |
|                                          |               |                                          |
|                                          |               |                                          |

DEPENDENT'S ADDRESS : (if different from above) Only TRANG-THỊ-KIM-CHÍ is at No 22 ĐIỆN BIÊN-PHÚ ST. TRÁNH CỬU LONG now. Formalities are in process to move her to her husband's household in

6. ADDITIONAL INFORMATION :

*we are six (6) people in the family. We will be very grateful to you for your intervention to allow all six of us to come and resettle in the USA, and get as soon as possible the most needed document, a letter of introduction (LOI), or a permission to come to the U.S.A. We need this document for our file in Vietnam to apply for an exit permit.*

Nguyệt San Chứng Nhân xin gửi đến quý độc giả muốn bảo lãnh thân nhân Cựu Tù Nhân Cải tạo qua đường ODP, hai mẫu đơn mỗi mẫu in hai mặt, có thể dùng kéo cắt ra, để điền vào, xin bảo lãnh cho thân nhân của mình.  
- Mẫu thứ nhất là mẫu ghi danh người được bảo lãnh.  
- Mẫu thứ hai là mẫu hồ sơ lý lịch của người được bảo lãnh.

Hai mẫu đơn này sau khi được hoàn tất, xin gửi chung cả hai mẫu về địa chỉ của:

**HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM**

**P.O. BOX 5435**

**Arlington, VA 22205-0635**

Nếu có thắc mắc, xin viết thư về địa chỉ trên hoặc gọi điện thoại số (703) 560-0058 (Bà Thọ)



HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM  
FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

PO BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0635  
TELEPHONE

INTAKE FORM (Two Copies)  
MAU DON VE LY-LICH  
\*\*\*\*\*

NAME (Ten Tu-nhan) : NGUYEN - THUONG-CHI  
Last (Ten Ho) Middle (Giua) First (Ten goi)  
DATE, PLACE OF BIRTH : July 25 1920  
(Nam, noi sinh) Month (Thang) Day (Ngay) Year (Nam)  
SEX (Nam hay Nu) : Male (Nam) : Male Female (Nu) : /  
MARITAL STATUS Single (Doc than) : \_\_\_\_\_ Married (Co lap gia dinh) : Married  
(Tinh trang gia dinh) :  
ADDRESS IN VIETNAM : 153/8-9 Ky Dong P.9 Q3 HOCHIMINH City  
(Dia chi tai Viet-Nam)

POLITICAL PRISONER (Co la tu nhan tai VN hay khong) : Yes (Co) X No (Khong) \_\_\_\_\_

If Yes (Neu co) : From (Tu) : 17 June 1975 To (Den) : 13 Jan. 1982

PLACE OF RE-EDUCATION : 15 NV (LONG THANH) DONG NAI, PHU SON IV (BACH THAI and  
CAMP (Trai tu) NAM HA, HA NAM NINH (C and A)

PROFESSION (Nghe nghiep) : Director of Training Division of Tax Administration

EDUCATION IN U.S. (Du hoc tai My) : YES, 2 times (1958-59), 1971 Ministry of Finance.  
VN ARMY (Quan doi VN) Rank (Cap bac) : Tax Administration, TAX INSPECTOR  
VN GOVERNMENT (Trong chinh phu VII) Position (Chuc vu) : Director of Training  
Training Branch Chief from 1968 Date (nam) : 1973 Division

APPLICATION FOR O.D.P. (Da co nap don cho ODP) : Yes (Co) : Yes (1983) in ODP Bangkok

2) I prepare again my file, and send to my IV Number (So ho so) :

Sponsor Mr. HAP NGOC VUONG, us citizen, on June 5, 1989. The second and complete file.

NUMBER OF DEPENDENTS ACCOMPANYING (So nguai di theo) : FIVE  
(Ten than nhan thap tung) Xin ghi ben sau voi day du chi ti

MAILING ADDRESS IN VN (Dia chi lien lac tai VN) : Mr. NGUYEN THUONG-CHI

153/8-9 Ky Dong P.9 Q.3 HOCHIMINH City VIETNAM-

NAME & ADDRESS OF SPONSOR/RELATIVE (Ten va Dia chi than nhan hay Nguai Bao tro) :

Mr. HAP-NGOC-VUONG

BRIDGEPORT CONNECTICUT

U.S. CITIZEN (Quoc tịch Hoa-Ky) : Yes (co) : X No (Khong) : \_\_\_\_\_ USA

RELATIONSHIP WITH PRISONER. (Lien he voi tu nhan tai VN) : My brother in law (brother of

NAME & SIGNATURE : NGUYEN THUONG-CHI my wife)

ADDRESS & TELEPHONE OF INFORMANT : 153/8-9 Ky Dong P.9 Q3

(Ten, Chu ky, Dia chi va Dien thoai cua nguai dien don nay) HOCHIMINH City VIETNAM

DATE : June ninth (9) 1989

Month (Thang) Day (Ngay) Year (Nam)

(Six documents attached)

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : NGUYỄN-THƯỜNG-CHÍ  
(Listed on page 1)

| NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES | DATE OF BIRTH       | RELATIONSHIP TO PA.                                    |
|------------------------------------------|---------------------|--------------------------------------------------------|
| <u>VUÔNG-CẨM-VÂN</u>                     | <u>27 Mar. 1922</u> | <u>my WIFE</u>                                         |
| <u>NGUYEN-NGOC-CỎ</u>                    | <u>20 Nov 1949</u>  | <u>My DAUGHTER</u>                                     |
| <u>NGUYEN-NGOC-TUYẾT</u>                 | <u>28 Jan. 1952</u> | <u>My DAUGHTER</u>                                     |
| <u>NGUYEN-THƯỜNG-TIẾN</u>                | <u>04 Apr. 1956</u> | <u>My SON</u>                                          |
| <u>TRANG-THỊ KIM CHI</u>                 | <u>02 Mar. 1959</u> | <u>My DAUGHTER-IN-LAW</u><br><u>(The WIFE OF TIẾN)</u> |
|                                          |                     |                                                        |
|                                          |                     |                                                        |
|                                          |                     |                                                        |
|                                          |                     |                                                        |
|                                          |                     |                                                        |
|                                          |                     |                                                        |

DEPENDENT'S ADDRESS : (if different from above) only TRANG-THỊ-KIM-CHI  
is at 22 ĐIỀN-BIÊN-PHỦ St.  
TRA-VINH, CỬU LONG NOW. Formalities are in process to move her  
to her husband's household in HO CHI MINH City 153/8-GKỲ ĐÔNG P.9 Q.3  
as above mentioned.

6. ADDITIONAL INFORMATION : we are six (6) people  
in the family. We will be very grateful to you for your intervention to allow all  
six of us to come and resettle in the USA, and get as soon as possible a "LOI" or

## **Bảo Lãnh Cựu Tù Nhân Cải Tạo**

*Letter of Introduction or permission to come to the USA. This document is needed*

Nguyệt San Chứng Nhân xin gửi  
cần quý độc giả muốn bảo lãnh thân nhân Cựu  
Tù Nhân Cải tạo qua đường ODP, hai mẫu đơn  
mỗi mẫu in hai mặt, có thể dùng kéo cắt ra, để  
điền vào, xin bảo lãnh cho thân nhân của mình.  
- Mẫu thứ nhất là mẫu ghi danh người được bảo  
lãnh.

- Mẫu thứ hai là mẫu hồ sơ lý lịch của người  
được bảo lãnh.

Hai mẫu đơn này sau khi được hoàn tất, xin gửi  
chung cả hai mẫu về địa chỉ của:

HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ *now.*  
VIỆT NAM

P.O. BOX 5435

Arlington, VA 22205-0635

*for application of*  
*an Exit permit*  
Nếu có thắc mắc, xin viết thư về địa chỉ trên hoặc  
gọi điện thoại số (703) 560-0058 (Bà Thọ)

Nguyệt San Chứng Nhân được biết, những đơn  
xin bảo lãnh Cựu Tù Nhân Cải Tạo sẽ được Hội  
chuyển thẳng đến bộ ngoại giao Hoa Kỳ để chờ  
can thiệp.



HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM  
FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0635  
TELEPHONE

INTAKE FORM (Two Copies)  
MAU DON VE LY-LICH  
\*\*\*\*\*

NAME (Ten Tu-nhan) : NGUYEN - THUONG - CHI  
Last (Ten Ho) Middle (Giuu) First (Ten goi)  
DATE, PLACE OF BIRTH : July 25 1920  
(Nam, noi sinh) Month (Thang) Day (Ngay) Year (Nam)  
SEX (Nam hay Nu) : Male (Nam) : Male Female (Nu) : \_\_\_\_\_  
MARITAL STATUS Single (Doc than) : \_\_\_\_\_ Married (Co lap gia dinh) : Married  
(Tinh trang gia dinh)  
ADDRESS IN VIETNAM : 153/8-9 Ky Dong P.9. Q3. Ho Chi Minh City  
(Dia chi tai Viet-Nam)  
POLITICAL PRISONER (Co la tu nhan tai VN hay khong) : Yes (Co) X No (Khong) \_\_\_\_\_  
If Yes (Neu co) : From (Tu) : 17 June 1975 To (Den) : 13 Jan. 1982  
PLACE OF RE-EDUCATION : ISNV (LONG THANH) DONG NAI PHU SON IV BACH THAI and  
CAMP (Trai tu) NAM HA (HA NAM NINH) (C+A) -  
PROFESSION (Nghe nghiep) : Director of Training Division of TAX Administration  
EDUCATION IN U.S. (Du hoc tai My) : YES, two (2) times 1958-59, 1971 Ministry of Finance  
VN ARMY (Quan doi VN) Rank (Cap bac) : Tax Administrator Tax Inspector  
VN GOVERNMENT (Trong chinh phu VII) Position (Chuc vu) : Director of Training Division  
Training Branch Chief from 1961 Date (nam) : 1973  
APPLICATION FOR O.D.P. (Da co nap don cho ODP) : Yes (Co) : (1) YES (1983) in ODP ANGKOR  
(2) I prepare again my file, and send to my IV Number (So ho so) : \_\_\_\_\_  
Sponsor Mr. HAP - NGOC - VUONG, a citizen, on June 5, 1989, this second file. No (Khong) : \_\_\_\_\_  
NUMBER OF DEPENDENTS ACCOMPANYING (So nguoi di theo) : Five  
(Ten than nhan, thap tung) Xin ghi ben sau voi day du chi ti  
MAILING ADDRESS IN VN (Dia chi lien lac tai VN) : Mr. NGUYEN - THUONG - CHI  
153/8-9 Ky Dong P.9 Q3 HO CHI MINH CITY VIETNAM -  
NAME & ADDRESS OF SPONSOR/RELATIVE (Ten va Dia chi Than nhan hay Ngoi Bao tro) :  
Mr. HAP - NGOC - VUONG  
BRIDGEPORT CONNECTICUT  
U.S. CITIZEN (Quoc tịch Hoa-Ky) : Yes (co) : X No (Khong) : \_\_\_\_\_ USA  
RELATIONSHIP WITH PRISONER. (Lien he voi tu nhan tai VN) : My Brother-in-Law  
NAME & SIGNATURE : NGUYEN - THUONG - CHI (brother of my wife)  
ADDRESS & TELEPHONE OF INFORMANT : 153/8-9 Ky Dong P.9 Q3  
(Ten, Chu ky, Dia chi va Dien thoai cua nguoi dien don nay) HO CHI MINH CITY VIETNAM  
DATE : June Ninth (9) 1989  
Month (Thang) Day (Ngay) Year (Nam)

(Six documents attached)

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : NGUYỄN-THƯỜNG-CHÍ  
(Listed on page 1)

| NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES | DATE OF BIRTH | RELATIONSHIP TO PA.                      |
|------------------------------------------|---------------|------------------------------------------|
| VUÔNG-CẨM-VÂN                            | 27 Mar. 1922  | My WIFE                                  |
| NGUYỄN-NGỌC CỎ                           | 20 Nov 1949   | My DAUGHTER                              |
| NGUYỄN-NGỌC-TUYẾT                        | 28 Jan 1952   | My DAUGHTER                              |
| NGUYỄN-THƯỜNG-TIẾN                       | 04 Apr. 1956  | My SON                                   |
| TRANG-THỊ-KIM-CHÍ                        | 02 Mar. 1959  | My DAUGHTER-IN-LAW<br>(The WIFE OF TIẾN) |
|                                          |               |                                          |
|                                          |               |                                          |
|                                          |               |                                          |
|                                          |               |                                          |
|                                          |               |                                          |
|                                          |               |                                          |

DEPENDENT'S ADDRESS : (if different from above) *Only TRANG-THỊ KIM CHÍ*  
is at 22 ĐIÊN BIÊN-PAU St.,  
TRAVINH, Cầu Long now. Formalities are in process to move her to  
her husband's household in Ho Chi Minh City 153/8-9 Kỳ Đồng P. 9 Q. 3 as  
above mentioned.

6. ADDITIONAL INFORMATION : We are six (6) people  
in the family. We will be very grateful to you for your intervention  
to allow all six of us to come and resettle in the U.S.A., and get as soon

## **Bảo Lãnh Cựu Tù Nhân Cải Tạo**

as possible a "LOI" or letter of Introduction or permission to come to the U.S.A.

Nguyệt San Chứng Nhân xin gửi  
cần quý độc giả muốn bảo lãnh thân nhân Cựu  
Tù Nhân Cải tạo qua đường ODP, hai mẫu đơn  
mỗi mẫu in hai mặt, có thể dùng kéo cắt ra, để  
điền vào, xin bảo lãnh cho thân nhân của mình.  
- Mẫu thứ nhất là mẫu ghi danh người được bảo  
lãnh.  
- Mẫu thứ hai là mẫu hồ sơ lý lịch của người  
được bảo lãnh.  
Hai mẫu đơn này sau khi được hoàn tất, xin gửi  
chung cả hai mẫu về địa chỉ của:

HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ

VIỆT NAM This document is needed  
P.O. BOX 5435 now.

Arlington, VA 22205-0635 for application of  
an Exit permit.

Nếu có thắc mắc, xin viết thư về địa chỉ trên hoặc  
gọi điện thoại số (703) 560-0058 (Bà Thọ)

Nguyệt San Chứng Nhân được biết, những đơn  
xin bảo lãnh Cựu Tù Nhân Cải Tạo sẽ được Hội  
chuyển thẳng đến bộ ngoại giao Hoa Kỳ để chờ  
can thiệp.

Bridgeport, \_\_\_\_\_

TO: AMERICAN EMBASSY  
ORDERLY DEPARTURE PROGRAM  
Box 58  
APO San Francisco 96346-0001

RE: VUONG CAM VAN  
NGUYEN THUONG CHI, \_\_\_\_\_ IV No. \_\_\_\_\_ (1983).

Dear Sirs,

This is to apply for immigrant visas for reunification of family for my relatives still in Vietnam to resettle in the USA. I think they are eligible to immigrant visas. As US citizen, I would like to sponsor them. They are namely as follows:

| NAME                  | D.O.B.       | C.O.B.  | ID Card   | RELATIONSHIP                                       |
|-----------------------|--------------|---------|-----------|----------------------------------------------------|
| 1. VUONG CAM VAN      | 27 Mar. 1922 | VIETNAM | 060604608 | my sister- <del>in</del> -                         |
| 2. NGUYEN THUONG CHI  | 25 July 1920 | VIETNAM | 022241745 | my brother-in-law                                  |
| 3. NGUYEN NGOC CO     | 20 Nov. 1949 | VIETNAM | 020240902 | my niece                                           |
| 4. NGUYEN NGOC TUYET  | 28 Jan 1952  | VIETNAM | 020342131 | my niece                                           |
| 5. NGUYEN THUONG TIEN | 4 Apr 1956   | VIETNAM | 022595196 | my nephew                                          |
| 6. TRANG THI KIM CHI  | 2 Mar 1959   | VIETNAM | 360031993 | my niece-in-law<br>(wife of NGUYEN<br>THUONG TIEN) |

In compliance with instruction of ODP Office, please find attached herewith all the documents requested such as:

I. Vital statistics records: (from No. 1 to No. 6 of the list):

Birth Certificates - Certificate of death of the wife of previous marriage - Certificates of marriage-pre 1975 Government ID Cards - and ID Card member Post 1975 Government ID Cards (giấy CMND) - Household census books (Hộ khẩu) and original of individual photographs.

2. Other documents (from No. 7-14)

Employment, training - working closely with US program - rank positions - American supervisors/Advisors list - Letters from US Advisor, certificate of release from reeducation Camp and questionnaire (attached herewith) sent his file to ODP Bangkok in 1983 and completed again his file in 1988 (Registration Receipt No. 0387/1983 and No. 690 /1988). He don't receive yet his IV number.

In case my file is complete and the ODP Office does not require any additional documents, I would like very much appreciate your assistance if your office could expedite the processing of the file and issue the much needed "Letter of Introduction (L.O.I.)" or Tho' giới thiệu to my relatives:

|                       |                 |           |                                                     |
|-----------------------|-----------------|-----------|-----------------------------------------------------|
| 1. VUONG CAM VAN      | 27 Mar. 1922/VN | 020604608 | my sister                                           |
| 2. NGUYEN THUONG CHI  | 25 July 1920/VN | 022241745 | my brother-in-law                                   |
| 3. NGUYEN NGOC CO     | 20 Nov. 1949/VN | 020240902 | my niece                                            |
| 4. NGUYEN NGOC TUYET  | 28 Jan. 1952/VN | 020342131 | my niece                                            |
| 5. NGUYEN THUONG TIEN | 04 Apr 1956/VN  | 022595196 | my nephew                                           |
| 6. TRANG THI KIM CHI  | 02 Mar. 1959/VN | 350031993 | my niece-in-law<br>(wife of NGUYEN<br>THUONG TIEN). |

\* Current address in Vietnam:

Mr. NGUYEN THUONG CHI  
153/8-9 Ky Dong  
P.9, Q.3.  
TP. HO CHI MINH

VIETNAM

\* Address in the U.S.A.

Mr. HAP-NGOC-VUONG

Bridgeport Connecticut (

U.S.A.

While waiting for your reply, please accept my deepest regards and thank you very much for your assistance in this reunification process.

With best wishes, I remain.

Very truly yours,

# LIST OF DOCUMENTS SENT TO ODP OFFICE

ODP - D  
DOCUMENTS REQUEST-  
CAT 2/3

## I-VITAL STATISTIC RECORDS :

1-Birth certificate : -HAP-NGOC-VUONG (VUONG-NGOC-HAP), Sponser, No. 05/XN.TP

|                     |                                                        |                 |
|---------------------|--------------------------------------------------------|-----------------|
| -VUONG-CAM-VAN ,    | 27 March 1922 Da-Phuoc ,Chaudoc,                       | No. 07/XN.TP..  |
| -NGUYEN-THUONG-CHI  | 25 July 1920 Phu-Long Mythe                            | No. 89 Vol. 1.  |
| -NGUYEN-NGOC-CO,    | 20 Nov. 1949 Saigon                                    | No. 9024 bis... |
| -NGUYEN-NGOC-TUYET  | 28 Jan. 1952 Saigon                                    | No. 1040A.....  |
| -NGUYEN-THUONG-TIEN | 4 April 1956 Saigon                                    | No. 3277.....   |
| -TRANG-THI-KIM-CHI  | 2 March 1959 Nguyệt-Hoa, Travin, (Vinh Binh)(Cuu-Long) | No. 12.....     |
| <b>Total :</b>      |                                                        | <b>7</b>        |

2-Marriage certificate :

|                                       |                 |
|---------------------------------------|-----------------|
| -VUONG-CAM-VAN-NGUYEN-THUONG-CHI      | No. 34 Volume 1 |
| -TRANG-THI-KIM-CHI-NGUYEN-THUONG-TIEN | No. 138 Vol. 1  |
| <b>Total :</b>                        |                 |
| <b>2</b>                              |                 |

Death Certificate (TRINH-THI-NHIE ) Previous marriage

|                |
|----------------|
| No 22.....     |
| <b>Total :</b> |
| <b>1</b>       |

3 Pre-1975 Government ID cards :

|                                                          |         |
|----------------------------------------------------------|---------|
| -VUONG CAM VAN ID card:lost, No 00905762 District 3      |         |
| SAIGON issued 10 March 1969                              | ..... 0 |
| -NGUYEN-THUONG-CHI IDC kept by Reeducation camp          |         |
| No 00905769 SAIGON D.3 iss. 10 March 1969                | ..... 0 |
| -NGUYEN-NGOC-CO IDC No 00853876 SAIGON D.3 26-March 1969 | ..... 1 |
| -NGUYEN-NGOC-TUYET No 00853360 SAIGON D.3 20 March 1969  | ..... 1 |
| -NGUYEN-THUONG-TIEN No 07469376 SAIGON D.3 09 Jan. 1971  | ..... 1 |
| -TRANG-THI-KIM-CHI No 11008059 VINH BINH 18 Feb. 1974    | ..... 1 |
| <b>Total: 4</b>                                          |         |

4-Post-1975 Government ID Cards (giấy CMND)

|                     |                   |   |
|---------------------|-------------------|---|
| -VUONG -CAM VAN     | No 020604608..... | 1 |
| -NGUYEN-THUONG-CHI  | - 022241745.....  | 1 |
| -NGUYE N-NGOC-CO    | - 020240902 ..... | 1 |
| -NGUYEN-NGOC-TUYET  | - 020342131 ..... | 1 |
| -NGUYEN-THUONG-TIEN | - 022595196 ..... | 1 |
| -TRANG-THI-KIM-CHI  | - 360031993 ..... | 1 |
| <b>Total 6</b>      |                   |   |

5-Household Census books (Hộ-Khẩu) :

|                                                            |              |   |
|------------------------------------------------------------|--------------|---|
| -VUONG CAM VAN 153/8-9 KY-DONG Q.3 HO-CHI-MINH City        | No 301140 CN | 1 |
| -TRANG-VAN-LIU 22 Dien Bien Phu ,Thị-Xá TRAVINH (Cuu Long) | No 749       | 1 |

6-Original of individual photograph : (one for each relative) **Total: 2**

-VUONG -CAM-VAN, NGUYEN-THUONG-CHI, NGUYEN-NGOC-CO,  
-NGUYEN-NGOC-TUYET, NGUYEN-THUONG-TIEN and TRANG-THI-KIM-CHI .

**Total 6**

II-EMPLOYMENT IN US GOVERNMENT AGENCIES OR IN PRIVATE COMPANIES

- 7- Copies of papers showing that he or other family members ~~xxxx~~ worked for the US Government or for a private US Company :...NONE

III- : STUDY OR TRAINING :

- 8-Copies of papers showing that he or other <sup>family</sup> members studied or were trained in The US or in VIETNAM Or in other country under US sponsorship .

PHOTOCOPIES :

- 1-Official meeting at The IRS ,Washington D.C in 1958 before starting the Training Program in Tax Administration .
- 2-Professors at GEORGE WASHINGTON UNIVERSITY . 1959
- 3-Field trip to Allentown P.A. to study "How to finance education" (Newspaper clipping) -1959
- 4-Field trip to Manila Brewery 1962 ..... Total: 4 .
- 5 One son of Nguyen-thuong-CHI, Mr. NGUYEN-THUONG-CHANH born in 1943, was trained in Veterinary Science at graduate from CHULALONGKORN UNIVERSITY BANGKOK THAILAND about (1969-1972) as Doctor in Veterinary Science . His picture in front of the University.

Three others of his children : NGUYEN-NGOC-CO, NGUYEN-NGOC-TUYET and NGUYEN-THUONG-TIEN studied English at The Vietnamese - American Association .(Registration booklets) .

Total : 5...

IV-WORKING CLOSELY WITH US OFFICIALS OR US PROGRAMS while working for the Vietnamese Government.

- Worked with Mr. Ray E. DAVIS , Tax Advisor at The Directorate General of taxation from 1961 to 1965.
- Worked with 3 US Tax Teams from 1966 to 1975 under US Programs aiming at ameliorating Vietnamese Tax Administration .
  - Picture of one of many in service training classes in Tax field.
  - Meeting with US research group conducted by Mr. FOLEY from ( BUFFALO before sending 3 US Tax Teams .
  - Reception of the third US Tax Team Leader at the Directorate General of Taxation .
  - Certificate of success in BASIC ADMINISTRATIVE MANAGEMENT COURSE
  - USAID NEWS LETTERS Clipping about B A M classes of which M. NGUYEN-THUONG-CHI was coordinator .
- Training in BAM course, closing ceremony organized at the Directorate General of Taxation .

Total ...5....

10. Certificate or award received:

From the US Government: none.

**Y. POSITION, RANK OR FUNCTION IN THE VIETNAMESE CIVIL SERVICE:**

11. COMMUNIQUE OF SUCCESS IN ONE EXAM ORGANIZED BY THE MINISTRY OF FINANCE in 1966, showing that:

Mr. NGUYEN THUONG CHI was promoted to the Position of TAX INSPECTOR from 1966.

Other slips showing his employment in the Vietnamese Government:

- Certificate of employment by the Directorate of Registration 1951.
- Registration number in the Civil Service of Vietnamese Government - 1971.
- Receipts of rent of his house paid to the Vietnamese Government:

- . No. 528/TH2/CS 5th September 1970
- . No. 203/80 16th September 1973

( plus translations) T o t a l : 0 5

**VI. NAMES OF SUPERVISORS/ADVISORS - LETTERS RECEIVED.**

12. a) Names of American Supervisors:

1st US Tax Team: Mr. Mc.Key, US Tax Team Leader:  
1966-1968.

2nd US Tax Team: - Mr. Maginnis, US Tax Team Leader  
- Mr. John Mangan, Tax Advisor in the  
field of in Service Training 1968-1972

3rd US Tax Team: - Mr. W.W. Newnam, US Tax Team Leader  
1972-1975  
- Mr. Terry Coyne, Tax Advisor 1972-1974  
- Mr. Prichard, Tax Advisor 1974-1975

both in the field of In Service Training.

T o t a l 0 6 Supervisors

12. b) American Advisors

1. Mr. David JICKLING, Training Program Sponsor and Advisor in Washington D.C., 1958-1959, on Tax Administrations in U.S.A. and CANADA.

2. Mr. Ray E. DAVIS, Tax Advisor at the Directorate General of Taxation in Saigon VIETNAM, Advisor in Tax System improvement with stress in training in all Tax Agencies (throughout the Country 1961-1965)

T o t a l 0 2 US Advisors.

12. c) Copies of Letters from Tax Advisors

1. One letter (June 26, 1982) from Mr. RICH DAVIS.
2. One Greeting Card from Mr. David JICKLING on the occasion of the New-Year 1973.

T o t a l    0 2

III. Time in Reeducation Camp:

13. Certificate of Release from Reeducation Camp No. 48/(34) of 14 January 1982.

Time from 17 June 1975 to 13 January 1982 (6 years and 7 months)

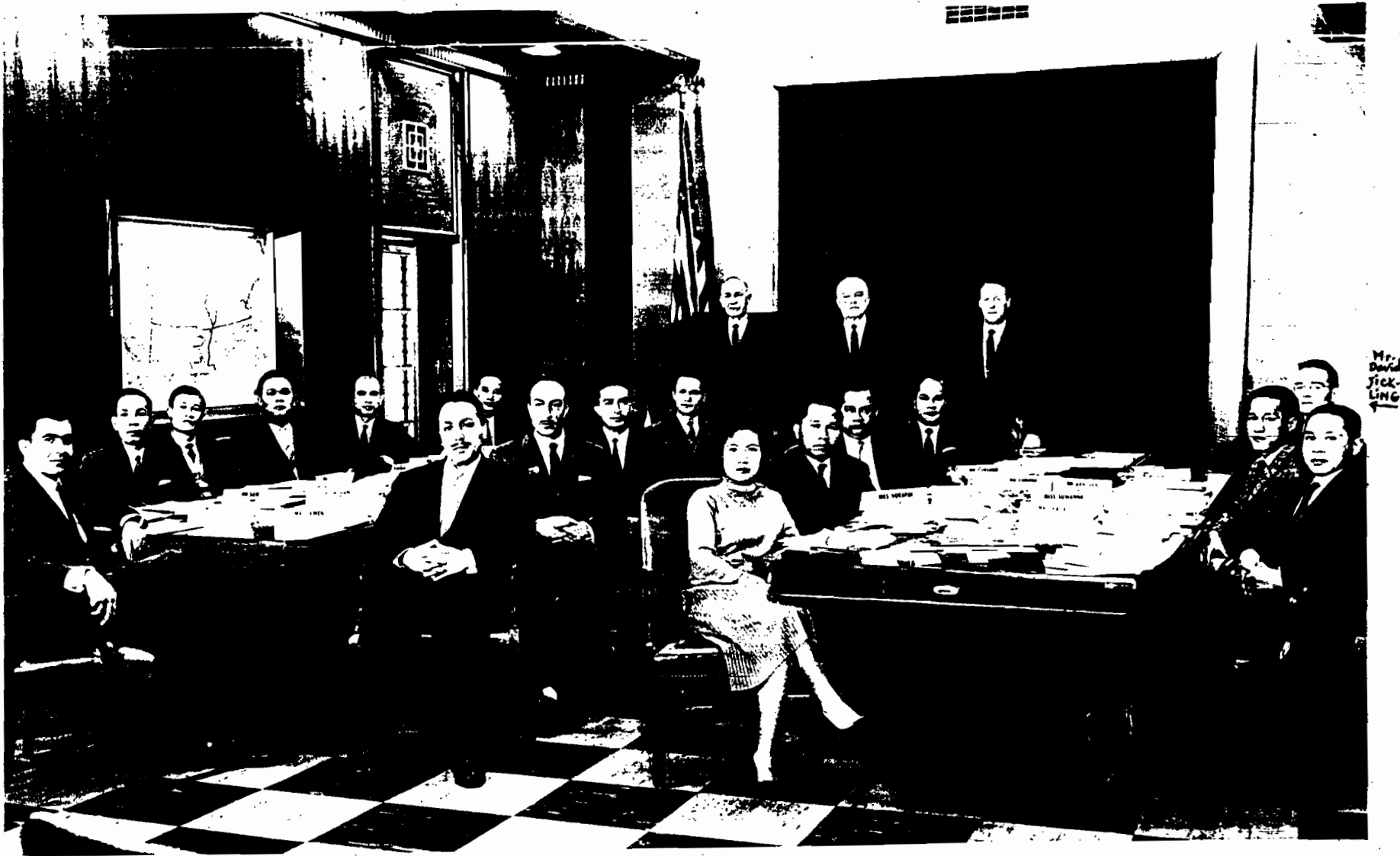
( plus 1 trans-  
lation )

T o t a l    02;

14-  
VIII. A Questionnaire

T o t a l    0 1

\*\*\*\*\*



Speaker's table left to right: Mr. Eldon F. King, Director, International Tax Relations Division; Mr. Louis Lathan, Commissioner of Internal Revenue; Mr. Stanley D. Stockman, Technical Advisor, International Tax Relations Division; Upper left: Mr. Tran Thuan Phat, Viet Nam; Mr. Nguyen Thuong Chi, Viet Nam; Mr. Quach van Thinh, Viet Nam; Mr. Nguyen van Tuan, Viet Nam; Mr. Nguyen sanh Sam, Viet Nam; Mr. Tihon Gener, Turkey; Mr. Ismail Ilkmen, Turkey; Mr. Nuhhi Caygun, Turkey; Mr. Ilhan Ozer, Turkey; Mr. Lucan Ozsoy, Turkey; Center: Mr. Vorapai Saksevanichatongse, Thailand; Mr. Saeichai Ek-une, Thailand; Mr. Juan M. Corona, Philippines; Mr. Jose B. Consurji, Philippines; Upper right: Mr. David Jickling, International Cooperation Administration; Mr. Sathorn Sardulal, Thailand; Mr. Praet Kamnuan, Thailand

Training Project No 30-79-081-1-80-242, Nov. 4 1958 - Nov. 3 1959 - PIO/P N: 730-80303

on Tax Administration.

Photo - 17 December 1958 -



Mr. D. JICKLING  
+ family

HOLIDAY JOY 1973

to Mr. Chai  
+ family

Greetings from the Jicklings

Mr. Pritchard sent me the article about you and the news about your new training centre. I am very proud and pleased for you.

We are beginning the fourth year in Bolivia. None of our children are here. The two oldest are in U.S. universities.

A LETTER FROM Mr. R.E.DAVIS  
(Tax Advisor (1961-1965))

Santa Rosa, California

June 26, 1982

Dear Mr. Soa:

It was certainly a pleasure to receive your ever welcome letter and to know that you are getting along.

We were extremely happy to hear that Mr. Chi is not dead. I consider Mr. Chi to be one of the finest gentlemen that I have ever been associated with. He was always the perfect gentleman, and I shall always remember the happy times we spent with you, and with Mr. Chi and with Mr. Vinh. Although we made many friends in Vietnam, it seems that you three are the ones that bring back my happy memories.

I regret missing a meeting with Mr. Chi, when he was in San Francisco. It just happened that the time he was there, my automobile was in the shop being repaired and I could not get to San Francisco to meet with him.

I still have the address of your family in Colton, California, and in the event we get to southern California, we will look them up.

I certainly hope that you and your family will soon be together, and the same wishes for Mr. Chi and his family.

I would appreciate any news about any of them and where is Mr. Vinh and his family?

Mrs. Davis and I are both reasonably well and getting along reasonably well. Our health is fair, and perhaps better than average for people about 75 years of age. We still play golf a few days a week. I take care of our lawn and Mrs Davis takes care of the house without any help,

I did have a cancer on my prostate, but after radiation treatment, it seems to be cured. At least the semi-annual examinations show that it is getting along O.K.

Mrs. Davis gets around O.K., although she has some arthritis in her shoulders. It bothers her some, but she still can take care of the house and play some golf. So I guess we are both lucky to be as healthful as we are, when we will be 75 years of age within a few weeks.

As for finances, we were lucky to have bought our home when we did. For since then the prices have gone up so much that we could not buy it now. The cost of living has gone up nearly 300% since I retired. We still get along, but naturally we must watch our "Pennies". I guess we are lucky, compared with many people in many lands.

Our community os Oakmont is growing some. It is still an adult community. No one under 18 years of age allowed to live here.

Please write when you can, as I always am glad to hear from you and to receive any news of my friends there. Please give my highest regards to Mr. Chi, and we wish him all the happiness he deserves.

Thanks again for your letter and write when you can.

Sincerely,

Ray E Davis  
Ray 'Viola

Let Mr. Chi and I know the progress he sent me. I will let you know.

of mine found from that (our servant)  
The best solution is find it as per above.  
Hingham March 1982  
Mr C Hill, 611-1111

MR AND MRS RAY E DAVIS  
SANTA ROSA, CA

USA

*Air Mail*

18/8/82



Mr. Truong Kim Soa  
207/7 Tu Duc St.  
Saigon, Vietnam

**AIR MAIL**



RELEASE CERTIFICATE

Referring to the Circular No. 966-BCA/TT dated on May 31, 1961 of the Ministry of the Interior.

Executing the Judgment act, decision of release No. 133 dated December 12, 81 of the Ministry of the Interior.

Is hereby delivered to the person whose name as follows :

Full name NGUYEN THƯƠNG CHI :-----:  
Used other names : : HO CHI MINH CITY :  
Alias : : Administration section of :  
Born in : 1920 at My Tho : persons back from reeducation :  
Place of permanent residence : reported on Jan. 20, 1982 :  
before arrested : 153/8/9 Ky Dong street, quarter 17, street ward 4, District 3, Ho Chi Minh City

Guilty of : Director of Directorate of Taxes.

Arrested on June 17, 75 sentenced to be concentrated for reeducation Pursuant to Judgment act No. 30 on June 30, 1976 of the Ministry of the Interior.

Sentence mitigated :

Authorized to reside at : 153/8/9 Ky Dong street, quarter 17, Street ward 4, District 3, Ho Chi Minh City

Observations on Reeducation process :

- Has found himself to be guilty. Therefore in reeducation process, the person concerned has shown his belief in the Party and State policy.
- Political study : regular attendance
- Manual labor : Has completed all the required number of workdays.
- Compliance with camp regulations : good.

|                     |                      |                          |
|---------------------|----------------------|--------------------------|
| Fingerprint of      | Full name, signature | January 14, 1982         |
| NGUYEN THƯƠNG CHI   | of the holder        | The camp supervisor      |
| right index         | (signed)             | Lt. Col. TRAN MANH XUYEN |
| No. 1700            | NGUYEN THƯƠNG CHI    | (signed and sealed)      |
| Established at NV15 |                      |                          |

-----  
(VERSO)

This is to certify that the person concerned has reported himself at the Administration section of persons back from reeducation.

Feb. 20, 1982

The Deputy chief of standing sub-section  
(signed and sealed)

The person concerned has reported himself at the Quarter 17, District 3 on February 09, 82

Quarter 17, District 3, on Feb. 09, 82

HOANG VAN CU

(signed and sealed)

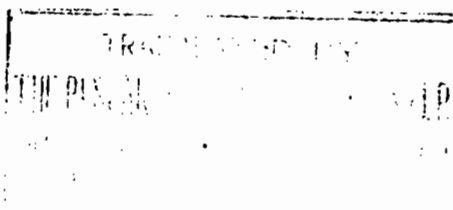
-----  
Translated from the original written in Vietnamese

File No. 855/89

Date : May 23, 1989



*(new photograph)*  
May 1989



BỘ NỘI VỤ  
TRẠI NAM HẠ

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số 481  
(34)

GIẤY RA TRẠI

Theo thông tư số 966-HCA/TP ngày 31-5-1961 của Bộ Nội vụ  
Thi hành án văn, quyết định tha số, 133 ngày 10 tháng 12 năm 81  
của Bộ Nội vụ

Nay cấp giấy tha cho anh có tên sau đây  
Họ tên khai sinh: Nguyễn Hoàng Đan  
Họ tên thường gọi: Đan  
Họ tên bí danh:

|                                 |  |
|---------------------------------|--|
| TÊN VÀ SỐ QUÂN QUẢN LÝ          |  |
| QUẢN LÝ NGƯỜI NHẬP QUÂN QUẢN LÝ |  |
| DATE: 10/12/81                  |  |
| 792                             |  |

sinh ngày 2 tháng năm 1920 tại xã Mỹ Tho  
mới ĐKKK thường trú trước khi bị bắt

Can tội 153/18/9 kháng cự đồng phạm 17. số 4 & 10/3 TP HCM  
bị bắt ngày 17.6.75 án phạt 110

theo QĐ ân văn số 30 ngày 30 tháng 6 năm 1976  
của Bộ Nội vụ  
đã bị tăng án

đã được 153/18/9 kháng cự đồng phạm 17. số 4 & 10/3 TP HCM  
nhận xét và trình cải tạo

Đã xem xét điều tra tại do bản thân gây ra. Nội dung học tập  
Cải tạo y. đã tỏ ra tích cực học tập tốt. Cần cho đồng  
lập tại NV 15

Học tập: Học giỏi  
Lao động: Lao động ngay giờ công lao động  
Chấp hành Nội quy của trại tốt

Lần tay ngăn trở - Họ tên chữ ký - Ngày 14 tháng 1 năm 82  
của Nguyễn Hoàng Đan - N. được cấp giấy - GIAM THỊ  
Danh sách số 1170  
lập tại NV 15

Ng. Hoàng Đan

Nguyễn Văn Mạnh Xuân



Kính nhận có đến buổi diễn văn  
ở sân vận động  
ngày 20 tháng 02 năm 1982

  
Hàng Văn Lưu

2/5 Có đến buổi diễn văn  
tại sân ALNHTCTDV. An ninh 3  
ngày 20 tháng 02 năm 1982  
Phó trưởng ban Thường trực

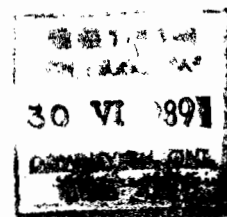
  
Thủy

1005  
CHỦNG THAM  
CHỦNG THAM CHAM  
6 1982



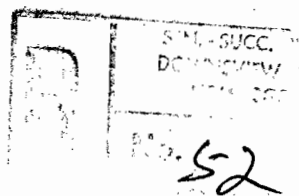
  
Lưu

FR: (MR. NG. THƯƠNG CHI)  
TUYEN TRANG  
8. 2992 KEELE ST.  
DOWNSVIEW. ONTARIO  
M3M 2H2  
CANADA



TO : FAMILIES OF VIETNAMESE  
POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION  
P.O. BOX 5435  
ARLINGTON V.A. 222050635

USA



PACKING LIST

ENVELOP I :

- 1-Release certificate NGUYEN-THUONG-CHI
  - 2-List of required ODP documents
  - 3-Drafts of letter to ODP San Francisco . BANGKOK  
IRS Washington D.C.
  - 4-Photocopies of photographs (Training in USA and other  
Countries ) : .. 18 pieces
  - 5-photograph of the family : 6
- 

ENVELOP II :

- 1- Receipt of file sent to ODP BANGKOK 1983, 1988  
IRS Washington D.C. 1983
- 2-Certificate of Birth : ..... 7  
HAP-NGOC-VUONG, Sponser and 6 members of family .
- 3-Certificate of death of TRINH-THI-NHU  
(Previous marriage )
- 4 Certificates of Marriage : .....2  
a/Nguyen-thuong-CHI-Vuong-Cam -VAN  
b/Nguyen-thuong-T ien -Trang-thi-Kim-CHI
- 5- Household Books ..... 2  
a/HO-CHI-MINH City ,  
b/TRA-VINH TOWN (CUU-LONG)
- 6- Prior 1975 ID Cards ..... 4  
(CO, TUYET, TIEN, KIM-CHI)
- 7- NEW ID CERDS (Chung minh nhan dan)..... 6  
(whole family)  
HO-CHI-MINH City , 30 October 1989
8. photographs (4x6) - 6
- 9- Release Certificate - 1

all

Bản Sao,  
Bức thư trước  
(thờ hồi âm)

TP. Hồ Chí Minh ngày 14 tháng 10 năm 1989

Kính thưa Bà,

Gia đình chúng tôi mới vừa nhận được bức thư thứ 2 của Bà có lòng tốt báo tin cho biết là hồ sơ của chúng tôi đã đến Bà. Chúng tôi rất vui mừng; an tâm và xin thành thật cảm ơn Bà rất nhiều.

Chúng tôi liền viết thư này hồi âm cho Bà để biết là thư của Bà đã đến chúng tôi và nhờ tiên, cũng xin tin cho Bà rõ là chúng tôi đang chuẩn bị sổ giấy tờ còn lại và sẽ gửi tiếp 1 kỳ nữa, trong vòng 2 tuần lễ nữa, với 2 phong bì lớn như kỳ trước, để cho đủ mỗi thứ 2 bản y như quý đình.

Sẵn dịp tôi xin được phép trình bày vài chi tiết để cho Bà tiện nghiên cứu hồ sơ của chúng tôi.

Trong QUESTIONNAIRE:

Thay đổi địa chỉ của con trai lớn của tôi  
NGUYỄN THƯỜNG CHANH, Bác Sĩ thú y, làm việc cho  
AGRICULTURE CANADA - Inspection des Viandes (nhà máy  
lâm thịt gà) - địa chỉ nhà ở: 480 DES ALOUETTES

(theo thư mới nhận hôm qua 13/10) LONGUEUIL-QUÉBEC J4G 9J7

Các địa chỉ của những người khác  
không có thay đổi. Trừ cậu BẦU HAU hiện đang ở chung với con  
Vê lý lịch gái (chưa biết địa chỉ)

a) của tôi: lý lịch và giấy tờ chứng minh, rõ ràng  
ra đúng.

b) để Kiểm chứng

- Cố vấn Mỹ = Ô. RAY E. DAVIS (chủ trì cố vấn thiế vụ)

SANTA ROSA, CALIFORNIA

USA

Ô DAVID JICKLING (Training Sponsor)  
không rõ địa chỉ hiện tại.

Ông có làm việc cho State Department  
PUBLIC Administration

- Các Trưởng Phái đoàn 3 US TAX TEAMS

+ Các Tax Advisors, xin hỏi

Xuất xứ nội: INTERNAL REVENUE SERVICE (IRS)  
Washington D.C. - Constitution Ave ----  
Foreign TAX Assistance Group (FTAG)

TAX ADVISORS counterparts của tôi là Ô. JOHN MANGAN

(có lẽ ở IRS LOS ANGELES) và hai ông:

- Terry COYNE (khuê tử) ở OHIO IRS, có lẽ ở Columbus
- Ô. PRITCHARD (không biết địa chỉ).

Thời gian học tập cải tạo:

nhập trại Trường Galang Saigon: 14 June 1975

chánh thức ghi vào danh sách tại trại cải tạo 15 NV Dong Nai  
17 June 1975 - chuyển ra Bắc ở trại Phú Sơn IV Bắc Thái

và Hà Nam Ninh - trại Nam Hà C và A

Tha về giấy ra trại ký ngày 14 January 1982

Thời gian học tập tình tròn: 6 năm 7 tháng.

Số thân nhân ở nước ngoài =

- của tôi: Tại Canada: có con tôi NGUYEN THUYONG-  
CHANH
- của vợ tôi + có M. VUONG-BUU-LAN  
(em vợ tôi)  
Tại Mỹ

a) của tôi = Không có

b) của vợ tôi: có 4 em ruột của vợ tôi:

là VUONG-NGOC-HAP (HAP NGOC VUONG)  
US citizen.

BRIDGEPORT, CONNECTICUT

Bây giờ tôi từng bảo lãnh và lo . USA

giấy tờ theo ODP trên đoàn tụ gia đình - hồ sơ

gửi cho Cục HXP ngày 5 June 1989 - hồ sơ lâu lâu vì

và hồ sơ cũ gửi Bangkok 1983 - thời gian Bangkok bị thất lạc.

3 em khác có ghi tên ở bản QUESTIONNAIRE.

Đó là 4 em ruột của vợ tôi (VUONG-CAM-VAN) ở tại Mỹ.

Tôi không có kê anh em chú bác - chỗ nên phải

kê anh em chú bác thì còn có 1 người nữa

là cậu VUONG-QUANG-HOANG quê ở Châu đốc

hiện ở tại TEXAS, USA:

Cậu là con của chú ruột của vợ tôi là Ô. VUONG-QUANG-BUON,

giáo viên Rô Hân ở Châu đốc về thêm chúng tôi là

Bà KHUC-THI-TAT, quê ở Sadeo, Thêm chúng tôi đã qua

đời - chú tôi còn ở Châu đốc với các con như: Di ba DUNG

cậu. Tư Chi, Chi có cậu Hai HOANG hiện ở Mỹ.

NGUYỄN VONG :

1) Xin được đi càng sớm càng tốt

Bằng cách kết hợp đơn xin qua nữ bảo lãnh của em vợ tôi, với qua nữ can thiệp của Bà theo "điện Chánh Sách" - Theo cách này có lẽ tôi sẽ được phép Chánh Phủ Mỹ cho đi sớm được -

Tôi có nghe nói có vài thân nhân ở Mỹ xin cho người thân ở Việt Nam - được giấy Chánh Phủ Mỹ chấp nhận và gởi tên vào danh sách rất nhanh - Khi có giấy Chánh Phủ Mỹ chấp nhận cho nhập cư vào Mỹ thì Tổ Công tác tại Việt Nam xét hồ sơ và cấp xuất cảnh rất nhanh - Vì trong 1 thông báo đầu tiên vào tháng 6/1988 - Chánh Phủ Việt Nam có ghi :

"... Riêng đối với các trường hợp được Chánh Phủ huộc nhập cư để nghỉ thì không bắt buộc phải có giấy bảo lãnh, giấy hứa hoặc giấy cho nhập cảnh"

"Đồng sự phải nộp các loại giấy tờ chứng nhận có liên quan chứng minh..."

Tôi cho rằng nào có giấy của Chánh Phủ Mỹ cho, cũng đó tôi sẽ nộp hồ sơ xin xuất cảnh ở Cơ quan của Chánh Phủ VIỆT NAM.

Được sự giúp đỡ của Bà, tôi rất tin tưởng ở sự thành công của Bà -

Xin Bà vui lòng xem xét và xin Bà tùy nghi lựa cách giúp giúp chúng tôi bằng cách nào mà Bà thấy thuận lợi nhất -

Đối với diện người đi học tập cải tạo được tha về, Sở Ngoại vụ Việt Nam ngày 10 Oct 1989 có thông báo để khởi sự giải quyết cho 1 số người đi theo diện này. (điện Chánh Sách) trong tháng

10 này - Sở Ngoại vụ sẽ có thư riêng cho từng người.

NGUYỄN-VŨNG :

2°) XIN CẢ GIA ĐÌNH 6 NGƯỜI, ĐƯỢC ĐI ĐỦ VÀ CÙNG 1 LƯỢT

Gia đình chúng tôi có 6 người: = vợ chồng + 4 con và dâu.  
Thấy cảnh ở 1 nơ<sup>khác</sup> gia đình xó con married bị kẹt ở lại.  
Chúng tôi rất lo âu cho đứa con trai chúng tôi,  
NGUYỄN-THƯỜNG TIẾN cưới vợ (TRANG-THỊ-KIM CHÌ, giáo viên  
ở Trà Vinh) ngày 17-March 1988 - Không biết là con và  
dâu chúng tôi có thể bị kẹt ở lại không?

Cho nên xin Bà giúp nói giùm như thế nào  
để cả gia đình tôi 6 người đều được Chính Phủ Mỹ  
chấp nhận cho đi đủ 6 người và cùng đi một chuyến.

Về Hộ Khẩu : hiện giờ đang có 2 Hộ Khẩu :

1 ở TP. Hồ Chí Minh (của chúng tôi) và 1 ở TRÀ VINH (của  
dâu chúng tôi) - đang xin cho dâu chúng tôi nhập Hộ  
Khẩu về TP. Hồ Chí Minh vào Hộ Khẩu chúng tôi - Vì đây,  
tôi là giáo viên nên còn phải chờ phép ở Sở Giáo dục  
và Tổ chức Chính quyền của TP. Hồ Chí Minh - Chúng  
tôi tin là vì lý do nhân đạo rồi đây dâu chúng tôi  
cũng sẽ được nhập Hộ Khẩu của gia đình chúng tôi.

Xin Bà, đã rõ hoàn cảnh gia đình của chúng  
tôi, cố gắng giúp giùm cho được 2 nguyện vọng ghi  
trên -

Ngày nào chúng tôi được tái định cư ở Mỹ và  
đoàn tụ theo ý nguyện, đó là một công ơn lớn của  
Bà đối với gia đình - chúng tôi, chúng tôi rất thâm  
cảm ơn lớn của Bà, không bao giờ quên được.

Chúng tôi xin thành thật cảm ơn  
Bà một lần nữa về các việc giúp đỡ gia đình  
chúng tôi.

Xin chúc Bà và quý quyến được vạn an và  
may mắn -

Địa chỉ: 153/8 - g Kỳ Đông Q. 3  
TP. HỒ CHÍ MINH - VIỆT NAM

Nay kính  
Thưa  
NGUYỄN-THƯỜNG CHÌ

RELEASE CERTIFICATE

Referring to the Circular No. 966-BCA/TT dated on May 31, 1961 of the Ministry of the Interior.

Executing the Judgment act, decision of release No. 133 dated December 12, 81 of the Ministry of the Interior.

Is hereby delivered to the person whose name as follows :

Full name NGUYEN THUONG CHI :-----: ;  
Used other names : : HO CHI MINH CITY : ;  
Alias : : Administration section of : ;  
Born in : 1920 at My Tho : persons back from reeducation : ;  
Place of permanent residence : reported on Jan.20,1982 : ;  
before arrested : 153/8/9 Ky Dong street, quarter 17, street ward 4,  
District 3, Ho Chi Minh City

Guilty of : Director of Directorate of Taxes.

Arrested on June 17, 75 sentenced to be concentrated for reeducation Pursuant to Judgment act No. 30 on June 30,1976 of the Ministry of the Interior.

Sentence mitigated :

Authorized to reside at : 153/8/9 Ky Dong street, quarter 17,  
Street ward 4, District 3, Ho Chi Minh City

Observations on Reeducation process :

- Has found himself to be guilty. Therefore in reeducation process, the person concerned has shown his belief in the Party and State policy.
- Political study : regular attendance
- Manual labor : Has completed all the required number of workdays.
- Compliance with camp regulations : good.

|                     |                      |                     |
|---------------------|----------------------|---------------------|
| Fingerprint of      | Full name, signature | January 14, 1982    |
| NGUYEN THUONG CHI   | of the holder        | The camp supervisor |
| right index         | (signed)             | Lt. Col. TRAN MANH  |
| No. 1700            | NGUYEN THUONG CHI    | XUYEN               |
| Established at NV15 |                      | (signed and sealed) |

-----  
(VERSO)

This is to certify that the person concerned has reported himself at the Administration section of persons back from reeducation.  
Feb. 20, 1982

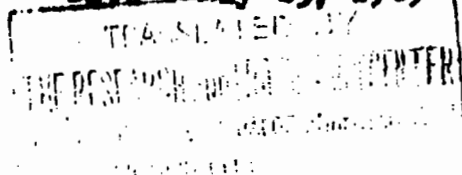
The person concerned has reported himself at the Quarter 17, District 3 on February 09,82  
Quarter 17, District 3, on Feb.09,82  
HOANG VAN CU  
(signed and sealed)

The Deputy chief of standing sub-section  
(signed and sealed)

-----  
Translated from the original written in Vietnamese

File No. 855/89

Date : May 23, 1989



# CONTROL

☒ Card  
☒ Doc. Request; Form  
☐ Release Order  
☐ Computer  
☐ Form "D"  
☐ ODP/Date \_\_\_\_\_  
☐ Membership; Letter